

Piàng thè

Tồ Hoài



Nhà xuất bản Trẻ

Table of Contents

[GIẢNG THÈ](#)

[Giới Thiệu](#)

[Chương I](#)

[Chương II](#)

[Chương III](#)

[Chương IV](#)

[Chương V](#)

[Chương VI](#)

[Chương VII](#)

[Chương VIII](#)

[Chương IX](#)

[Chương X](#)

[Chương XI](#)

[Chương XII](#)

[Chương XIII](#)

[Chương XIV](#)

[Chương XV](#)

[Chú Thích](#)

GIẢNG THÊ

Tác giả: Tô Hoài

Nhà xuất bản Trẻ

Đánh máy: casau, Ct.Ly

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Giới Thiệu

Tiểu thuyết Giăng thề tôi viết năm 1942, ở Thủ Dầu Một bên sông Sài Gòn vùng đồn điền cao su Dầu Tiếng, khi trên phố chợ khi ở xưởng than Bến Ray.

Tình cờ làm sao mà câu chuyện trong tiểu thuyết này ủ ấp sáng tạo ở quê Nghĩa Đô tôi lại viết ra bên rừng bờ sông Sài Gòn xa xôi.

Thế mà cũng thành một nếp suốt đời tôi trong sáng tác. Nhiều khi sửa soạn viết một cái gì, tôi thường đi nhiều nơi.

Tôi đã viết tiểu thuyết Đảo hoang chuyện Mai An Tiêm và quả dưa hấu, những chương đầu viết ở Phai Vệ thị xã Lạng Sơn. Hang Phai Vệ là quang cảnh nhà An Tiêm bị giam trong hang đá trước khi bị nhà vua đẩy đi đảo xa. Tôi lại đã viết đoạn cuối tiểu thuyết Đảo hoang này ở bãi biển nghỉ mát Yalta bên bờ Hắc Hải. Cái núi Gấu và sự tích núi Gấu ở biển Yalta với bóng con gấu yêu thương mà vợ chồng con cái Mai An Tiêm đã già từ để trở về đất liền, sau bao nhiêu năm bị lưu đày.

Cũng như gần đây năm 1996, tập hồi ký Chiều chiều của tôi được viết ở Đà Lạt.

Cả đời cầm bút, cũng thành cái thói riêng làm việc như thế. Còn nhớ khi ngoài hai mươi tuổi, tôi vừa in truyện Con đế mèn (về sau viết tiếp và đặt tên là Đế mèn phiêu lưu ký), ông Vũ Đình Long chủ nhà xuất bản Tân Dân đã hợp đồng với tôi viết truyện ngắn cho tuần báo Tiểu thuyết thứ bảy, truyện cho sách Truyền Bá của thiếu nhi, và tiểu thuyết cho sách Phổ Thông. Tôi đi đâu thì ông gửi tiền nhuận bút qua đường bưu điện.

Vì thế, tôi đã đến được Sài Gòn rồi đi Thủ Dầu Một. Tôi có anh bạn cùng làng đi làm phu cao su đồn điền Michelin ở Dầu Tiếng.

Nhưng đến Dầu Tiếng thì bạn đã đi nơi khác. Anh theo người ta đi làm thợ dệt ở Kampot bên Campuchia.

Bà con miền Nam đối với người qua lại, dầu tôi là một “thầy Huế” từ ngoài Bắc vào cũng thật xởi lởi, vồn vã. Chẳng quen biết mà rồi cũng trở nên thân tình. Thế là tôi lại viết tiểu thuyết Giăng thề - một câu chuyện về làng xóm quê tôi.

Bao nhiêu năm sau, đất nước đã hoàn toàn giải phóng, tôi có dịp trở lại Dầu Tiếng. Tôi ở nhà khách cơ quan nông trường cũng trên sông Sài Gòn. Xa xa, núi Bà Đen bên kia rừng vẫn xanh đen. Nước sông vẫn trong veo, trông thấy từng con cá bơi nhớn nhoe. Tiếng còi nhà máy vẫn rít lạnh lạnh trong đêm khuya. Những người thân thiết ngày xưa thì chẳng còn ai.

Đầu chợ, những tấm bia ghi tên những người trong thị trấn, những chiến sĩ dân quân đã hy sinh từ đầu kháng chiến chống Pháp.

Tôi trở lại Hà Nội, đưa in tiểu thuyết Giăng thề cho nhà xuất bản Tân Dân.

Bây giờ bên châu Âu, nước Pháp đã thua trận, chính phủ Pétain đầu hàng phát xít Đức. Ở thuộc địa thực dân Pháp bóc lột và đàn áp khốc liệt nhân dân ba nước Đông Dương. Chế độ kiểm duyệt của thực dân được đặt ra khắt khe. Chúng gạch bỏ từng đoạn sách, không cho in cả tác phẩm.

Như tiểu thuyết Đêm mùa của tôi miêu tả một làng bị chết dịch rồi lại chết cháy cả xóm. Thế là kiểm duyệt bỏ. Nói đến đất nước, dân tộc, chính trị là phạm pháp.

Tiểu thuyết Giăng thề cũng bị kiểm duyệt xóa từng đoạn từng chương như vậy.

Tiểu thuyết Giăng thề in lần đầu ở Hà Nội năm 1943. Cho tới bây giờ, đã qua nhiều thời kỳ, nhiều nhà xuất bản ở Hà Nội và ở Sài Gòn đã in lại nhiều lần.

Cũng vì thời gian đã quá lâu và nhiều khó khăn khách quan, tác phẩm in ra có nhiều sai sót.

Xin đính chính:

— Ngay lần in đầu, nhà xuất bản Tân Dân đã in lần chương cuối lên giữa sách. Do vậy, đương mạch truyện lại có dòng lưu bút kết thúc: Dầu Tiếng (Bến Ray)... Rồi hầu hết các nhà xuất bản, nhất là ở Sài

Gòn và Thành phố Hồ Chí Minh về sau đã in nhâm theo như thế.

— Tên tác phẩm, khi đầu là Giăng Thề (không phải là Trăng Thề). Tác giả viết theo tiếng địa phương.

— Lần in này, in theo bản đầu tiên và đã chữa lại các lỗi trên. Riêng một chương (chương VI) bị kiểm duyệt thời thuộc Pháp xóa bỏ (chỉ chú thích tóm tắt trong truyện vì không còn bản thảo).

Hà Nội tháng năm 2005

Tô Hoài

Chương I

“**T**răng thẻ còn đó tro tro” (Truyện Kiều).

Những vòng bánh quay lọc cọc, rồi đứng lại. Hai chiếc xe sắt đồ chổng đuôi lên và đổ xuống ba người khách. Họ đi về phía dãy phố có lấp ló ánh đèn sáng. Trời tối mịt. Vào tới ánh đèn mới nhận được mặt ba người. Người đi đầu là giáo Hoạch, tiếp đến giáo Kên và giáo Câu, hai ông này dắt tay nhau. Ba nhà giáo đi hát ả đào.

Ở trong một nhà đầu dãy nhà hát, các chị em trông thấy, chạy xỏ ra, nhao nhao:

— Chào các quan ạ.

— Các quan vào hát giúp nhà em.

— Ô kìa anh giáo Hoạch. Lâu lắm mất mặt mất mũi.

Hoạch đi vào, như hướng dẫn cho hai bạn. Ra lồi ta đây tay thành thạo nhất. Chị em bâu lại, tíu tít. Một chị khêu cái đèn ba dây cho tỏ thêm. Một chị ra khép cửa, dưới nhà bắt đầu lịch kịch đun nước. Ngọn đèn treo giữa nhà, soi sáng ra chung quanh tổ tường.

Nhà hát là một nếp nhà ngói ba gian, rất xưa, trước sân có hai chậu si và một cái bể bầu dục đựng quả núi giả. Trong nhà, hai bên cột giữa, móc đôi câu đối gỗ mộc, chữ bôi nhòe sơn đen. Tường bên phải, treo một dãy tám cái tranh Tàu vẽ truyện Chinh Tây, cảnh Tiết Đình Sơn bắn hổ trắng vô tình giết bố, cảnh Phàn Lê Huê cả phá Mê hồn trận.. Bên trái, có một bức tranh thực to, vẽ ông Tô Vũ chần dè râu dài chấm đất, mặc quần áo rườm rà cầm chiếc gậy đầu hươu có tua xanh đỏ, đứng dưới gốc cây hoa mai, giữa mấy con dê lụ khụ. Rải rác ở góc tường trên đầu cột, có dán những cái ảnh tàu chiến, ảnh ông tây bà đầm cắt ở các nhật trình ra. Giữa gian nhà trước bên cái tủ chè, kê một bộ tràng kỷ và một chiếc án thư. Hai gian bên, hai chiếc giường ghép vào. Một chiếc hòm phản có bốn chân cao lênh khênh, đứng sát tường, phía trong cùng.

Ba quan viên nhà giáo ngồi hai bên tràng kỷ. Ông giáo Kên ngắm đôi câu đối, giáo Câu ngó cụ Tô Vũ chần dè, ông Hoạch tán khướu với một ả. Vừa hay nhà này có ba cô đào rượu. Một cô, cô Muỗi thì vẫn là chỗ quen biết tri kỷ của giáo Hoạch. Còn cô Huệ và cô Tình, lúc này Hoạch ta hóm hỉnh chia:

— Tôi giới thiệu em Huệ với anh Câu đấy. Còn chị Tình ra quạt cho anh Kên tôi đi chứ. Chị làm thế nào cho anh tôi cười túm một cái, thì tôi nay có thưởng đấy.

Cô Tình dấm vào lưng Hoạch:

— Phải gió cái nhà anh lờm lày, thấy mặt nà thấy tán nhảm!

Rồi ả cầm quạt sang phe phẩy quạt cho Kên. Kên im vẩn một điệu ngắm câu đối. Hoạch cười hô hô. Còn giáo Câu, Câu lé mắt nhìn cái cô Huệ mà Hoạch vừa gắp cho anh. Cô Huệ cũng đứng dịch lại gần Câu, cười nụ.

Dưới nhà, nước trắng đã sôi. Ấm, tách lấy ở trong tủ chè ra. Cô Huệ pha một tuần chè Tàu. Khách đương nhắm nháp thì chú kếp vác đàn bước vào. Rồi cô Muỗi, cô đào hát - là con của chủ nhà - ở nhà dưới đi lên. Người ra mở nhà hát cũng có nghĩa như mở một ngôi hàng tẩm. Chủ nhà này là một ông, có ngón đàn và nghề hát gia truyền. Nhà ông, ông ở gian nhà lá đằng góc vườn dưới. Hát thì con ông hát lầy, chị phải mướn ba cô đào rượu. Hai người con gái lớn của ông đã lấy chồng, trước kia ở nhà, các cô cũng đều là đào hát. Bây giờ còn có cô gái út là cô Muỗi. Cô Muỗi mặc áo the thâm, vắn khăn nhiễu tây, mình cô gầy, mảnh như chiếc que đóm..

Cô Muỗi và chú kếp đàn ngồi phản bên. Trống châu đặt trên ghế tràng kỷ. Cô Huệ mời: “Các anh nghe hát”. Hoạch bảo Kên: “Anh thưởng trống trước đi”. Rồi anh xoay cái roi châu và cái trống về phía Kên. Kên ung dung cầm roi châu. Nhà giáo Kên, lúc này nom rõ thực đạo mạo. Anh che vạt áo the dài ngồi vắt chân chữ ngũ, lưng hơi khom khom. Một bàn tay bịt nhẹ miệng trống. Một tay rún rẩy nâng roi châu, gõ “độp độp”. Mỗi một tiếng “độp” nảy, người anh hơi xiêu về đằng trước theo nhịp.

Đó là cái điệu riêng của anh, khi gõ trống. Đào hát đến câu nào mà anh cho là nhất, anh điểm trống đồ hồi khen rụt cả cổ lại. Mắt anh chăm chăm, nhìn thẳng, nghiêm như lúc giảng bài học trò. Anh xưa nay vốn là tay chơi đứng đắn, lịch sự. Cô đầu Tình đứng sau lưng, quạt lệ từng phẩy chậm chạp. Tên cô là Tình mà nom chẳng tình chút nào. Con mắt hiêng, hai con ngươi liếc nhau. Đôi môi cong tớn, cộm lại như hai mép lá cải bắp.

Chú kếp dạo đàn “từng từng từng từng” rồi gõ vào bài, khi cô Muỗi bắt đầu gieo phách. Miệng chú kếp méo, tròn, chúm, dài, cổ chú ngoẹo, lắc và cả cái mặt cũng lung lay theo với bàn tay nắn phím. Chú kếp xử cây nhật cao như cái đòn gánh: “Từng từng từng... Từng từng... Phình phình phình...”.

Giai nhân nan tái đắc... ư... Trót yêu hoa... nên dan díu với tình. Má tây hiền nguyệt dải chên chên... Rầu rĩ mấy xuân về oanh nhớ ở... ở...

Cô Muỗi ngồi hát, chân xếp bằng tròn, tà áo khép kín hai đầu gối. Đôi tay cô mềm mại gõ phách theo nhịp đàn và câu hát. Tiếng cô e é chua như giấm. Mỗi khi đến một giọng cao, cô vươn cái cổ ngấn nổi cộm chiếc gân dũa, khó nhọc như khắc từng tiếng ra một. Nếu không có hai bàn tay dịu dàng uốn éo với lá phách, và cái tiếng hát nỉ non, nom cô thiếu nảo như người bệnh rét đương lên cơn. Tiếng nhật, tiếng hát, điểm tiếng phách lách cách và tiếng trống châu nhịp bộp bộp. Nghe vui, giáo Câu cũng lạ tai.

Giáo Hoạch và cô đầu Muỗi đã dẫn nhau ra đằng sân sau tối om. Họ ra ngoài ấy tri kỷ khô với nhau. Hai anh chị đã bắt nhân tình nhau từ lâu. Hoạch cũng là tay cừ mới chớp được cô Muỗi. Vì nàng kháu khỉnh nhất nhà này.

Câu ngồi yên, lắng hai tai. Nếu không thế, anh cũng chẳng biết làm gì. Về đường chơi, vốn anh kém. Cũng muốn tán tằm phơ với cô Huệ ít câu, nhưng anh ngại, không biết dọn chuyện thế nào cho được tình tứ. Bởi vậy, anh cứ ngồi thực thẳng người và ngó trộm cô Huệ tí chút. Trông cô ta được mẽ người phốp pháp. Mặt tròn như đồng tiền, cô bận áo lụa nhuộm thiên thanh, quần lụa trắng. Chỉ ngán nổi, cô nói tiếng ô ô như người trĩ mũi.

Tiếng cô Muỗi hát:

... Nước sông Tương một dải nông chờ

Cho kẻ đây, người đây mong mãi.

Bút rút nhẽ, trăm đường nghìn nỗi

Chữ chung tình biết nói cùng ai

Quản chi ư ư... gấn bó một hai...

Phình phình... phình...

Khỏ hát xong. Kếp buông đàn. Cô Muỗi ra uống nước. Giáo Hoạch ở ngoài sân vào, tay cấp cánh tay với Muỗi, âu yếm như đôi vợ chồng. Hoạch móc túi, lấy một đồng bạc đưa cho đào Tình:

— Bảo nó đi mua hai chai bia. Lây cái đẳng cổ vàng ấy. Một bao thuốc lá “ba tốt” nữa nhé.

Tình ra ngõ. Một chốc vào thưa:

— Người ta hết bia, còn có nước “ô-răng-rát”, các anh xơi vậy.

— Cũng được. Cho ba chai.

Mọi người uống nước cam và hút thuốc lá. Chuyện nở như ngô rang. Nhưng riêng Hoạch nói nhiều. Thỉnh thoảng giáo Kền gật gù chêm một câu, ngang như cua bò. Còn Câu chỉ cười. Các chị em ngồi quây lại, tiếp những đoạn khôi hài vụn. Không khí vui vẻ và đậm ấm. Câu đã thấy bạo hơn lúc mới vào. Anh ngồi xích lại gần Huệ, Huệ đánh diêm, châm thuốc lá cho Câu hút. Hoạch trông thấy, cười phá lên:

— Á ơ kia, chóng thân nhau nhỉ? Nom đẹp đôi lắm. Anh tôi hiền lành, chiều vợ lắm đấy, khi nào cho ông mồi miếng trầu đấy?

Huệ cười tít mắt:

— Dơ cái nhà anh. Hãy báo lấy vợ chồng anh ấy.

Giáo Câu chỉ mồm mím. Hai tai nóng bừng. Tàn cuộc uống, khỏ hát khác lại bắt đầu. Vẫn cô Muỗi hát. Cô Huệ mời Câu thưởng trống. Câu lắc. Hoạch cướp lấy dùi, nói: “Xui chồng đập trống! Có hư

hại đồ cho người ta nhé!”. Rồi anh ngồi vào tràng kỷ, đánh trống. Người ta bảo rằng đập trống như Hoành mới là kiểu của kẻ ăn chơi. Anh cầm chiếc dùi éo lá, khẽ gõ lướt trên mặt trống, vẻ mặt anh tươi tỉnh. Đôi mắt lẳng lơ đã đưa nhìn cô đào hát, khiến cô này thỉnh thoảng lại mუმ mუმ, hát quay mặt ra đằng khác.

Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết... Mới ngày nào còn chẳng biết cái chi chi ư... ư...

Lại hát. Câu lại ngồi yên như phỗng. Bên góc ghế, giáo Kền cũng ngồi ngây, một tay chống cằm, chăm chú nghe. Câu cũng làm ra vẻ để ý, nhưng thực anh chả thích hát hồng chút nào. Hát như mèo cái gào đực, không rõ ràng câu kệ gì. Nhìn cái này, nhìn cái kia mãi, chán. Câu đi lững thững ra đứng ngoài cửa.

Đây là phố xép, như lối một phố phủ hẻo lánh. Con đường ruột phố rải đá, chia đôi dãy nhà khắp khênh, cái chia ra, cái thụt vào. Giờ này, thường thường mọi nhà trong phố đã đóng cửa. Đường sá tối thui. Cách mỗi quãng dài, mới gặp một vạt ánh sáng hắt ra, đấy là cánh cửa một lò khâu, hay là một hiệu cao lâu có phở xào. Đầu phố, đứng chết rữ, dùm vào nhau, mấy chiếc xe sắt chổng đuôi lên không có đèn.

Sau lưng Câu, tiếng guốc lẹp lẹp. Quay lại, Câu thấy Huệ đương đi ra. Anh đứng yên, khoanh tay, vờ không để ý, nhìn lên đầu phố, Huệ cười, nói ỏn ẻn:

— Đứng đây buồn chết. Vào nhà đi anh.

— Trong nhà hơi bức.

— Em quạt hầu anh nhé?

Câu cười mím, không nói gì. Huệ hỏi:

— Chắc anh mới đi cùng với anh Hoành lần này?

— Ba anh em chúng tôi là bạn với nhau...

— Là em nói anh mới lên đây lần đầu với anh Hoành cơ!

— Ừ, mới lên lần này. Anh Hoành lên luôn hử?

— Luôn đấy. Anh cũng dạy học à?

— Ừ

— Trường nào thế?

— Trường Hạ Nha.

— À, trường làng Nha. Làng Nha ấy có anh cả Cang, có anh phó Nghiên, rồi anh Ba gì ấy này...

— Quen hả?

— Các anh ấy lên hát nhà em thường liền. Hôm nào đi chợ, em phải xuống làng Nha chơi mới được. Trường anh ở chỗ nào?

— Ngay đầu làng.

— Em quên mất, tên anh là gì nhỉ?

— Câu.

— Còn anh kia.

— Anh Kền. Anh ấy dạy trường Yên Thượng.

— Tên là Kên? Buồn cười nhỉ? Hút thuốc lá, anh?

Câu xua tay:

— Tôi kiêu. Hút cay xè cả lưỡi. Hôm nay hút nhiều thuốc lá quá. Chúng tôi mới ăn cỗ khao ông Chánh Rụy bên Phú Gia, rồi lên đây.

— Ồ, phải rồi. Nhà chị Xuân đằng kia hôm nay sang hát đám ông Chánh Rụy.

— Đây có mấy nhà hát?

— Có năm nhà cả thầy.

— Ồ, có tiếng tom tom đằng kia. Sao nghe xa xa như nhà hát ở trong làng?

— Không phải! Các nhà người ta ở tận trong giữa xóm, chứ không ngoài phố như nhà em.

— Trống nhà này nghe “bộp bộp” như chặt thịt!

— Trông nhà gạch mái ngói, không ròn được. Vào uống nước, anh?

— Cứ vào trước đi.

Huệ vào một lát, Câu mới đứng đỉnh vào. Hoạch hỏi:

— Ông bà làm gì nhau ở ngoài ấy mà lâu thế?

Câu cười thật thà:

— Làm gì đâu!

Cô Muối lại hát một khổ hát mới. Hoạch và Kèn chuyển nhau thưởng trống. Câu thỉnh thoảng lại chuyện dăm dẩn nhát gừng với Huệ, qua chén nước. Đào Tình vẫn chịu khó ngồi kè bên quạt cho Kèn. Chị em, nhất là cô Muối, nhăm nháy, có ý chế cái điệu đứng đắn “hủ lậu” của Kèn. Thì cô Tình lại bênh. Cô nói ngọng đặc giọng “tiểu thuyết”. Đầu mỗi câu, bao giờ cũng phải:

“Lói” xin “nổi” các chị chứ, ở cái thời buổi

“lày” ... “Em cam đoan nấy danh dự mà lói rằng...”.

Họ léo nhéo bên tai. Kèn vẫn ngồi im. Anh chỉ ngồi nghe hát.

Cuộc vui kéo dài quá mười hai giờ đêm. Cô Muối xin phép nghỉ hát, và mời các quan viên ngủ lại. Nhưng Kèn đứng lên, nói thực to:

— Ai ngủ thì ngủ. Tôi về.

Câu về hùa:

— Tôi cũng về.

Hoạch tiếp:

— Thì anh em cùng về cả.

Cô Muối nài:

— Các anh ở lại cho vui. Mọi khi các anh vẫn ở lại mà?

Hoạch nói:

— Mọi khi là tối thứ Bảy. Ngủ lại đây bây giờ, mai về không kịp buổi dạy. Để khi khác, thiếu gì lúc.

Rồi Hoạch móc bím, lấy tiền chi châu hát. Châu hát mất vừa hai đồng, cả tiền đàn của chú kếp. Đưa hai tờ giấy bạc cho cô đào Muối, anh còn cố ý tóm tay cô ả một cái.

Ba anh em, khăn đóng áo chùng, chít khăn đội mũ tề chỉnh, ra về. Mấy chị em riu rít tiễn ra tận ngõ. Cô Muối bận áo tấc bịt tà, đi búi lấy vai Hoạch. Tay đôi dìu nhau lại ở bóng tối, góc đằng kia. Kèn bắt tay Tình và Huệ. Chàng giáo Câu cũng muốn bắt tay như Kèn. Nhưng ngại. Nhưng rồi Câu cũng tóm tay Huệ, nói:

— “Ô rơ voa” nhé![\[1\]](#)

— “Ô rờ voa”!

Chương II

Cái bàn thầy giáo thật dị kỳ. Xếp theo dãy dài, nó đứng đầu hàng của mười cái bàn dài và mười cái ghế học trò. Riêng nó, bằng gỗ gì không biết, nhưng đen bóng. Còn mười chiếc bàn ghế kia, xương cốt đều bằng gỗ tạp, trắng bệch. Học trò mài chân mài tay lên cái màu trắng đỏ đã nhiều năm, nên nó đã biến đổi. Nó được phủ một lượt cao của các màu mồ hôi, cứt mũi, cứt mắt và nhiều thứ không tên khác. Một lũ bàn ghế nhôm nhếch, xiêu vẹo dựa vào nhau mà đứng. Cho đến cái bàn thầy giáo là tươm nhất, mà cũng ồm dờ. Nói nó què thì đúng hơn. Bàn chỉ có ba chân. Một chân nữa, là một chiếc cọc tre, mà người ta đem chôn cắm xuống đất.

Nguyên đạo năm ngoái, làng vào đám, mượn cái bàn lên đình, đem hát làm bàn vua cho các ông phường chèo. Vua giả cách chạy loạn trên núi, đứng lệnh nghênh trên mặt bàn. Một tay gian thần vừa hét vừa nhảy lên toan chém vua. Cái bàn xiêu và... khắc một cái! Một chân nó oặt xuống. Cả hai ông tướng đều ngã bò chổng gọng ra. Từ đấy, chiếc bàn đưa về lớp đã bị tật. Người ta chôn xuống đất cho nó một cái chân giả, như thế, cái bàn chỉ có thể đứng mãi mãi một xó vậy thôi. Không xô đẩy được như các đàn em nó là những bàn ghế của học trò kia. Mỗi năm, đến kỳ thi ở trường phủ, người ta lại khênh chúng quảng lên xe bò, đem vào cho các lớp thi mượn mười hôm. Mỗi năm phải một chuyến du lịch miễn cưỡng, nên những cái bàn cái ghế càng mệt mỏi, ồm yếu và mất mát dần. Cái chân lỏng, chiếc chấn ngang tụt chột. Nhiều khi, học trò đang ngồi, tự dưng hai chân bàn buồn bã, giận dỗi thế nào rồi rời ra. Mặt ghế sập xuống như cái bầy chuột. Cả lũ hết vía. Lại lấy gạch, lấy đá gõ cho mấy chiếc chân vào khớp. May, từ trước tới giờ, chưa có chú học trò nào bị què cẳng.

Hôm nay thầy giáo Câu ngồi bàn, lui húi chấm bài. Hơn sáu mươi cái đầu trẻ con, đủ kiểu lố nhố trước mặt. Hơn sáu mươi tên học trò, chia làm bốn lớp: a, b, c, bét, tư, ba và cai trị bởi một thầy giáo Câu. Bấy giờ vừa giờ ra chơi vào xong, ở ngoài sân, bọn trẻ đùa nhảy đã chán chê. Mà bây giờ chúng vẫn nghịch. Trẻ con chẳng bao giờ biết im miệng, im chân, im tay. Chúng nói rì rầm. Chúng đá ngằm nhau dưới gầm bàn. Chúng chen, huých cánh tay. Có những đứa chọi đầu vào nhau, làm như chọi trâu. Chúng văng tục và chửi nhau. Đứa khóc, đứa mếu, đứa cười. Bàn ghế cũng hòa nhịp cọt két rền rĩ lên. Lớp học lúc nào cũng lao xao, rì rào như có một đàn ong bay qua. Chốc chốc thầy giáo Câu gõ cái thước lấy lệ, bởi thầy cũng đã quen cái ồn ồn ấy. Bút mực đỏ vẫn mãi miết gạch, xóa, phê.

Bỗng ở ngoài bàn xé cửa, một đứa đứng dậy:

— Thưa thầy, có...

Thầy ngẩng đầu lên. Anh học trò chưa thưa hết câu, thầy cũng biết là thưa gì. Bởi ngay lúc ấy có một cái đầu ở ngoài cửa thò vào. Câu buông bút, đi ra. Tưởng người nào, hóa ra vợ anh giáo Hoạch. Chị Hoạch mặc áo cánh nâu ngắn, quần xắn móng lợn. Một bên nách ẵm thằng bé con. Đầu chị chưa vấn, tóc quần túm lại, bù xù như cái ổ rạ trên đầu. Giáo Câu hỏi:

— Bác đi chơi đâu xuống đây sớm thế?

Chị ấy khóc mếu máo:

— Tôi lại còn đi chơi đâu nữa! Sung sướng thế ư...

Rồi chị vén món tóc lòa xòa trên mặt. Hai mắt chị đỏ ngầu. Nước mắt có sẵn nhiều quá, cứ tuôn ròng ròng. Vẫn mếu, chị kể lể:

— Người ta đi suốt đêm cho đến sáng, rồi về nhà, người ta gây sự với tôi...

Câu sừng sốt:

— Chết chữa! Sao lại như thế? Ra cái anh này...

— Khốn khổ, bác còn vờ, nhà tôi với bác Kên ở nhà ông Chánh Rụy đến chín giờ, rồi đi đâu, đi đâu?

Câu cãi:

— Tôi nào biết bác ấy đi đâu!

— Người ta bảo rằng nhà tôi được xóc đĩa, có tiền, rồi đi chơi cô đầu phổ phủ với hai bác. Nhưng bác mà không đi, thì nhà tôi rủ người khác, tôi còn lạ gì. Trời đất ơi... phen này thì đến tan cửa nát nhà mất thôi... hic... hic... hic...

Câu toan nói điều gì đó. Nhưng chị Hoạch vừa khóc hu hu, lại dùng dùng chạy ra. Đứa con lóc xóc ngật ngưỡng kêu chơe chơe. Những người đi ngoài đường, thấy lạ, nhìn ngơ ngác. Có mấy đứa trẻ trong xóm đã rủ nhau chạy theo.

Câu nhìn hút chị Hoạch, trong bụng tấm tức nghĩ cái về người đàn bà cả ghen và lắm điều. Anh đứng bần thần một lát, chợt quay lại. Thì đã trông thấy sau lưng có đến mười cái đầu lồ nhô thò ra cửa sổ. Có đứa nhút nhát lè một nửa mắt. Có đứa nghịch quá, leo tót lên ngòai chòm chòm trên cửa sổ. Thấy thầy giáo, chúng tụt vào nhanh như biến mất. Cả lớp chợt huyền não tựa một cái chợ đương buổi họp đông. Đứa thì phồng má, trợn mép làm tuồng. Đứa uốn éo làm xiếc. Những đứa trẻ bé bị bắt nạt, khóc om sòm. Được vắng thầy một lát, chúng cuống cuống múa may, hò hống như một lũ rồ. Thầy giáo Câu vào, những cảnh nghịch ngợm đương diễn dở. Anh xách mấy tay đầu bò lên, đét cho mỗi tên bốn thước kẻ bằng vào hai bàn tay. Một lát sau, đã êm cả. Lạnh lạnh tiếng đọc bài.

Thầy giáo vẫn cầm cái thước kẻ dài như cái đòn gánh, đi bách bộ dọc chiều lớp. Anh đi như vậy, không biết bao nhiêu lần. Tai nghe học trò đọc, Đôi chốc dừng lại để bảo mấy đứa đánh vần trắc, nhưng đầu anh vẫn mãi nghĩ loăng quăng chuyện khác. Anh nghĩ chuyện cái nhà chị giáo Hoạch ban nãy. Chắc hai vợ chồng anh ta mới sinh sự to. Anh thấy bùi ngùi, hơi hối hận, và ngượng. Vì sự rắc rối kia sở dĩ mà có, chỉ bởi cái đêm vui thú nhà trò con hát vừa rồi. Đã đành anh chồng nóng và cục đánh vợ là không nên. Nhưng chưa chắc đã phải.

Bởi vì cái máu ghen của chị đã có tiếng ghê gớm ngang máu ghen của cô Hoạn Thư trong truyện Kim Vân Kiều. Đã bao nhiêu lần chị nhảy xuống ao chỉ vì chuyện ghen tuông bóng gió. Khi anh Hoạch lên Phú Gia làm hương sư, chị cũng theo lên và hai vợ chồng đã có với nhau bốn đứa con.

Tưởng mỗi tuổi thì cái tính hồ lừa kia mỗi dịp xuống. Ai ngờ càng ngày càng ghê. Mỗi lần nghe chồng có “tiếng” gì, chị nhảy chòm chòm, chị giãy đành đạch, chị nằm nhuôi đứ đừ như bị bóp cổ. Rồi chẳng ốm iếc chi hết, chị cũng đập chiếu, nằm rên ầm ầm. Chị rửa ròi chồng ra rả suốt ngày. Suốt đêm, chị khóc chị kêu, chị kể lể, như giá mất tiền mất bạc cũng không bằng. Phải anh chồng là cái thẳng cục, cứ to tiếng là lại nện nhau.

Mà tính anh lại hay lăng nhăng, tự cho là mình số đào hoa có nhiều gái mê. Các nhà giáo quanh đây cười nhạo và có ý trách Hoạch không biết giữ tiếng cho giới hương sư. Nhưng Hoạch cũng có lý của anh. Anh cho rằng đàn ông ai chả mê gái, chẳng qua là bọn ấy kém, lại làm bộ đạo đức giả. Anh không cần gì hết. Anh cần gì! Cũng như cái trận vợ chồng cãi nhau choảng nhau hôm qua hôm nay, cũng chỉ là những trận đòn đánh quen thuộc. Vợ chồng thì lúc yêu lúc ghét thế thôi.

Song, nếu chỉ thế thôi với giáo Hoạch, lại không với giáo Câu. Vợ chồng Hoạch sinh sự với nhau, nhưng không lôi thôi đến anh lại đi một nhẽ khác. Bởi vậy, từ lúc vợ Hoạch bỗng con đến, nhà giáo ta cứ bần khoản. Gì, chứ rắc rối chuyện đi hát ả đào thì tai tiếng lắm đây.

Mãi suy nghĩ vẩn vơ, đến giờ tan học, vẫn chưa tô vớ xong cho mấy đứa lớp bét. Anh sai đánh trống, và cho tan học. Minh anh ngòai lại, làm nốt. Ngoài cửa, những tiếng reo hò ầm ĩ, tản ra xa, lặn vào các ngõ xóm. Những đàn chim sẻ, qua cơn sợ hãi, lại mon men nhảy xuống cửa sổ kêu tặc tặc. Ngoài sân có tiếng “rắc rắc” một vòng xích xe đạp và tiếng chuông “kính coong”. Câu chạy ra. Giáo Kèn đeo kính trắng, mặc áo the, dận đôi giày tây có cổ. Ghé xe, nhà giáo hỏi:

— Lúc nãy, vợ Hoạch sang anh không?

— Có.

Câu hậm hực kể lại câu chuyện vẫn bực mình từ ban nãy.

Kèn cười, nói:

— Người ta ở đời cũng phải biết điều một tí chứ. Chẳng đầu đuôi xuôi ngược thế nào đã nháo đi

khóc lóc kể lể, trách móc. Tôi mới dón cho chị ta một hời. Tịt rồi lui. Chắc ở tôi ra thì ả sang đây. Buồn cười thực, làm như anh em mình lôi kéo chồng ả đi chơi không bằng. Mà anh em mình cũng can hẩn mãi.

— Tôi chỉ ức cái nổi ấy. Ờ, làm sao vợ hẩn biết được?

— Thế này chứ. Hẩn đánh bạc được mấy đồng xóc đĩa nhé. Lúc ba đứa kéo đi, cả đám cổ trông thấy. Cái trò ở đời người ta hay hớt chuyện. Đêm họ đi làm cỗ giúp về, chỉ nói qua bờ rào một tiếng với vợ hẩn, người ta kháo nhau. Ai còn lạ cái thói ghen tuông của ả. Chồng về, thòp ngực, nói lải nhải. Chồng tức mình mới cho một mẻ. Nghĩ ngẫm người ta ở đời cũng hay. Nhưng chỉ buồn một nổi họ lại ngờ oan cánh mình rủ rê.

— Rồi làng nước người ta biết. Tôi cũng chỉ cáu vì thế!

— Có rồi hơi mà cáu thừa. Ai biết mặc ai! Kia, ta về chứ? Tôi về trước nhá? Kia quên mũ hả?

Câu đáp:

— Tôi đi đầu trần cho mát.

Cứ kể giáo Kền nói câu: “Ai biết mặc ai!” cũng là phải. Nhưng chỉ phải riêng với Kền. Bởi xưa nay thì Kền cũng có cần gì ai. Anh là người vùng xuôi, lên đây dạy học. Anh thuộc lớp giáo làng cổ, có bằng tuyển sinh, đỗ cả chữ Hán và quốc ngữ. Năm nay anh ba mươi tư tuổi.

Hơn ba mươi năm dằng dặc đời anh tóm lại như sau: Ông cha mẹ lấy vợ cho từ khi đầu để nếm hoa roi. Đi thi tuyển sinh, anh mười tám, vợ đã có mang, người quắt như cái que, mà nghèo nghen vác cái bụng thúng. Khi sinh, cả hai mẹ con chẳng may chết. Năm sau, nhà cưới cho anh cô vợ khác nhưng lại tính toán lồi trừ hao, lấy người lại lấy việc nhân thể, cô này hơn anh bốn tuổi. Nó ở với chồng được hơn một năm, rồi nó téch đi mất. Ba năm sau, Kền lại được mẹ cưới cho cô vợ khác. Rõ rã cạp lại đến lần thứ ba, không cưới xin hẩn hoi gì. Người vợ này đàn quá. Mẹ Kền chửi đánh suốt ngày. Không chịu nổi, nó lại ăn cắp quần áo, đồng mất.

Ít lâu sau, mẹ chết, Kền đâm ra chơi bời. Có một ít ruộng, anh bán vào chiếu đồ đen hết sạch. Kền cũng có hai người anh. Nhưng của ai phận nấy, bố mẹ rành ra cả rồi. Kền túng, đồng xu không còn dính túi. Kền buồn, Kền cắt tóc đi tu, trốn cỗi đời khổ não. Kền tu đâu được hai năm, nhà chùa cho xuống tóc nhưng rồi làm tiểu anh lại vác cái đầu trọc đi uống rượu thịt chó, nhà chùa đuổi về, từ đấy tâm tính anh thay đổi nhiều. Người ta bảo anh cáu hập. Có người bảo anh gần có lẽ đúng hơn. Anh sinh làm thơ, rất nói chuyện thơ, làm thơ. Anh xưng biệt hiệu là Tri Mệnh. Nhưng người ta quen gọi anh là anh Kền, xừ Kền hay là ông “Người ta ở đời”. Bởi thường nói câu gì, anh cũng bắt đầu rằng: Người ta ở đời... Ông “người ta ở đời”, bỏ quê, lên Yên Thượng dạy học. Ông ăn cơm trọ. Ông ở một mình. Ông có cái xe đạp tróc sơn như màu đất, thỉnh thoảng đạp đi chơi chỗ này chỗ kia. Lương mười đồng, cũng nhì nhằng đủ tiêu. Không phải nuôi ai, chẳng chơi bời gì, có thể gọi là phong lưu. Ân sĩ Tri Mệnh có làm một bài thơ tự trào bát cú theo lối “thủ vĩ ngâm” để vịnh cuộc đời ngót nghét bốn mươi, rằng:

Ta cũng như ai, chẳng kém đời.

Cũng xen cười khóc, cũng đầy vui.

Gia đình tạo lập bao lần mới.

Hoa nguyệt rong chơi thực đủ vơi.

Chân cảnh trần duyên theo cửa Phật.

Vui vì con trẻ Khổng môn chơi.

Hỏi ai đã sướng như ta nhỉ.

Ta cũng như ai, chẳng kém đời.

Ừ thế thì giáo Kền còn có cần gì ai. Mà cũng chẳng ai hơi đâu xói móc đến hẩn ta. Nhưng giáo Câu thực không thể vô lo như thế. Đi hát cô đầu. Vợ Hoạch ghen chồng, đánh chửi nhau om sòm. Cái mặt giáo Câu ê lảm. Câu chưa yên bề gia thất như Hoạch. Câu không dám nhét thiên hạ vào một bên lỗ mũi như Kền. Ấy chỉ vì nhà giáo ta mới có hai mươi tuổi.

Bấy giờ giáo Câu đã nhả nha đi về đến đầu xóm, tay xách cái đồng hồ chằm cảm vuông to bằng cái

bất đàn. Một bà già ngồi trong cửa, khung cửi đương quay suốt vè vè, ngó thấy nhà giáo đi qua ngõ, liền hét vào trong nhà: “Mười một giờ rồi đây!”.

Ồ, nhà giáo đi về có buổi cũng như cái đồng hồ của người ta.

Chương III

Giao Câu không phải là người làng Hạ Nha nhưng đến đất này làm thầy giáo, cách thức ăn ở, cũng không khác giáo Kền đến bên Yên Thượng mấy. Thế thì, tôi hôm qua anh đi hát ả đào trên phố phủ, anh cũng chơi bởi một chút, đã sao. Không, không, Câu nghĩ, Câu không thể ừ liêu như vậy. Ai biết thì biết, chứ đến cô Miến mà cũng biết thì hồng hét. Nhà giáo thờ dài thườn thượt một cái, lòng nao nao khi nghĩ đến chữ “hồng hét”. Cô Miến mà biết? Hồng hét thực.

Câu chuyện cô Miến cũng chẳng có gì nhưng nói lại từ gốc, cũng hơi dài một chút. Nó bắt đầu đã ngót hai năm nay, từ ngày Câu lên Hạ Nha dạy học. Ngày ấy, Câu đương nằm nhà. Nói là thất nghiệp cũng chưa hẳn đúng mà cũng là đúng. Thi Sơ học Pháp Việt xong, anh không còn được cấp sách đi trường nữa, và cũng không biết làm ăn nghề ngỗng thế nào. Đương khi lúng túng, có anh bạn cũ, anh Diễm, về đón Câu lên Hạ Nha làm hương sư, làng Diễm đương khuyết chân giáo làng. Nhận lời, Câu lên ngay. Diễm là người làng Nha. Diễm chỉ học dở dang đến lớp nhì, rồi ra Hà Nội học thợ máy. Anh có vợ đã có ba con. Đứa lớn nhất lên bảy. Cả nhà ở với mẹ và một thằng cháu, con người anh của Diễm.

Vợ chồng bác này, mùa hè năm trước, chết bệnh tả, để lại một đứa con nhỏ cho bà và cho chú nó nuôi.

Lên Hạ Nha, Câu ở trọ nhà Diễm. Khi ấy, Diễm còn làm ngoài Kẻ Chợ. Mỗi Chủ nhật, Diễm về nhà một lần. Năm sau, Diễm xin được việc làm tốt tiền hơn, trong sở Ximăng dưới Hải Phòng. Diễm đổi xuống Phòng, đem vợ con theo, nhưng để thằng cháu và thằng con lớn nhất ở nhà với bà. Nhân thể để “nhờ bác giáo Câu dạy cho ít chữ”. Từ khi ấy, Câu ở nhà bà Thiêm - một bà bên họ ngoại. Bà già còn khỏe. Bà cùng hai cháu thôi cơm ăn với cậu giáo. Thỉnh thoảng, có thư của Diễm ở dưới Phòng gửi về, nhà giáo lại đọc cho bà lão nghe.

Vợ Diễm là con một nhà khá giả trong làng. Trước cũng nghèo rớt mòng tơi, sau được có máu mặt, là vì một việc tưởng như duyên phận thế nào. Năm đó, nghề làm lĩnh lựa canh củi ế quá, nhà nào cũng bữa đói bữa no. Trẻ con, kém ăn vàng cả mặt ra. Người ta bỏ làng đi cũng lắm. Nhà bác Khán Tịnh lâm vào cảnh nheo nhóc. Chị Khán để chồng với lũ con mọn ở nhà, lần ra Kẻ Chợ, xin được chân gánh nước máy cho một hiệu khách bán bánh ngọt. Chẳng biết duyên số thế nào, một chú khách làm bánh tăng tị với chị. Đôi bên ăn ở với nhau tự nhiên. Chị Khán lấy chú khách, cứ y như là gái son rồi, chưa có chồng bao giờ. Chẳng bao lâu, chú khách cũng ra mở một hiệu bánh nhỏ. Nhỏ, rồi lớn, chẳng bao lâu nữa, đã thành ông chủ giàu có. Nghiễm nhiên, chị Khán Tịnh thành vợ chú khách có tiền chục tiền trăm ra vào trong tay. Sung sướng tâm thân, nhưng lúc nào chị cũng nhớ đến, cũng lo cho đàn con và anh Khán ở quê nhà.

Anh Khán chẳng bao giờ hay biết gì - hay là biết mà cũng cho qua và chỉ biết như trời cho cái nhà anh Khán Tịnh đương nghèo thảm thê, bỗng hóa ra đủ bát ăn, rồi lại giàu lên. Chị ta đem của cải về nhà. Chị gây dựng cho mấy đứa con. Hai người con gái lớn cũng ra Kẻ Chợ lấy chồng khách, đều khá giả. Anh con trai ở nhà quê, mua nhiều mua hương hào đảng hoàng, không phải đi phu phen tạp dịch như dân bạch đình. Làng nước trầm trồ, khen chị Khán khôn ngoan. Cái lạ là chú khách bánh ngọt kia vẫn có khi về làng chơi, ngồi ăn cỗ uống rượu với Khán Tịnh. Chẳng biết chú khách có biết nói năng thế nào không, chỉ thấy cười hề hề. Người làng đồn chú bảo chú đem được bác Khán gái đến là lấy được thần tài vào trong nhà, thế là có tất cả, chẳng cái gì hơn được nữa.

Đương vận tía, thế nào mà chị Khán Tịnh ốm, rồi chết. Chị không được đưa con nào với chú khách bánh ngọt. Chú khách làm ma, chít khăn trắng theo phong tục quê, đưa về tận làng. Đám ma có kiệu đựng ảnh, có kèn có đàn sáo và hai con ngựa trùm vải đen kéo xe tang, linh đình to nhất hàng tổng từ xưa đến nay.

Nhà bác Khán Tịnh mất một tay kiếm cửa. Nhưng cũng không hề, vì sự khá giả đã ngồi vững từ lâu trong nhà rồi. Hai người con gái ở Kẽ Chợ càng giàu. Khi vợ Diễm lấy Diễm, bác Khán Tịnh qua đời đã lâu. Nếu bà ta còn sống, chắc chị này cũng được lối ra Kẽ Chợ, gả cho khách trú. Cái sự tích trường giang của một gia đình kéo dài ra đến ba bốn mươi năm đời này đến đời khác, vợ Diễm cũng chỉ lờ mờ biết về những ngày lưu lạc sung sướng của mẹ mà thôi.

Vợ Diễm là con thứ ba. Sau chị còn một cô em nữa, cô Miến là út. Cô này mới lớn. Trong nhà, bây giờ cũng không còn phong lưu như ngày trước. Miến quay tơ làm hồ. Đôi khi, cũng xách dây đi chợ bán lĩnh, cô làm giúp anh Ba Biên. Cũng có vốn riêng đấy, nhưng cô để dành cho vay lãi. Ông Khán Tịnh đã ngoài bảy mươi vào tuổi già nhàn nhã. Ngày ngày ông che cái quạt nan lên đầu, ra ngồi quán, uống bát nước chè tươi. Thỉnh thoảng, hôm nào vợ chồng Ba Biên hay là cái Miến đi chợ vắng, ông mới nhúng tay vào quay dặm tơ, có khi đánh cái suốt cho thợ dệt cửi.

Khi vợ chồng Diễm còn ở nhà chưa xuống Phòng, thường chiều ngày phiên chợ lĩnh thông thả, Miến vẫn hay đến chơi nhà anh chị ở xóm Giữa. Nhà ở xóm Lẻ, qua xóm Giếng xóm Giữa rồi mới ra cầu Phụng qua sông. Vì có đó mà giáo Câu biết cô Miến.

Đầu tiên, nhà giáo cũng không để ý. Thì cô Miến đôi khi lại nhà bà Thiêm láng giềng, cũng như lũ trẻ con bên hàng xóm, thường thậm thọt đến chơi, vốn tính Câu ưa ru rú một mình, lại hay giữ ý tứ không làm bận rộn đến ai.

Một buổi trưa Chủ nhật, Câu nằm trong nhà. Tình cờ, Miến tới chơi. Vợ Diễm và cô Miến, hai chị em đứng nói chuyện ngoài bậu cửa. Câu nghe thoáng vắng đưa vào tiếng cười khúc khích, tiếng thì thào. Cô Miến nói to:

— Bác ấy nhát như cáy. Trông thấy đàn bà là đỏ hai dái tai.

Vợ Diễm suyt:

— Khẽ chứ, con ranh!

Im bật. Thoáng bóng mờ trên vách Câu biết có người nhòm vào. Anh vội vàng nhắm hờ hai mắt, cổ cất tiếng ngáy kho kho.

— Bác ấy ngủ thật mà.

— Câm miệng đi. Mày chỉ hay nói vớ vẩn.

Nằm trong giường nghe thoáng chuyện của hai chị em, mặt Câu cũng đỏ dừ. Giá Miến nhìn vào tận nơi, hẳn bắt được quả tang anh ta đỏ mặt. Đích là họ nói mình. Chao! Anh ta nhút nhát quá, nhút nhát đến nỗi cô Miến cũng phải chê. Cái tính nhút nhát, anh không thể giấu vào đâu được.

Từ hôm ấy, mỗi lần gặp Miến, nhớ đến mẩu chuyện của cô ta nói vụng mình, Câu lại thấy như mặt xạm xạm đo đỏ. Dần dần, Câu cũng nhận được ra cô Miến là một cô gái đẹp. Rồi Câu thấy cô đẹp quá, đẹp lạ lùng, đẹp nhất làng, mỗi khi trông thấy thì mắt hoa lên. Nhất là vào những khi Tết mồng Năm, Rằm tháng Bảy, Miến mặc cái áo vải rồng nâu non, thắt hai vạt trước lại thành quả găng. Má cô đỏ hây hây. Hai con mắt sáng ngời. Khi cười, đôi bên má lúm xuống đồng tiền.

Xem chừng, không phải cô Miến không có cảm tình với Câu. Mỗi lần đến nhà chị, gặp Câu, miệng cô chúm chím, lúng túng: “Lạy bác giáo”. Đôi má hồng phơn phớt. Có khi Câu còn bắt được những khóe mắt cô liếc trở lại, lúc đã đi ra khỏi đầu ngõ hay là những lúc Câu đứng bảo học trong lớp ngoài trường. Trường ở xé bên lối đi lên chợ, chỉ cách một bãi cỏ. Bên kia đường, sông Tô Lịch bèo Nhật và cỏ nước mọc rậm cao ngút đầu. Đứng trong lớp, ai đi bên ngoài, đều nhìn thấy rõ. Gần trưa, Miến thường cắp rổ đi chợ.

Vào quãng giờ giấc ấy, Câu hay thấp thỏm nhìn ra. Miến đi qua, dáng cao cao, tay cắp rổ, tay ve vẩy dịu dàng. Miến nghiêng nón hơi nhấc vào trường. Nếu thấy Câu, nàng làm như trông thẳng nhưng miệng lại mồm mím ra lối chào ý nhị. Câu đứng lui lên đầu lớp, trông theo cho đến lúc bóng Miến đội nón khuất vào lùm cây nhãn bên cầu.

Cuộc tình không lời, qua khóe mắt và miệng cười tươi, mơ màng kéo dài. Cho đến khi hai người yêu nhau thật Không biết lời đầu tiên người ta nói ra với nhau ở trường hợp thế nào. Bởi vì những lời nói,

những cử chỉ đẩy hai người vào mền thương nhau, đã đến từ bao giờ.

Họ thân nhau hơn. Một hôm, trong một câu chuyện, Miến cười, gọi Câu bằng cậu. Cậu giáo, tôi bảo cậu giáo... Câu dê mê nghe câu gọi. Trong bụng anh, như còn cào nhón nháo, nghẹn cổ không nói được. Ôi, từ nay Miến không gọi ta bằng “bác”, không “chào bác, lạy bác” nữa. Cái tiếng bác quê quê xa xôi nặng chịch... Và Câu cũng đã nghĩ ra được cách gọi Miến thân hơn. Mọi lần thì: cô Miến, cô Miến đến chơi với cháu hả?... Cô Miến có đi chợ, làm ơn mua giùm tôi... cô Miến... Bây giờ anh Câu cứ gọi cộc lốc là Miến. Êm ái biết mấy... Miến này, Miến có đi bán hàng phiên chợ lĩnh này đấy chứ?... Có, cậu ạ... Trên đời, không còn lúc nào thương yêu hơn, lúc hai người nhìn mặt nhau, khẽ nói những câu vắn vơ như thế. Nhưng mới chỉ là gọi nhau vụng trộm. Trước mọi người, vẫn cô vẫn bác như mọi khi, chẳng ai dám thốt ra một câu tân thời rằng: tôi yêu Miến lắm, tôi nhớ cậu, cả đêm không chợp mắt.

Giữa khi ấy, vợ chồng Diễm cùng hai đứa con nhỏ xuống Hải Phòng. Ở nhà, chỉ có bà Thiêm, thằng Vạt, với đứa con đầu của vợ chồng anh, là thằng Ném. Và Câu.

Cô Miến vẫn đến như mọi khi. Cô đến có ý và cũng có cớ, ấy là những buổi xế trưa, đi chợ qua nhà bà Thiêm, Miến tạt vào cho bà Thiêm gửi tiền, nhờ cô mua rau. Trong một tuần, đã thành lệ, cô gặp thầy giáo Câu ở nhà vào buổi trưa thứ Năm và ngày Chủ nhật. Hôm nay là thứ Tư.

Chỉ trưa mai Câu lại được gặp Miến.

Khôn nổi, dường như cái chuyện đi hát ả đào tối hôm nọ, đã lan khắp các xóm. Chết một cái, giá vợ chồng giáo Hoành không làm ốm tôi lên thì cũng chẳng ai đã biết. Bây giờ cả bốn bên làng xóm người ta nói giăng giăng.

Sáng hôm nay, Câu ở trường về, gặp Hương Kiệu. Hấn cười hềnh hếch: “Tối hôm nọ, các ông hát nhà đầu Muối trên phố phủ phồng?”. Giáo Câu trả lời lửng lơ “Phiền quá!”. Hương Kiệu tán gạ: “Cần gì. Thời buổi này, cũng phải chơi bời tí tình chứ? Hôm nào tôi rủ ông nhá?”. Câu cười gượng.

Thế là cái tích chơi bời đi hát cô đầu tai tiếng quá lắm rồi. Ôi chao, ngày mai thứ Năm. Miến đến đây, ngộ Miến mà cũng biết chuyện này, thì thực chết, nhà giáo biết chui đi đâu. Nếu Miến hỏi, thì trả lời thế nào.

Chương IV

Thứ Năm, Câu dạy học buổi sáng, chiều nghỉ.

Buổi trưa, ăn cơm xong, Câu vác cái gáo dừa, thằng Nêm lê mề xách chậu, hai thầy trò ra ngoài cầu ao tắm. Dội ì uàm một lúc, thực mát mẻ thỏa thuê. Nhà giáo về, mang cái ván gỗ và miếng xà phòng ra đầu sân, ngồi cời trần, giặt giũ. Quần áo, anh giặt lấy.

Anh chẳng đem lên phố chợ giặt là bao giờ. Không biết ai đã bảo người ăn chơi có quần áo mà đưa thợ giặt là, nhiều cái hại lẫn. Biết đâu trước khi giặt, chúng nó hấy mặc của mình một tua cho chán chê đã. Thế là các thứ vi trùng lậu, tim la, ghẻ lở của nhà thô, ả đào cứ việc lây sang hết. Rồi chúng nó đem nhét cả vào nồi, nấu sôi sùng sục. Quần áo có phải là củ măng đâu mà ninh cho dừ! Rồi cứ thẳng cánh vò, cào, chải bằng bàn chải tre bàn chải sắt, chẳng thương gì vải. Quần áo giặt là, hồ bột cứng, mặc cũng oách thực, nhưng được mấy nả là đi đời.

Giáo Câu chưa mặc quần áo là bao giờ. Mới thấy thiên hạ đồn đại thế, chứ cả hàng tổng hàng huyện này cũng không đào đâu ra có một hiệu thợ giặt. Dạo nọ, nghe nói trên phố chợ cũng có nhà treo bảng giặt là nhưng được mười hôm, vắng tanh, lại hạ bảng xuống.

Giáo Câu giặt lấy. Nhà giáo xát xà phòng lên áo, khẽ vò những cửa tay, viền cổ có đọng ghét, anh dùng móng tay cái, khẽ cạo gượng nhẹ. Vò xong, anh bỏ đồ giặt vào cái chậu sành, bung xuống cầu ao. Giũ thực kỹ quần áo cho khỏi hơi xà phòng khét. Khoảng một chút lơ vào chậu. Dúng áo vào cái nước xanh xanh ấy, đem phơi thực căng trên dây mây. Cái quần thì anh lồng miệng cạp vào mảnh tre chữ thập, phơi lên như treo đèn kéo quân. Hết nắng, quần áo thực khô anh lấy xuống, gấp nếp, vuốt thực phẳng. Rồi nhà giáo lót tờ nhật trình, để áo xuống dưới chiếu nằm. Qua một đêm ngủ, quần áo đẹp cứng. Mai đã có bộ đồ trắng bong, đủ nếp gấp ngang dọc đẹp mắt chẳng kém đưa hiệu giặt là cái chắc.

Phơi phóng xong tinh tươm, Câu vào trong nhà, ngó đồng hồ. Hơn một giờ. Câu cuống quýt. Giờ này Miến sắp đi chợ qua. Vội vã, Câu mặc áo. Cái áo sơ-mi vạt ngắn vạt dài, có một túi chéo trước ngực cổ thì vênh ra hai cái tai. Bà Thiêm vẫn cười thầy giáo có cái áo tân thời khác áo khách, áo gì mà hai vạt so le như cái yếm rãi trẻ con. Nhưng đây là tấm áo mới diện của nhà giáo. Ngoài giờ lên lớp, chỉ khi nào đi chơi đâu, Câu mới xỏ tay vào cái sơ-mi ấy. Áo mặc xong, Câu cầm chiếc gương tròn bé xiu, soi mặt. Mấy sợi tóc bông xõa lượn phướn, anh lấy lược miết tóc xuống. Anh ngó ngoắt sang hai bên. Chững lăm. Cái sơ-mi trắng. Cái quần tây đen. Đầu mượt. Chân đi guốc. Anh bước ra hiên, nhìn ngoài ngõ.

Gian hồi bên trái bà Thiêm đương ngồi quay tơ, bà ngủ gà. Chốc bà lại buông ống, trề miệng xuống, đầu ngật đi một cái. Chiều nay được nghỉ học, thằng Nêm đã chạy đâu chơi từ lúc nào. Thằng Vật đến tuổi học làm đã đi ở làm tháng học dẹt cửi, chiều tối mới về. Nhà vắng teo. Thoáng ngoài vườn, nghe có tiếng gà con lích tích kiếm ăn.

Câu vào trong vại gạo, vóc một nắm, đem ra vườn. Chốc nữa, Miến có vào, Câu đã đứng lơ mơ làm như sẵn ngoài vườn. Khuất cái giậu nửa và một giàn trầu không trong vườn chẳng trông được lên nhà.

— Chích chích... Bập... Chích, bập!

Từ bốn góc vườn, trong những bụi sồi, bụi ớt, mấy chú gà con lắt nhắt nhốn nhột chạy đến. Sau cùng là một mẹ gà mái. Cả mình xám ngắt, hai chân trắng bệch, bộ lông vàng khè. Chắc vừa dũi ở một đống đất nào ra, mẹ giữ hai cánh, bụi bay mù. Rồi mẹ cong đuôi, cúi xù cái cổ “cục cục” tắt tả rào cẳng tới bên đàn con. Một lũ gà nhỏ, với một gà mẹ, hong hóng vây quanh nhà giáo, đợi buông cái nắm tay gạo xuống. Con nhóc nào cũng bị bôi phẩm xanh đầy đầu. Đêm chưa đủ gà tới, Câu lại “chích bập” gọi nữa. Không còn một con nào đến thêm. Ban ngày, đàn gà tản mác đi kiếm ăn ở các mảnh vườn xung quanh. Vả lại, đây cũng là một bữa ăn bất thường, không phải như mỗi sớm mai. Chúng không quen lệ. Đàn gà của nhà giáo còn đông hơn nữa. Cả thầy, một đàn gà ấp, hai mẹ mái đang đẻ, ba mái tơ và bốn

chú gà trống choai. Đồ đồng, mỗi tháng cũng được ngót hai chục trứng. Trước kia, đền phiên chợ, Câu lại nhờ thằng Vật đem trứng lên chợ bán. Được hai xu thuê, nó sượng run. Bây giờ, ngày phiên, cô Miến qua, đem trứng bán giúp. Nhà giáo thấy có một cái gì thú vị trong cử chỉ ấy. Thằng Vật ra lời cầu nhàu. Muốn đẹp lòng nó, thỉnh thoảng, có thêm tiền bán gà, nhà giáo lại cho tiền nó như lệ. Chuồng gà đầu xanh - lối xóm người ta gọi thế là vì đầu con gà nào nhà giáo cũng bôi phẩm xanh. Nhà giáo để dành tiền vào ống tre, cửa treo một vệt miệng. Cuối năm, bỏ ra cũng đem được mười đồng về quê. Cứ hòng vào mười đồng bạc lương mỗi tháng thì thừa thối đâu. Bởi vậy, nhà giáo trông nom, chăn dắt lũ gà kỹ lưỡng lắm. Thứ Năm Chủ nhật, chỉ ra vườn lúi húi với gà quế. Bà Thiêm cũng phải chịu thầy giáo còn trẻ mà chí thú, chịu thương chịu khó.

Năm gạo đã tung hết. Đàn gà tranh nhau ăn. Con mụ lăm điều vừa nhặt vừa cục cục ồm tỏi. Lũ con cũng đẩy nhau, kêu choe chóc. Có khi đương chăm chú nhặt ăn lại quay ra, chọi nhau tay ba tay tư. Nhưng chỉ mổ láo nháo vài mổ, chúng lại chông đuôi chúc mỏ liên liên nhặt gạo. Chẳng mấy chốc, cả những hạt tấm giắt vào khe gạch cũng không còn. Đàn gà nhón nhác, dạo loanh quanh. Chúng nghiêng má, nhìn lên bàn tay Câu. Thấy đợi lâu, không còn gì nữa, đàn gà tản dần. Con thì nằm khênh, phơi cánh. Con thì bắt chước mẹ, kiểm chỗ giũ đất phành phạch. Nếu không, rồi rãi quá, lại chon vờn chọi nhau suông.

Nhà giáo đứng ngẩn, nhìn dõi theo từng nhách gà một. Tuy vậy, mắt vẫn liếc ra ngoài ngõ. Xem có bóng người ló vào chẳng.

Đợi hoài, không thấy.

— Nặng đã quá đầu ngõ kia kìa, mấy giờ rồi, cậu giáo?

— Dạ, hai giờ rưỡi.

— Chết! Chiều rồi. Hôm nay chắc cái Miến không đi chợ. Cứ ngóng con này mà gửi xu rau thì có khi mất bữa. Cậu xem hộ tôi thằng Ném có quanh quẩn ngoài ấy không?

— Nghe như tiếng nó đùa léo nhéo ngoài bờ ao làng.

Bà già ra giậu, ngửa cổ, gọi réo:

— Ôi Ném... ơi...

Chỉ sau mấy tiếng, đã thấy cái đầu trọc tều loang lổ vết mực tím, lúi lúi ngoài ngõ chạy vào.

Bà quát:

— Có về mà đi chợ không! Xuống bếp lấy cái rổ. Tiền đây này. Nửa xu rau muống, chọn cái đặng non ấy. Một đồng hành, đồng răm, đồng mắm tôm. Năm xu, bốn bánh đậu phụ. Mau mau, ba chân tám cẳng lên, ở nhà tao nhóm bếp đây. Hôm nay thứ Năm, cậu giáo ăn cơm sớm.

Giáo Câu vẫn hy vọng Miến đi chợ muộn. Nhưng chiều muộn hơn, cũng chẳng thấy bóng cô ả. Thế là hôm nay Miến không đi. Nhưng cái sự “thế là” tự nhiên ấy không đủ che lấp nỗi lo ngại trong lòng Câu. Cho đến sẩm tối, anh vẫn đi ra đi vào, ngong ngóng ngẩn ngơ. Tới lúc cu Vật đã đi học dẹt củi về, vừa đi vừa múa may nghêu ngao hát, nhà giáo mới thực hết trông đợi.

Làm sao Miến không đến? Có sự gì. Cái câu chuyện hát hồng phải gió kia, tất đã bay đến tai nàng. Nàng tức Câu. Nàng giận Câu rồi. Con gái là hay hờn dỗi lắm. Mà cũng tại mình. Câu lo. Câu lo quá. Lại ngay ngáy nóng ruột nữa. Bữa cơm chiều ấy, nhà giáo chỉ và qua loa được ba vục bát.

Thôi, đích là Miến giận Câu. Hôm sau, thứ Sáu, lại hôm sau nữa, buổi chiều Miến có đi chợ qua cửa trường học. Câu trông thấy rõ ràng. Thế mà cô ta che nón đi thẳng. Làm như không biết có ai đương chăm chăm đứng nhìn ra. Cả hai hôm nữa cũng vậy.

Câu hoảng. Chàng ta giận mình, phát nhưc đầu lên. Ấy là Miến chỉ mới không nhìn anh, để anh đoán được là cô giận dỗi. Chứ nếu Miến lại nói: “Cậu không phải người tử tế. Thôi, từ giờ trở đi...” mai đây nhà giáo có thể nổi cơn ồm liệt giường cũng nên. Mới biết, say nhau rồi chỉ một cái chẳng bằng lòng xoàng cũng đủ lộn can tràng lên rồi. Anh chàng cẩu, không để đâu cho hết giận mình. Anh thở ngắn thở dài về cái buổi tối trót đại nọ. Mà anh trót đại thực. Chênh choáng ba chén cay, coi trời bằng vung. Nhất là lại được anh em xóc nách lúi đi. Ai nữ từ chối. Để đến nỗi bây giờ ằm ỉ cả lên. Người

ta cãi nhau, người ta ẵm con sang tận nơi trách móc. Làng nước khéo chuyện bô bô ai cũng biết.

Xấu hổ quá.

Chủ nhật. Câu nằm khoèo ở nhà. Đáng lẽ như mọi buổi sáng được nghỉ, Câu hay sang bên Yên Thượng chơi với Kên. Bữa nay, anh không muốn ra khỏi ngõ. Anh nằm, chán lại ngồi thờ. Anh bốc nắm gạo ra vườn rắc cho gà ăn. Cất nhắc việc gì, cũng thấy bải hoải, chán chân, chán tay. Cũng là bởi cái tâm sự ủ ê mà ra. Bà Thiêm đi chơi quanh đâu vắng. Thằng Ném thì nằm kênh ngoài phản, tập tọc đọc quyển Lên Tám. Tiếng nói bi be u ơ cãi nhau với tiếng chim sẻ ngoài sân. Một chốc, nó đã buông sách xuống, ngủ khoèo.

Giữa trưa, bà Thiêm về. Bà lão, lưng không rạp xuống. Đi như con rùa bò. Bởi ngóc lên nhìn ra trước mặt. Ngày còn con gái, lưng bà gồng gánh nhiều, đã khum khum. Càng về già, cái lưng cong xuống theo tuổi. Bây giờ thì lúc đi cũng như lúc đứng, lưng bà phẳng một lượt với cổ.

Một đời bà Thiêm, cái lưng cong ấy làm chứng cho biết bao nhiêu sự chịu thương khó, vất vả. Chồng chết sớm, một tay bà gây dựng nhà cửa. Bà cưới vợ được cho cả hai người con trai. Anh nhón sớm ăn cướp công bà rồi, để lại cái thằng Vật đấy. Mẹ nó là một con đàn bà đôn đời. Cái năm bà dựng lại nếp nhà ở bây giờ, bà mướn một bọn thợ mộc. Khi làm xong, bọn thợ đi. Cả nàng dâu bà cũng đi nốt. Đời bà, cay đắng nhất lần ấy. Bởi vì lúc nào bà cũng chăm chăm giữ gìn tai tiếng. Lúc nào bà cũng cố cho được hơn người. Chẳng vậy, Diễm được đi học, rồi bà lại chạy vạy thế nào, gửi cho ra Kẻ Chợ đi học thợ máy. Diễm đã có nghề hẳn hoi. Bây giờ, chẳng giàu có hơn ai, nhưng bà cũng được nhàn nhả rồi. Con bà làm việc nhà máy nhà nước, mỗi tháng gửi về tám đồng. Ở làng này, chẳng có ai kiếm nổi nửa xu của Tây. Thực là điều danh giá. Bà không phải nhọc mình nữa. Bà ngồi quay mướn con tơ cho khỏi buồn tay. Thế mà bà cũng chịu khó ngồi quay tơ liền. Có một ít tiền, bà cho vay lãi vật, một đồng bạc, tháng để lãi một hào chỉ. Có ai trong xóm nhờ nhàn, cầm cái áo the, cái thắt lưng, bà bỏ tiền ra cầm. Người ta ghét bà có tính nói dai, lẩm nhẩm. Nhưng bà chỉ lẩm nhẩm xổi, mà chẳng để ý chửi rửa thù oán ai.

Bây giờ suốt ngày bà ngồi lăm lè, gật gù với cái lồng cái ống. Bởi chẳng có nàng dâu nào ở nhà để mà nói. Ấy là bà nói chuyện thôi, chứ không phải bà mắng chửi. Giáo Câu vốn ít lời, chỉ mở miệng khi nào có việc. Hai đứa trẻ thì chạy nhao nhao như chuột cả ngày. Bà lão ngồi buồn, thỉnh thoảng rì rầm nói một mình. Cái tật ấy rồi cũng thành bệnh. Nhiều đêm, Câu thức giấc, bỗng giật mình, có tiếng ai lào xào đầu bên kia vách. Nghe mãi, hóa ra bà Thiêm nói. Bà nói âm ào, lảng nhãng, lảm nhảm.

Trưa nay, bà lão đi đâu về, mua được cây mía đỏ. Bà chống lom khom như chống chiếc gậy bột. Vào đến hiên, bà ngồi xuống. Cái lệ quen của bà lão trước khi ngồi, đám lưng thùm thụp mấy cái. Ngó vào trong buồng, thấy Câu, bà hỏi:

— Cậu giáo không đi chơi đâu à?

— Dạ, không. Tôi vắng vất...

— Cậu nhức đầu à, trở trời đấy. Cái lá thầu dầu tía hay lắm. Cậu ra vườn hái mấy lá thực non, đắp lên trán, chỉ một chốc toát mồ hôi, khỏi ngay. Nắng mới, ai cũng khó chịu. Từ này, tôi cũng thấy vắng vất đấy.

Chợt bà lão như nhớ ra điều gì.

— À này cậu giáo...

Câu nhòm dậy, hốt hoảng. Tâm thần anh lúc này cũng đang hoảng hốt.

— Cái gì, hả bà?

— Tôi vừa nghe người ta nói câu chuyện lạ lắm.

— Chuyện sao ạ?

Bà lão trợn mắt, nói khế, rủ rủ dần từng tiếng - lồi nói một câu quan trọng:

— Chết! Sao cậu đại đột thế. Đầu xanh tuổi trẻ, chớ nghe anh nghe em mà có khi oan gia. Cậu cũng hiền lành như em hai Diễm thì tôi mới dám nói.

— Nhưng cái gì kia ạ?

Bà lão lại lên giọng, gật gù cái đầu như để lấy đà từng tiếng:

— Người ta bảo tối hôm nọ cậu đi lên phố phủ hát nhà trò với nhà giáo Kèn, nhà giáo Hoạch phải không?

Bây giờ Cậu mới nghe thủng. Anh thở dài, hoàn hồn. Từ nãy anh vẫn ngờ ngợ câu chuyện có dính dáng đến Miến. Nhưng thế rồi anh cũng lúng túng, không biết đáp sao, chỉ dạ díp.

— Dạ... Người ta cứ nói...

— Chỉ vì cô đầu cô đuôi mà vợ chồng giáo Hoạch đánh nhau suýt có án mạng đấy thôi... Khốn nỗi, chỉ sinh oan gia, rồi mang tai mang tiếng, mà lại tan nhà nát cửa. Tôi khuyên cậu, đầu còn xanh tuổi còn trẻ...

Câu cười gượng:

— Có đâu, thiên hạ cứ đồn nhằng...

— Úi chào! Người ta chuyện giảng giảng ở ngoài đường kia. Mười người nói như một.

— Người ta ghét thì nói thế, bà ạ.

— Thôi, chuyện đâu bỏ đấy, tôi chỉ can cậu từ giờ đừng đại nỡ nhà. Đánh đu với tình đấy. Chẳng hay hóm gì đâu.

Bà lão quen nói với Cậu như nói với con mình. Cậu cũng vẫn nghe những câu ấy là thường. Anh cười, nửa cợt nửa thực:

— Tôi chỉ có một ty.

— Một ty mà chẳng chết à? Nhà trò nó bỏ bùa mê vào nước cho mà uống, nó cho ăn cháo lú đấy, u mê chẳng chịt đi. Bán vợ đợ con vì chúng nó. Vùng này đã có mấy ông chánh ông lý liềng xiềng mất nhà mất ruộng với cô đầu cô đuôi đấy.

Rồi bà thở dài:

— Sao đời bây giờ lại lắm cái ma cái quái thế. Ngày xưa, làm gì có. Ăn chơi lắm, chỉ đến xóc đĩa, tổ tôm là cùng.

Và bà bắt đầu ngồi kể các chuyện ngày xưa. Bất cứ ở câu chuyện nào bà Thiêm cũng gài vào được một hai mẩu chuyện xưa. Ngày còn mồ ma ông ấy... ngày còn mồ ma ông nọ... Cậu chỉ ừ hử. Bởi anh đương buồn buồn nghĩ: “Chết chửa, từ bà già đến đứa trẻ lên ba, ai cũng biết tối hôm ấy...”.

Rồi anh thiú ngủ. Bà lão vẫn lải nhải. Anh chợp đi. Nhưng anh chỉ chập chờn một lát. Khi dậy, hai mắt đỏ hoe, đầu nặng trĩu. Bà lão ngồi im từ lúc nào, đương ngồi quay tơ trong nhà. Tiếng cái vẩy tơ nhảy lóc cóc nhẹ nhàng.

Trưa hôm ấy, Miến cũng không đến mua rau họ. Chẳng khó gì cho bà lão. Không gửi được Miến, bà Thiêm sang bên hàng xóm. Có khi cu Ném lại lễ mễ cấp cái rổ. Bà không đi chợ. Lưng còng, bà lạch được tới chợ thì đã tối ngày. Nhưng Miến chẳng đến, thì chỉ nóng ruột cho Cậu. Chao ôi! Nhà giáo buồn thiú. Anh loanh quanh ra vào, ấy náy chẳng buồn cất nhắc việc gì. Mãi đến chiều chiều, anh mới ngồi chấm vở cho học trò. Cái bút nằm trong bàn tay trên tấm phản làm bàn, cứ uể oải, muốn rơi.

Bấy giờ nắng đã xế. Bóng mái nhà đổ xuống sân, rợp một khoảng rộng. Ngoài vườn, nắng hoe lên trong lá. Bụi sỏi, giàn trầu không và những tàu lá cau nhuộm nắng vàng rượi. Nắng yếu, chỉ có ánh mà không còn nóng nực. Chấm được vài quyển vở, thuận tay, nhà giáo làm việc đã ra ý chăm chú.

Lắng nghe có tiếng cười rúc rích ngoài đầu ngõ. Và tiếng trẻ con nói lanh lảnh. Rồi tiếng chân chậm chạp thành thịch vào. Giáo Cậu buông bút, nhìn ra. Trời, anh giật nẩy mình. Dễ thường hai bên má anh cũng sờn gai ốc lên. Miến vừa ló đầu vào trong ngõ. Thằng Ném đương bám một bên túi áo di. Rồi nó cong người cố kéo. Chắc di nó đã chiều ý, để cho nó lôi từ ngoài đường ngoài ngõ vào đây. Thằng bé nhăn nhó, nheo mắt, vói:

— Dì cho cháu một xu... Dì... dì...

Dì Miến gỡ tay cháu:

— Tao mách bà cho nhá?

Nó reo lên:

— Ê, ê, bà đi uống nước ngoài quán rồi. Đi đi... Cho cháu...

Dì nó lại gắt:

— Lúc nào thấy mặt là cũng thấy vùi xu. Thầy giáo kia, có bảo học trò...

Ném toan nững nịu nữa, nhưng thầy giáo nó đã quát khế:

— Ném giỏi nhì! Không được hỗn!

Nó nhớn nhác, toan lùi. Giữa khi ấy dì nó dúm vào tay nó một trinh. Nó cười toét miệng, rồi nhảy tênh tênh, chạy tít ra ngoài đường cái. Thầy giáo Câu, đương đà, còn mắng thêm một câu thực oai:

— Trẻ con, nuông nó, sinh hỗn ra!

Rồi nhìn Miến, anh ta chột im, quên húng. Và bỗng trở nên bối rối. Cô Miến đi đâu mà coi lạ, áo tấc ngắn, đầu chít khăn vuông mỏ quạ. Hai ống quần xoe lên đến đầu gối. Tay cầm cái sào nửa nghênh ngang. Câu hỏi:

— Đi đâu thế?

— Đi hót bèo ngoài ao đình về cho vịt.

Rồi Miến quay ra. Câu cuống quít:

— Này..

—...

— Tôi hỏi cái mà...

—...

— Máy hôm nay sao không đến?

— Tôi bận.

— Miến dối tôi đấy hả?

Miến nghiêm mặt, chua chát:

— Ai công đâu mà dối. Cậu muốn đi chơi thì cứ đi chứ. Tôi có dám biết đâu!

Câu nhăn nhó:

— Người ta cứ đồn xuýt ra. Chứ thực tôi...

— Tôi oan hẳn? Còn biết lắm chuyện lạ nữa kia.

— Chuyện gì?

— Chuyện gì thì cậu biết đấy.

Câu bùi ngùi:

— Miến ạ, từ giờ thì tôi chừa. Thực tôi chừa đến ngày xuống lỗ.

Dáng hằn cái nét mặt của nhà giáo lúc bấy giờ coi thiếu nảo, ngẩn ngơ quá, khiến Miến phải bật cười. Con hờn đã dịu. Mà biết đâu cô cũng chỉ làm bộ dối ít thôi. Nhưng không tỏ vẻ gì khác, cô nói lảng:

— Rỏ bèo tôi để ngoài đầu ngõ... Tôi về đây.

— Thứ Năm Miến đến nhá?

Chẳng biết Miến có đáp hay không, Câu không nghe tiếng. Cô ả vác cái sào dùng dùng chạy ra. Nhà giáo bôn chồn nhìn theo.

Trưa hôm sau, Miến cắp rỏ đi chợ qua cửa trường. Giáo Câu ngó ra, Miến đương ngả nón, quay mặt vào nhovn hẳn một nụ cười.

Câu tỉnh người. Yên chí, thực Miến đã hết giận.

Chương V

A, đây, chị ơi!

Có Muỗi nhìn lên:

— Phải rồi.

Cô Huệ và cô Muỗi đứng lại trên cầu Phụng, cười khúc khích.

Họ đã tìm thấy. Bên kia cầu, phía trong gò cỏ lớn, trường học làng Hạ Nha. Gọi là trường học cũng không đúng lắm. Cái ngày trước, hồi các cụ trong làng mua vôi cát gạch ngói về, chưa có dụng ý xây trường học. Trước nó là cái quán làm điểm tuần lại là chỗ cúng quan ôn. Mái thấp, ba bề mặt, đứng sững hai chiếc cột gạch vuông. Bên trong, một cái bệ long lở, ở trên, trơ trổng bát bình hương vỡ. Đây là quang cảnh của cái quán mấy năm trước.

Bây giờ cũng có đôi khác, theo chức việc và với sự già lão của nó. Một hàng rào tre đan lưa thưa quanh trước cửa, bám hai cột cổng, làm đóm cho cái mặt trường. Trên cổng, tòn ten một tấm biển vuông, kẻ mấy chữ phiết sơn đen:

École Hạ Nha. Trong sân, mọc thon von hai cây bàng. Trước chỗ ấy có một cây đa to lắm. Về mùa gió, lá và cành đa đánh đập nhau, reo à à. Các cụ sợ lữ gió đu mạnh, một cành đa gãy có thể đổ trường dễ như chơi. Bởi vậy năm kia người ta đã sửa một cái lều nhỏ, và nén hương với cút rượu rồi dẫn cây đa. Từ đó, trường chỉ còn hai cây bàng đương bởi tàn lá xanh om. Đủ hiểu, cái trường học to hay nhỏ bé là nhường nào.

Nói đến cái mái của trường mới thực là đặc biệt. Nó như một cái đầu bù xù những tóc và chấy rận gớm chết. Trên mái ngói, chắt những mấy từng rác, rêu và gạch vụn. Ngoài cùng, một lượt cỏ ấu lúa tua xanh um. Cao hơn hết bám vào hai trụ đầu hồi, hai cây si hiên ngang mọc lên. Rể si quấn chằng chịt, lan khắp mái như mạng nhện. Rồi rể si còn chui qua mái, bám vào tường. Có những sợi rể tìm đường tòi qua mái rủ mảnh mảnh vào lớp học.

Đứng xa, ngắm mái trường như một vườn cảnh, có cây có lá. Trẻ con đồn ở trên tường trên mái có nhiều dế mèn và ve sầu. Chẳng biết có không, nhưng dưới mái, lúc nào cũng ẩn nấp chim sẻ, từng họ nhà bọn dơi muỗi, dơi ngựa. Ban ngày, dơi búi trên xà từng chùm lủng lẳng như những quả núc nắc. Chim sẻ thì lúc sinh sự cãi nhau, lúc thì tâm tình râm rĩ. Để hòa với tiếng trẻ học nghe nga. Trong lớp, các bệ và bình hương đã được triệt bỏ một xó, chỉ có những hàng bàn ghế ốm yếu đứng tựa vào nhau trên kia. Trẻ con ngồi lên, huých, sát hai khuỷu tay. Trên tường, lơ thơ mấy tờ giấy dài dán các chữ xanh đỏ, viết mấy câu danh ngôn lớp nào cũng có, mà chẳng đứa nào hiểu là câu gì.

Ngọc bắt trác, bắt thành khí. Hàm huyết phún nhân, tiên ô tự khẩu [2], Thi giờ là vàng bạc.

Cuối trường, đục hai lỗ cửa sổ tròn tò vò. Trong lớp, sặc sụa hơi người và mùi trẻ con. Nhờ có hai cái cửa sổ đục, cái hơi hám tanh tươi cũng thoát ra được một ít...

Hai cô ả đào Muỗi đào Huệ, tong tã đi vào cửa trường. Bấy giờ đương giờ ám tả của lớp học trò lớn. Những trò nhỏ thì ngoạ đầu viết tô, đánh vần khe khẽ. Thầy giáo ngồi trong bàn, khuất sau mấy vì tre. Tiếng thầy đồng dặc đưa ra:

— Xong chưa? Bởi thế mới tên là hồ Hoàn Kiếm “Oong boong ta la linh!”... [3]

Tiếng ngồi bút gãi xuống mặt giấy, như tiếng ruồi bay vo ve. Điềm vào những nhịp đọc, cứ phát ra từng tràng khịt mũi sùn sụt. Ngoài cửa, lấp sau cái phen tre, ba bốn đứa bị phạt, quỳ lồm ngồm, úp mặt vào cái cột gạch. Tuy vậy, chốc chốc chúng lại thò chân sang đạp nhau.

Những đứa phải quỳ này đã trước nhất trông thấy hai cô tân thời lấp ló đi vào cửa trường. Hai cô cùng vắn tóc trần, đội nón kinh. Một cô mặc áo màu hoa đào. Quần lĩnh đen óng. Mỗi cô một đôi guốc mới sơn then, gót cao thon thon. Mặt cô nào cũng trắng bực và môi thì bôi đỏ hoe.

Ba đứa bị phạt quỳ ngoài cửa, làm hiệu nhắm nháy cho những đứa ngồi ở các bàn gần đấy. Mấy đứa

ngoảnh ra. Qua lần phen, thấp thoáng cái gì lờ lợc. Vài đứa nữa ngoảnh ra. Rồi, ra hiệu ngoảnh bằng chân ngâm đá dưới gầm bàn, tất cả lớp cùng ngoẹo đầu lác ra hướng ấy.

Trên bàn, thầy giáo ngạc nhiên. Thầy gõ thước cạch cạch. Cũng chỉ lác đác mấy đứa nhìn quay vào. Tức mình, thầy giáo xách cái thước kẻ bằng sừng sộ đi xuống. Thế là thầy cũng ngó ra ngoài. Ngoài sân, cô đầu Huệ trông thấy, reo lên:

— Ô kia, anh giáo Câu!

Nhà giáo cầm cái thước dựng lên như cái đòn gánh, thò cổ ra ngoài phen, tựa con ngỗng đưa cái đầu lác lư ra ngoài nan bu. Mặt anh ngó ra, khi trông thấy hai người cô đầu đứng ngay ngoài cửa.

Cô Muỗi đơn dả:

— Chúng em xuống chợ, nhân tiện tạt vào chơi anh. Học trò đông, vui nhỉ?

Câu tái mặt. Anh vẫn đứng chân trong chân ngoài, một tay vẫn cầm cái thước kẻ tay bám lấy cạnh cột. Anh luýnh quýnh đáp:

— Dạ. Vâng, đông... Các cô... chợ...

— Một mình anh dạy có đến một trăm học trò?

— Sáu mươi chín đứa.

— Gớm chưa! Nhà ai mà được ngần này đứa con nhỉ?

Cô Huệ pha:

— Có họa một ông ba mươi vợ!

Hai cô cười rúc rích. Nhà giáo càng ngượng, vì câu nói nhảm. Anh quay lại. Đằng sau, lớp học đã biến ra cái chợ như hàng cá ném giấy trắng xóa. Có đứa chui xuống gầm bàn, nhòem ra. Có đứa lom khom, héch mũi ra ngoài phen. Thầy giáo quắc mắt gõ thước.

Cô Muỗi nói:

— Chúng em về đây để anh còn bận bảo học. Hôm nào các anh lên phố chơi nhá. Đây sang anh giáo Hoành bên Phú Gia cũng gần, anh nhỉ?

Thực thà, Câu đáp:

— Ấy chết, hôm nọ...

— Chị ấy đánh nhau với anh ấy chứ gì? Chúng em biết ngay hôm ấy cơ.

— Thế a?

Câu ngạc nhiên buông một tiếng “a”, thông hàm xuống, và tròn mắt lên, trong khi hai cô ả đào quay ra Câu vẫn đứng trơ. Cô Huệ liếc nhẩn anh một liếc. Anh không dám nhìn lại và thật hoang mang, anh lừ đừ đi vào. Tai đỏ hắt. Trán mồ hôi toát lâm râm.

Cho đến lúc tan học, anh vẫn chưa hết cơn ngơ ngác. Anh sợ lịm người đi được. Có hai người cô đầu đến tận trường ỏn ẻn hỏi chuyện anh. Cả sáu mươi chín đứa học trò cùng nhìn thấy. Chúng đương rì rầm kháo rằng thầy giáo quen hai cô tân thời. Những đứa học trò gái càng riu rít tợn. Chúng nhìn trộm thầy, rồi nhe răng sún, cười với nhau. Giáo Câu chấp tay sau lưng, đi đi lại lại, bối rối nguồn cơn. Chưa biết có nên về hay không. Mỗi đứa học trò có một cái miệng để nói chuyện bô bô. Mỗi đứa lại có vài ba người nhà. “U ơi! Bầm ơi! Có hai cô tân thời áo đồ quần trắng đi guốc cao gót đến trường cười cười nói chuyện chơi với thầy giáo cơ”. Chốc nữa, cả năm xóm làng Nha, ai cũng nghe rõ ràng thế. Cả mấy đứa cháu cô Miến cũng học ở đây. Chúng nó ngồi kia, đứa bàn nhì, đứa bàn năm. Nhất định cô Miến ở nhà cũng biết nốt. Miến cũng sẽ biết tường tận như mọi người ta. Làm thế nào, trời đất ơi! Rắc rối quá.

Quả nhiên. Rắc rối thực. Giáo Câu bồng vừng vằng đi về. Trường học ở ngay đầu làng. Trên cửa đình, lúc nào chẳng có mấy người ngồi ở bậc đá hóng mát. Bên đầu cầu Phụng, cái quán nước chè tươi, lúc nào cũng nêem người ngồi khít ghé, chuyện gẫu và nhìn người đi qua. Bọn học trò chưa về đến nhà, người ta đã tỏ tường cả rồi. Lại nữa, là ngày phiên chợ. Làng xóm tập nập ngoài đường như mắc cửi. Hai ả nọ đi vào trường, ắt lượn qua cả mấy nơi ấy. Làng ở khuất, ít người lạ tới. Ai đến, người ta cũng dõm xem vào nhà ai, hướng chi đây lại là hai cô tân thời “đờmì” quần tóc trần, đi guốc gót dầm.

Hôm sau, Câu gặp Hương Kiệu ngoài hàng nước, hắt cười, hỏi ngay:

— Đầu Huệ có về kết ông giáo nhi? Đến tận trường chơi.

Câu phàn nàn:

— Rầy rà quá!

Kiệu làm điệu nói nhỏ ra lỗi quan trọng:

— Này ông giáo phải coi chừng... Tim la, nỏ ông khời thì chết bỏ mẹ, chẳng hay hóm gì đâu.

Khổ cho Câu chưa! Người ta tưởng Câu chơi bời lăm. Oan này nặng hơn oan Thị Kính. Lại hàm oan với cô Miến nữa, mới cay đắng làm sao. Cái hẹn đi đứt rồi, hơn một tuần nay, Miến không bén mảng qua nhà. Thỉnh thoảng, Câu thoáng thấy nàng đi chợ qua cửa trường. Chiếc nón lại che lệch lấp hắt mặt, chỉ nhận được dáng đi quen.

Một bận, Miến có đến đưa tờ cho bà Thiêm quay. Giáo Câu hôm ấy có nhà. Bà Thiêm hỏi:

— Đi chợ mà không tạt vào cho bà gửi mua rau?

Miến đáp:

— Cháu bận, dạo này cháu không đi chợ.

Biết chắc là Miến nói dối. Câu vờ lảng ra cửa. Miến đi qua không nhìn. Câu đứng vườn, khẽ gọi theo. Nàng đi lừ lừ như không nghe tiếng. Câu dờ dẫm, tiu nghỉu. Cổ anh nghẹn lại. Hai hàng nước mắt râm rập muốn bò ra.

Từ hôm ấy, anh lừ khừ như người ốm.

Ở đầu làng, giáp cầu Phượng, phía bên này bờ sông Lịch, trông sang lũy tre làng Yên Thượng có mấy ngôi nhà tranh dựa vách vào nhau, cái nào cũng ở bên vệ sông, tường như nhà cửa sắp ngã ngửa cả xuống dòng nước. Cái xóm xép, có mấy nhà nghèo khó ở đầu đên ngụ cư. Lấn vào đây, hàng nước chè tươi, một quán thịt chó.

Quán này không ra vẻ một ngôi hàng. Mỗi buổi sáng, vào quăng mặt trời lên lưng bụi tre, lũ trẻ trong trường học ra giờ chơi, lại trông thấy lủng lẳng treo ở cái móc sắt một con chó trước cửa nhà. Con chó đã thui rồi, da vàng óng, cái đuôi cong vênh, khung lưng uốn khum. Hai mắt chó trợn xếch, hàm răng trắng nhả chìa ra, như dọa trẻ con.

Chỉ một lúc con chó đã được chủ quán chặt ra từng mảnh, người trong làng lác đác ra mua. Người ta ăn thịt chó cũng nhiều. Có lẽ vì cái thịt chó ăn bổ bã, rẻ hơn cá. Hai nhà ở cái xóm ngụ cư này bán thịt chó, ngày phiên chợ tờ có hôm hết cả con. Là chó ở đâu đem đến lăm thế. Chó bị đánh bả, chó ốm hay chó chết. Cứ nghi hoặc thế, nhưng người ăn vẫn cứ ăn, ăn thịt chó uống rượu. Chỉ có đàn bà và người đồng bóng không ăn và không nhà ai đặt lên giường thờ cúng thịt chó cả.

Sớm Chủ nhật, giáo Kền với giáo Câu cũng lò dò ra hàng thịt chó đầu cầu Phượng. Hai nhà giáo mặc áo tấc trắng, đi guốc mộc, Kền đội mũ trắng, Câu để đầu trần rẽ lịch. Giáo Kền chui vào quán, hỏi to:

— Chó má thế nào nào?

Ở dưới bếp lão quán chạy lên:

— Chào hai ông giáo. Hôm nay thật cày dòng đấy.

Kền bấm móng tay vào mảnh thịt đặt trên thớt, gật gù:

— Ồ, cho anh em tôi năm hào thịt, hai hào lòng. Nhiều gan vào. Chặt nhỏ nhé. Nhiều húng nhiều mắm tôm...

Lão nhà hàng xẻo thịt chó. Kí cốp chặt, một lát, đã được một vốc thịt, một đồng lòng gan, lù lù. Tất cả, gói vào hai mảnh lá chuối, riêng và nắm rau húng quế. Mắm tôm thì đổ vào tàu lá dong, xách riêng. Đã phòng sẵn, giáo Kền lấy trong túi ra mảnh giấy nhật trình to gấp đôi, trải xuống chõng hàng, rồi cuốn cả hai bọc lòng, thịt vào. Câu cấp lên tay như bọc sách vở các nhà thầy cầm cẩn thận.

Trả tiền rồi, hai người đi vòng lũy tre, ra cánh đồng, sang bên Phú Gia. Vừa đi vừa nói chuyện. Cánh đồng trải ra hai bên đường những thửa ruộng trồng màu, đất trắng bạch. Lác đác mấy củ cải héo, chuột gặm chỉ còn trơ gốc đám cà chua muộn. Những luống khoai lang chuột cũng rũi toi tả, hay là người rờ trộm không biết. Cuối đồng, chệch vào những khoanh tre xanh rì, hai cái cột trụ đầu làng quét vôi trắng

xóa, công làng Phú Gia.

Kền nói:

— Tay Hoạch ưa cái khoản cầu nhục này lắm.

— Anh ta bảo ăn miếng giò chó thì đầu óc sáng suốt, nhai miếng thịt chó, tỉnh táo cả người.

Kền cười:

— Mình không đến nỗi mê thịt cây nặng như thế. Nhưng thỉnh thoảng được chén, cũng thú. Hôm nay con chó ngon đấy.

Câu nói:

— Cứ kể sang bên Hoạch thì tỉnh mạch thực. Mà tôi vẫn ngại vợ ông ta. Từ dạo vợ ông ẵm con sang tận Nha để trách, tôi vẫn khó chịu lại ngưỡng nữa. Có khi chị ta vẫn còn cáu mình.

— Vợ Hoạch bụng dạ phổi bò lắm. Nói đây, lại quên ngay. Chẳng thế mà hôm nọ gặp tôi ở cửa đình Thượng, lại vồn vã mời tôi sang, lại trách sao lâu không sang chơi. Có thể, hôm nay mới đi, không phải bỗng dưng đâu.

— Vợ chồng ông này cãi nhau, có khi đánh nhau.

— Chuyện! Vợ chồng thui nhau như cơm bữa.

Ngẫm nghĩ một lát, Câu ngẩn ngơ nói ra ngoài chuyện:

— Nghĩ chơi cô đầu cũng hại thực.

— Hại chứ. Đã có câu hát: “Cô đầu, cô đít, cô đuôi. Cửa nhà bán hết ai nuôi cô đầu”. Được cái chúng mình chẳng có gì bán mà vẫn chơi được.

Câu rầu rầu:

— Tôi bơ vợ mà cũng hại.

Kền cười. Cái cười góp, Kền không hiểu cái hại của Câu thế nào. Câu chỉ ngậm ngùi với bước chân đi. Đã vào đến cổng làng. Sau nhà trường, cách cái ao bèo tấm đầy rau muống, đến nhà ông giáo Hoạch.

Nhà giáo Hoạch có ba gian. Một gian bên có phen vách. Đây là buồng vợ ông giáo nằm với đứa con nhỏ. Trong ấy còn đồ đạc gì nữa, thì không trông thấy, lúc nào cũng tối om om, mùi đất mốc xông lên rợn người. Gian giữa, một cái phản và một cái chõng kê khít nhau. Phản và chõng vừa làm chỗ ăn cơm vừa làm chỗ ngủ của thằng Biền, cái Gia và có khi của nhà giáo. Nơi đây còn một cái cũi đóng toàn tre đục chắc chắn, để đựng mấy cái quần áo và những thứ vật vãnh bệ bộn.

Trên vách, mấy tờ tranh tiền, tranh lợn, dán đã từ mấy Tết nay. Trong vách giữa, choán cả gian, một bức tranh bằng vải sơn đã tróc loang lổ vẽ cảnh đền Ngọc Sơn, cái cầu đỏ, chiếc tháp đá cao và dưới hồ, hoa sen đỏ, lá sen xanh. Tấm vải phong đã ố, nhiều chỗ xơ ra như mướp. Cái mảnh dưới, trẻ con mó vào luôn, đen thui.

Trong nhà không có bàn thờ. Bàn thờ đặt ngoài sân, nó là một cái cọc tre, đứng bên vại nước. Nom như cái bàn cò quay trên chợ ngày phiên, đây là cái cây hương cúng thần Đất. Gian bên trái, trống hóc không có vách. Dây thài lải, dây bìm ở dưới rãnh bờ ngổ ngang, vươn vào. Chái này, dùng làm bếp. Ông đồ rau gạch vồ ngồi vùi trong đồng tàn tro. Vài chiếc nồi đất cắm cọc treo rải rác ở hóc cột. Dưới mặt đất ẩm, những cụ cóc ngồi châu hâu, thỉnh thoảng lại tép lười bắt con bọ mạt, con muỗi. Nhà này là nhà thầy giáo mà đồ ại bới đâu ra được một quyển sách, lọ mực. Chỉ những giẻ rách và giấy lộn vớ vẩn. Sách vở, nhà giáo để cả lên mái ngoài nhà trường.

Kền và Câu bước vào trong sân, đánh tiếng chẳng thấy ai thừa. Hai người cúi xuống, chui vào nhà. Đương ở ngoài nắng, thò đầu vào đây, hai mắt tối sầm. Đứng một tí, xung quanh mới rạng dần. Hai nhà giáo nhìn đất dưới gầm phản, hai thằng bé con trần truồng nằm ngủ li bì. Thằng lớn là thằng Biền. Hai tay quắp đầu thằng cu Con, môi dưới trề xuống, dải chày nhờn nhớt. Cu Con đạp một chân lên bụng anh. Cổ chân nó còn bị buộc một sợi thừng gai, một đầu trói vào cái mề phản. Dáng hằn mệ đi vắng, đã giao cho thằng lớn giữ em, nhưng vẫn chưa chắc, nó ngủ nên phải buộc như thế.

Cũng phải. Nhà này, trước cửa có ao. Năm nọ, vợ chồng nhà giáo đã mất một đứa con về nghiệp

nước rồi. Thằng bé xấu số ấy là vai sau cái Gia, anh thằng cu Con đây. Mẹ nó đi chợ, để cu Biền giữ em. Thằng bé bò ra sân, rồi bò xuống ao. Mẹ về chợ, lay Biền dậy. Hai mẹ con nhón nhác tìm thằng bé. Người mẹ ra bờ ao trông thấy trong đám rau muống nhô ra một cái cẳng chân trẻ con. Đã bị cái chơn, nên khi có thằng cu Con, hễ đi đâu, mẹ cũng cột chân nó lại chỉ cho bò quanh gầm giường. Muốn ngủ, cứ việc lăn ra ngủ. Trẻ con nằm đất, các cụ già bảo nằm đất mát và khỏe người, lại lặn được cả rôm sảy.

Hai nhà giáo loanh quanh, chưa biết ngồi vào chỗ nào. Ngoài sân có tiếng chân đi bịch bịch. Rồi một cái đầu búi tóc ngược nhô vào.

— Kìa hai bác sang chơi.

À, bác giáo Hoạch. Bác giáo gái đi tắm ở ngoài ao về. Một tay cầm chiếc gáo dừa. Một bên nách cắp cái rổ đựng quần áo. Tóc bác tóm lại, quấn tròn thành một nùm chon chón xé đỉnh đầu, như búi tóc bà Trần Đông Sơ, trong tranh ở truyện Nhị Độ Mai. Bác lon ton chạy vào, lấy cái gậy, dựng tấm đại tre trước cửa. Ánh sáng bùng hừng lên.

— Hai bác vừa mới sang?

Kền nói:

— Chúng tôi vừa đến. Bác trai tôi đi đâu ạ?

— Nhà tôi vào trong nhà ông chánh Rụy. Đâu đi tính hộ cái sổ thuê gì ấy. Đi đã lâu, chắc cũng sắp về, hai bác ngồi chơi. Biền ơi! Dậy đi con, dậy đi gọi thầy. Có hai bác giáo sang chơi. Đã lâu lắm, hai bác bận gì mà chẳng thấy sang?

Kền cười:

— Từ độ hai bác vặc nhau ấy mà.

— Ấy tôi cứ như con mẹ điên. Hơi một tí là tôi lên cơn chạy linh tinh. Chắc hôm ấy các bác buồn cười lắm nhỉ?

— Không, nghĩ chuyện người ta ở đời, chúng tôi chỉ giận sao tối hôm ấy không can bác Hoạch.

— Nhà tôi thì có ông Thiên Lôi can. Bác Câu mang cái bọc gì to thế kia?

— Thịt chó, thịt chó. Chúng tôi mang sang khao hội đoàn viên anh Hoạch. Nhà bác phải đăng cai. Có được không ạ?

Mụ Hoạch cười toe toét:

— Được ạ, được ạ. Cái ý thì được. Tôi chứa cơm chứa rượu hử? Cứ thế là phải, tôi bằng lòng quá. Chơi bởi cô đầu nhà trò chỉ hại tiền hại của mà rạc người ra chứ được tích sự gì.

Kiền nói:

— Nhà ta đăng cai thôi. Cơm rượu các thứ anh em tôi canh ty nhau cả rồi. Bác chỉ phải lo thế cho.

Có tiếng trẻ con í ới ngoài sân. Giáo Hoạch đã về. Cái Gia đi sau lưng bố, cầm chiếc que đập đập, giả cách được cưỡi ngựa, cười như nắc nẻ. Lúc ấy thằng Biền và thằng cu Con cũng đã trở dậy. Biền cởi thừng buộc chân cho em. Hai đứa ra ngồi bậc cửa. Bốn con mắt ngái ngủ ngán ngờ nhìn các ông khách.

Hoạch trông thấy hai bạn, reo lên chạy vào bắt tay. Nghe vợ kể chuyện và nhìn thấy gói thịt chó, anh ta múa hoa cả hai tay lên. Bấy giờ hai vợ chồng nhà giáo và ba đứa con cùng đứng vào một góc, góp thành bức tranh gia đình. Hai đứa trẻ cởi truồng, bụng ỏng rốn lòi ra như hai quả mít. Đứa mặc áo, lại toét mắt, và cả nhà này mần đồ bị muỗi đốt nhiều quá. Tháng Ba, muỗi hoa xoan, nhà lại ở cạnh ao, muỗi bay, quơ tay vốc được. Khắp mặt ai cũng lấm tẩm sần sùi - chỉ trừ hai con mắt. Người lớn, trẻ con luôn luôn ngứa ngáy, hai tay bắt quyết vào nhau đen đét. Những nốt muỗi đương biến ra nốt ghẻ ruồi.

Cũng chẳng sao. Câu chuyện trong bóng muỗi mù mịt cứ râm ran như ngô rang. Hai đứa trẻ bu lại, tò mò nhìn bọc giấy để bên cạnh bác giáo Câu. Thằng Biền lúi vào bếp, nhóm lửa, đun ấm nước, trong khi bác Hoạch trai dận với ra ngoài ngõ:

— Nhà nó lấy năm bánh đậu phụ. Lấy hai xó chai rượu ty. À nhớ mua ớt, nhả!

Thứ chén đã sửa soạn xong. Bác Hoành gái đặt ấm nước, nhét thêm cái củi vào cho bếp cháy âm ỉ, rồi bung cái mâm chống sang gian giữa. Thằng Biền hí húi xới cơm vào cái thùng gỗ. Rồi nó ôm thùng lên, để sẵn ngoài đầu phản. Xong việc, Biền ẵm cu Con, xua cái Gia, ba anh em lếch thếch ra đầu ngõ nặn đất thó chơi bầy đình chùa. Không dám chặn các em đi chơi xa, chỉ quanh quẩn đầu xóm, sợ thỉnh thoảng bố có gọi gì chẳng. Người lớn đàn ông vào chén rượu, đến sau còn gì thì trẻ con và đàn bà ăn, xưa nay vẫn thế.

Mâm cũng tiêm tiêm được, theo những con mắt của ba nhà giáo châu đầu quanh mâm. Một đĩa thịt. Một đĩa lòng. Bốn bánh đậu phụ. Mắm tôm, riêng, húng để một góc mâm. Lát nữa ăn cơm, thêm bát canh rau muống nấu gừng. Rượu lưng một chai bồ, rót ra ba cái chén đàn uống nước. Lúc nấy chén đã được cu Biền đem chén cọ sạch cần nước với.

Bắt đầu vào cuộc, không ai nói năng gì mấy. Thỉnh thoảng, Hoành khậm khà khen cái thịt cầy hôm nay mềm. Rượu chừng hai chén, bắt đầu có đôi mẩu chuyện vặt qua lại. Câu chỉ ngồi lừ lừ. Đôi chốc nhăn mũi nháp chút rượu, rồi nét mặt lại lìm lìm. Con mắt như mãi nghĩ chuyện đâu đâu.

Hoành đùa:

— Ngồi như bụt mọc thế? Nói chuyện cho vui chứ? Con có sao mà buồn?

Câu mỉm cười, thờ khà một tiếng:

— Không, có sao đâu.

Kèn gật gù:

— Nghĩ người ta ở đời cũng nên vui một tí. Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy. Sống thác âu rằng ai cũng một lần.

Hoành cười thực to:

— Khá! Ai cũng một lần.

Hoành lại cười thực to:

— Ai cũng một lần.

Hoành nói:

— Hôm nay ông anh thuyết giỏi. Anh em mình đây mà cứ nghĩ ngợi lẩn vẩn thì lúc nào cũng đến mặt chữ nãi ra thôi, ông chẳng ra ông, thằng chẳng phải thằng, chẳng ra làm sao. Cái bài thơ ấy gì của bác Kèn nhỉ?

Kèn đắc chí, gật gù:

— Không phải của tôi. Của ông Tú Xương. Hờ hờ...

Lúc tưng toan lên bán cả trời

Trời cười thằng bé nó hay chơi

Ô hay công nợ âu là thế

Mà vẫn phong lưu suốt cả đời.

Hoành nói to:

— Hay, hay. Bác cạn chén rượu thưởng này cho tôi. Cứ kể như anh em mình đây, tiếng thế, cũng còn bằng vạn thằng khác. Minh khổ thực, mà lắm lúc nghe chuyện chúng nó muốn đổ hai hàng nước mắt. Tôi đã lẩn lóc cái nghề này, tôi biết. Nhiều cảnh đau lòng lắm. Có anh dạy học trừ nợ. Có làng chỉ giả được mỗi tháng có ba đồng, cơm nuôi. Ở thì ở, không ở thì bước. Giáo Năng trên Bạc ta biết đấy, mà chẳng đâu xa nữa, cảnh tôi đây thôi. Ngán lắm. Nói ra bảo phụ nghề chứ, bao giờ xoay xỏa được cái khác, tôi cũng xin vái tổ...

Chương VI

• Ghi chú:

Kiểm duyệt của Pháp ở Hà Nội năm 1942 đã cắt bỏ chương VI tiếp theo.

Đại ý chương này như sau:

Nhà giáo Kền tính bướng bỉnh hay gây sự với hương lý. Bọn hương lý ghét Kền đã vu cho nhà giáo hay làm thơ chửi đời, lại có âm mưu lập “hội kín” chống nhà nước. Vì Kền chỉ là hương sư, lương tháng do làng trả, nên làng có quyền mượn hay bỏ. Giáo Kền đã bị hương lý làng Thượng sa thải đuổi khỏi làng.

Năm sau, giáo Kền ra mỏ ngoài Uông Bí, xin được việc làm ngoài mỏ.

Thư từ giữa Kền và Câu, Kền có nói bóng gió với bạn về sự giác ngộ vào tổ chức cách mạng của Kền.

Chương VII

Bây giờ đã tan học buổi chiều. Ánh nắng xế nghiêng ngoài gò cỏ. Câu lúi húi kéo cái phen nửa, rập lồi vào lớp học. Cái phen xiêu vẹo ấy là tấm cánh cửa nhà trường. Mấy cái đầu trẻ con còn lấp ló ngoài cột trụ. Bỗng một đứa hét vào:

— Thừa thầy, có khách.

Nhà giáo giật thót lưng lại. Bởi từ khi tự dung mà Câu phải tiếp hai con ả đào tai ác kia, hễ nghe ai nói lấp loáng “có khách”, nhà giáo đã nhón nhác ngay.

Mấy đứa trẻ la lên như thế, rồi chạy biến.

Ngơ ngác nhòm ra, Câu lại thấy một tốp học trò lớ nhố đi từ phía cầu Phượng lại. Dáng hăn lữ này bắt gặp khách hỏi thăm, chúng bèn xúm xít, đưa đến trường. Mấy đứa hót lẻo nhanh chân chạy đến báo trước.

Khách đương đi trong đám học trò, khách đi giữa. Ba bốn đứa dẫn trước. Có đứa đi giật lùi ngấm nghĩa khách. Mấy đứa riu rít sau lưng. Nom như trẻ con đương chơi đám rước.

Nhưng kể khách cũng khá lạ mặt, khách là đàn ông. Một điều cũng bót lo cho nhà giáo Câu. Khách đã đi vào đến trong sân. Đó là một chàng mặc quần áo tây, - người mặc quần áo tây thì oai thực. Chàng đội chiếc mũ trắng đít vẹt, lại đội mũ lệch nghiêng một bên. Cái mũ to tướng, dày cộp, mà mũ chỉ nằm hờ một góc đầu. Chàng mặc áo sơ-mi cộc tay. Áo màu vàng, rộng thùng thình. Hai bên ngực có hai cái túi to. Ở giữa, đáng lẽ là hàng khuy, lại là hai sợi dây vải vàng vắt chéo chân rết, leo cho đến chỗ hai cái tai cổ bé. Quần là ống thẳng đuồn. Chân mang đôi giày, đế kép trắng. Bước êm tờ, lặng như đi chân đất. Lũ trẻ con, nhìn ngần ấy thứ, đã choáng mắt... Giá xem được kỹ hơn, chắc chúng nó còn thấy hai chiếc giày có hai lỗ thủng, lòi ngón chân út xám xỉn, ám bụi cát đường cái.

Khách đã bước vào đến thêm lớp. Chàng ta ngả mũ, cười. Cái mặt thì đen thui, hai hàm răng to trắng lôm lôm. Chàng thò tay ra bắt tay Câu:

— “Bông dưa”^[4] ông giáo! Tôi là Răng, Trần văn Răng, mới đến bên Yên Thượng.

— A, ông giáo mới làng Thượng...

Nhà giáo mới làng Thượng cười ha hả:

— Phải, phải, chỗ đồng nghiệp mà. Tôi mới đến hôm qua. Hôm nay đi thăm anh em xung quanh.

— Mời ông vào ngồi chơi trong này.

— Thôi vế. Chỗ anh em cả. Đứng đây cho mát.

— Xừ^[5] cứ gọi tớ là toa, moa^[6] cho tiện. Đường đi lại về sau còn dài.

Rồi nhà giáo tên Răng lần túi áo trước ngực, móc ra bao thuốc lá Ba tốt. Chàng lại sờ túi bên cạnh lấy bao diêm.

— Vu^[7] cứ ăn tự nhiên với moa một điếu thuốc, vu đừng ngại gì hết. Vu lấy đi...

Bất đắc dĩ, lúng túng lỉnh quính nữa, Câu rút điếu thuốc. Một que diêm xòe. Hai điếu thuốc cùng phập phèo cháy. Khói xanh từng làn mỏng uốn éo. Câu chuyện trao đổi qua lại.

— Vu dạy ở đây từ bao giờ?

— Tính có mấy năm rồi.

Răng tròn tròn hai mắt:

— Mấy năm? Ô là la! Chịu khó quá. Moa mà ở liền cái chỗ nhà quê cơm hẩm này mấy hôm cũng mủn người ra rồi. Vu có biết không? Moa đã đi giang hồ du lịch khắp năm xứ Đông Dương. Thôi thì đủ. Từ Nam chí Bắc. Nào Sà-goòng, nào Hà Nội, nào Yên Bái, Lào Kai. Tuốt tuốt...

— Ghê nhỉ?

— Cái tính moa thế. Chỗ anh em moa không nói phét. Ở đâu lâu một chỗ, nóng lòng nóng ruột, không chịu được... ầy moa vừa ở Huế ra. Ở Huế sướng lắm. Nước sông Hương chảy lờ lờ. Con gái đi chân

đất, đeo kiềng vàng, cười cứ tít hai con mắt. Thú lạ.

— Thú nhỉ...

— Phải, thú lắm.

— Thế bác vào làm gì trong ấy?

— A moa đi buôn. Moa thì đủ nghề, đủ ngón tháo vát. Làm chủ có. Làm thợ có. Dạy học cũng đã từng. Lại dạy cả võ. Võ moa khá lắm. Chẳng phải nói phét, cái khỏ người lẻo khoẻo như toa, moa đánh ngã hàng tá. Đạo ở Lao Kay, đã khét tiếng. Bây giờ toa mà lên đây, toa cứ hỏi xừ Răng Hà Nội ai cũng nhớ. Võ Tàu. Võ ta. Võ Lào. Moa đã tranh giải vô địch Bắc Kỳ rồi đấy.

— Bác là vô địch Bắc Kỳ?

— Không. Đánh hòa thôi. Hai bên cùng chịu nhau.

— Bác tài thực.

— Moa tài lắm chứ... Để hôm nào uống rượu mà nói chuyện võ mới hợp. Nhưng ở đây chán thiêu người ra thế này.

Thầy giáo Răng lại hùng hổ nói:

— Moa nể quá. Chẳng nhẽ ông chánh Yên Thượng ông ấy nhẩn mái. Nhưng thôi cũng chẳng cần gì. Dạy chơi ít lâu, chán chán rồi thì moa lại đi giang hồ. Moa nó như con dao pha. Nay đây mai đó, leng beng lung tung, mà sướng hơn quan huyện đấy. Không nói phét đâu.

— Dạy học thế này, chắc bác khỏ bác ngại lắm?

— À, cái khỏ thì moa đã khỏ nhiều rồi. Ngọt bùi cay đắng đã nếm đủ mùi phong trần. Chỉ còn ao ước chưa được đi ngoại quốc một chuyến, sang Tàu sang Tây chẳng hạn. Ở cái làng bên trên kia, đi qua cánh đồng là làng gì nhỉ?

— Làng Phú Gia.

— Ồ, ở làng Phú Gia. Làng ấy cũng có trường?

— Có, cũng có trường. Người bạn tôi dạy bên ấy.

— Moa biết rồi. Từ hôm qua, moa đã đi dạo khắp. Đến đâu phải thuộc thung thỏ ngay nơi ấy chứ. Không nói phét, dất dất vào ăn cướp được rồi. Vùng này ba làng đều có trường. Đây là một. Bên moa là hai. Ở Phú Gia là ba. À, thế cái xừ giáo ở Phú Gia là xừ gì nhỉ?

— Bác Hoành.

— Hoành. Nhớ rồi. Toa là Câu, giáo Câu.

Câu cười:

— Gớm, bác này tài dò dẫm nhỉ?

— Chuyện, nghề phải thế chứ. Còn moa Trần văn Răng dít Cao Sơn các-vi-dit đây.[\[8\]](#)

Răng giơ bím, lấy ra một tấm danh thiếp trắng lóp. Ở trong, có hàng chữ nửa ta nửa Tây: Trần văn Răng dít Cao Sơn à Hà Nội. Răng đưa cho Câu. Câu đón lấy, ngắm nghía. Trong khi đó, Răng lại nói ba hoa trời đất một lúc. Câu cũng chỉ nghe lơ mơ thôi. Bụng anh đã đói mồm, sôi rong róc. Tính rụt rè lại hay ngượng nghịu, Câu không biết nên nói thế nào để về được. đành đứng ừ hừ, đưa đẩy câu chuyện.

May sao, Răng giơ hai tay nói to:

— Ô là la, sắp tối rồi. Moa phải về ăn cơm. Ở đây người ta ăn cơm sớm quá. Toa cũng về ăn cơm chứ?

— Dạ, vâng.

Hai người cùng đi ra. Lũ học trò từ ban nãy vẫn đứng vớ vẩn ngoài cột trụ. Chúng đợi xem ông giáo Răng. Ông Răng và ông Câu thủng thỉnh đi ra. Lũ trẻ lập ló bước theo sau. Rồi chúng còn chịu khó đi theo sang tận bên kia cầu Phụng, để nhìn theo thầy Răng. Đến chỗ rẽ vào trong xóm. Răng bắt tay Câu nói:

— Chủ nhật này moa sang, toa dẫn moa lên chơi xừ Hoành nhé. Moa cần giao thiệp rộng.

Câu đáp lại, ấp úng.

Chương VIII

Phú Gia là một làng nhỏ, ken giữa mấy cánh đồng làng khác. Không hiểu sao, lại có một làng con con như thế lẻ loi giữa bốn bên đồng ruộng các làng thiên hạ. Số đình trong làng không quá năm mươi tên. Chỉ có vài ba chục nóc nhà lều tều. Làng cũng không có nghề nào là nghề chính. Mấy nhà theo nghề dệt lĩnh lụa canh cửi đều ở bên làng Nha, làng Thượng. Đây chỉ có nhà làm vườn, trồng rau. Có những nhà chuyên nghề kiếm ăn mò cua bắt ốc ngoài hồ. Bởi thế, người ta thường kể rằng làng này xưa chỉ là nơi tụ họp những người đầu đầu trôi giạt đến, lâu dần lập nên làng xóm.

Đã thừa người, làng lại nghèo. Chân phó lý khuyết mấy năm rồi, mà chưa có ai thay. Ông thư ký trong hội đồng kiêm cả chân tộc biểu. Gọi là đất cò trắng, đến đổi bao nhiêu lâu chẳng có anh mõ nào đến xin việc hầu hạ việc làng.

Ấy thế nhưng cũng may, làng còn có nổi cái trường học. Và như các làng Thượng, làng Nha lương trả ông giáo thì quỹ làng chịu. Vì thế mà con em trong làng được kéo nhau đi học tận suất.

Năm nọ, trường mới mở cửa, có cả những bác đầu to như cái rành, cũng ra nhờ thầy giáo khai sáng cho “ăn mày thánh” mười chữ. Người ta đồn bây giờ chữ quốc ngữ dễ học hơn chữ Nho, chỉ chịu khó nửa tháng đã biết đọc được truyện Kiều, truyện Nhị Độ Mai. Nhưng chỉ háo hức mấy hôm đầu. Rồi cũng bỏ dở cả vì miếng cơm manh áo phải lo. Vả lại, con trai lớn đi học hay bị bọn con gái chế giễu. Thà chẳng học thì dừng... Rồi, ra trường học chỉ còn trẻ con lau nhau. Có hơn bốn chục đứa, mấy năm nay, ông Hoành vẫn dạy mấy chục đứa trẻ ấy.

Những đứa bé đến trường mặc áo hay cởi trần cũng được. Con thầy giáo, thằng Biền đi học. Mực tím nham nhở đầy bụng và đầu. Khắp người chỗ nào lấm tẩm nốt ghẻ, và mảng đầu chốc quét mực vào, - phẩm tím cũng là thuốc chữa ghẻ. Cu Biền cởi trần tròng trọc. Hiếm lắm mới được có khi mặc, cái áo thái của thầy nó mà riêng cái túi áo cũng che lấp cả bụng cu Biền. Con thầy giáo ăn mặc sười sã như thế, cả lớp, quần áo học trò cũng rập theo na ná vậy. Thầy giáo Hoành là một tay chơi, ăn vận bao giờ cũng chỉnh tề nhưng thầy chả có đâu mà để mắt đến học trò và con cái.

Thầy Hoạch chăn dắt đàn học trò được mấy năm mà đến năm nay, vào tháng sáu tây này có bốn đứa sắp đi thi sơ học yếu lược trên phủ. Kể ra, làng Thượng có được cái trường cũng đã là nhiều khê và khó khăn lắm. Nhưng cũng đã bởi lộc trời. Ngoài lối đi ra ngoài sông có một bãi trồng vải, các cụ trồng vải đã từ đời trước. Năm nào cũng vậy, quãng sang tháng Tư, quả vải đã nhu nhú chớm xanh, làng lại họp hội đồng để bán thầu bãi vải cho lái buôn các nơi! Năm nào cũng được ngót hơn một trăm bạc. Tiền chi vào trường học của làng đều nhờ trông vào bãi vải bán non. Nhưng năm nay, đã xảy ra việc rắc rối.

Bấy giờ đã hết tháng Ba, lá nhãn trên cành đã rợp đường. Trong trận mưa mới, đã có những cơn sấm rền. Hoa nhãn, hoa vải, hoa hồng bì đã rụng từng chùm màu vàng đọt đọt li ti như cánh vỏ trấu, rải đầy mặt đất. Quả non chớm, năm nay chắc được cả mùa vải, nhãn và hồng bì. Cây nào cũng chỉ chít những chùm quả non xanh.

Đột nhiên, một hôm trời đất u ám. Buổi trưa, gió nồm thổi hây hẩy. Mây đen kéo về xám ngịt.

Bắt đầu nổi gió to, như muốn bão. Mới vào hè, mà đã có mưa rào dữ, mưa như trống đánh tơi tả vườn chuối. Mưa rào rào, dưới ao, nước mấp mé dâng lên vườn. Từng đàn cá rô, theo nước mới ngoi lên bờ, rạch khắp nơi.

Đến lúc tạnh mưa, cây cối phờ phạc tả tơi. Những cây hồng bì rũ rượi, bao nhiêu quả non rụng hết trong trận mưa rào nặng hạt. Và những hoa vải, hoa nhãn, hoa muỗm cũng rã rời cùng chung số phận khốn khổ ấy.

Mười hôm sau, lại một trận mưa tai ác thế. Thế là năm ấy, mất mùa vải. Chim tu hú xa xa kêu rỗng rã mấy tháng hè, báo hiệu mùa vải mà suốt cánh bãi chỉ có vài chùm vải muộn, quả sắt seo, đen xin đầu

cuồng.

Thế là tiền bán vải cho lái buôn năm nay không có. Tiền là của trời, mà trời không cho, đó là điều không may.

Nhưng các ông trong hương hội, các cụ phụ lão và ông phó lý không phải chỉ lo tiền chi vào trường học hàng tháng. Mà các nhà chức dịch còn một việc nóng hơn. Là cái đình làng, cần tu sửa ngay. Mái hồng, trông qua từng lỗ lên trời. Nước mưa chảy vào trong đình như nước rãnh lội ngoài sân. Mấy cái rui, mấy cái cột lớn đình đã chớm vết mối mục ruỗng cả. Rêu ám xanh om. Ở gậm án thư, mọc từng đám cỏ trắng bệu những cây nhãn, cây vải con con.

Buổi chiều ngày ba mươi, đầu tháng, theo lệ thường, ông từ ra mở cửa đình, vào hậu cung thắp hương. Ông vào, không thấy ông ra. Không ai chú ý vì ông từ vẫn ra ngủ đêm ở bực gỗ ngoài đình. Sớm hôm sau, cái dĩ Con ra ngoài đình gọi ông về ăn cơm. Đến trưa, cũng chẳng thấy ông cháu về. Bỏ nó bỏ ra đình. Trông thấy ông từ úp sấp bên gậm bực. Cái dĩ Con nằm nghiêng, mặt tái ngoét, mắt trợn ngược lòng trắng.

Ở trong bụng áo ông lão, con rắn mai gằm khúc vàng khúc trắng, to bằng cái cẳng chân người lớn, ngoằn ra, luồn bụi cỏ giữa bực gỗ.

Trong xóm, nghe tiếng kêu, mọi người đổ ra. Ông lão bị con mai gằm cắn từ chiều hôm qua rồi rắn lại chui vào ngủ trong bụng áo ông lão. Đến khi dĩ Con ra đình. Nó tưởng ông uống rượu nằm chơi, nó đến lay ông...

Hôm sau, người ta bới đóng cỏ trong gậm án thư đánh chết được con rắn mai gằm dài hơn cái đòn ổng.

Từ ngày ông từ chết, không ai dám lai vãng ra đình, cũng không cụ nào ra thế chân thủ từ đình. Đến rằm mừng một, phải đốt đuốc, soi các góc đình, các cụ mới dám theo tuần đình vác dao vào thắp hương.

Cần chữa đình lại. Các đàn anh trong làng đã dự trù việc làm đình. Có thể lấy tiền bán các chân chức vị. Một chân “lý hào” sáu chục. Mỗi chân “hương hào” bốn chục. Mỗi tên “nhiêu” thì mười đồng. Phải lúc bình thường, chân “lý hào” ít ra phải chông một trăm không kể khao vọng. Quên bét hạng như anh “nhiêu” cũng giám ra hai mươi lăm đồng. Nhưng tính rồi cũng chưa đủ. Xem chừng cũng chẳng bán được mấy chân chức việc. Có cái lý, cái hương, anh nhiều khỏi phải đi dê, đi phu, lại được vai quan viên ngồi văn chỉ, nhưng bới đâu ra tiền thêm mà làm đình.

Ông phó lý nói:

— Trên thừa các cụ, tôi thiết tưởng việc chữa đình phải hưng công ngay. Còn một ít nữa, đình trông đỡ vào bãi vải. Vải năm nay lại mất mùa. Ta đem hạ làm củi tất cả những cây cối ấy đi, rẻ ra cũng được xấp xỉ trăm bạc. Rồi gọi lái bán non luôn một năm vải sang năm. Cái giống vải bao giờ cũng được mùa cách năm. Các cụ nghĩ sao?

— Còn trường học thì tính thế nào?

— Trường học thì ta đặt lệ...

— Dào ôi! Đình nát thì thánh sai rắn về cắn chết người đấy. Chẳng có ông giáo cũng đành, đón quách ông đồ, chỉ mất cơm nuôi, cuối năm tiền mười đồng là êm chuyện.

Người ta cho là chí lý theo lời bàn của ông phó và các ông hương hội. Còn nhà nào còn có con em đi học thì tháng tháng phải đóng tiền. Công việc làm đình bắt đầu. Làng đã cắt người ra bến mua gỗ, đi thừa gạch, thừa ngói, tìm thợ ngỗa, thợ xây. Ban hương hội cũng báo cho ông giáo Hoạch biết các cụ bàn về trường học như vậy.

Chẳng ai báo, hương hội chưa bàn xong thầy giáo Hoạch đã biết cả rồi.

Cảnh trường cứ tiêu điều. Đầu tiên, vẫn đi quá một nửa học trò con cái những nhà ông xót tiền. Tháng ấy, chỉ còn những đứa trẻ nhà ông trong ban hội đồng đương thứ. Tháng sau, con cái nhà các ông chánh, ông phó cũng nghỉ học. Rồi chỉ còn lại bốn đứa, mai kia sắp lên phủ đi thi lấy bằng Sơ học Yêu lược. Cha mẹ có cho con theo thầy, dù mỗi tháng phải tốn một hào bạc với hai xu tiền phẩn viết

bảng.

Tình cảnh giáo Hoạch nguy ngập quá. Lương lậu lọt đọt chẳng còn ra thế nào. Cho tới tháng thứ ba... Cả những ông chức dịch như cũng muốn lờ đi. Người ta còn đương tíu tít chạy vào việc làm đình.

Một hôm, giáo Hoạch vào nhà ông phó lý. Từ khi có lệ học trò đóng tiền, các ông hương hội không bén mảng ra trường nữa. Ông phó lý nghe, rồi nói:

— Ông giáo ạ, việc này không phải của tôi. Nhưng tôi cũng cứ bàn với ông giáo. Hay là tôi nói với các ông ấy để ông giáo tạm nghỉ ít lâu. Làng bây giờ thật không còn tiền. Bao nhiêu đổ cả vào đình. Bao giờ xong việc đình đám thì mời ông giáo lên giúp cho làng.

Giáo Hoạch thở dài, không nói một câu nào nữa. Đương nghĩ đến vợ và ba đứa con leo neho. Bỏ, anh đi đâu, làm nghề ngỗng gì bây giờ?

Chương IX

Thế là thầy giáo Hoạch dọn về quê. Quê thầy ở Đông Lao. Từ Phú Gia đi vào miền trong chừng quá nửa buổi thì tới nơi. Nói là dọn nhà cho có việc, thực ra chẳng có gì. Cái giường phản đồ và tre gỗ nặng, thầy đã bán và để lại cho người ta cả rồi.

Bà giáo Hoạch xách một cái tay nải nâu, ông quảy hai bọc giấy nhật trình buộc dây chuối. Đây là những đồ lặt vặt, cái đèn hoa kỳ, cái bát điều. Còn quần áo của ai, thì người ấy đã mặc cả vào mình rồi. Bà giáo ăn vận như trời rét ngày Tết. Quần thâm, cái thắt lưng có giải yếm mớ ba mớ bảy. Đầu bịt khăn vuông mỏ quạ kín hai tai, quặt ra đằng sau. Tầm áo the nâu mặc răn rúm như vừa lấy trong vó ra. Ba đứa trẻ con cũng đủ quần, không đứa nào cởi trần. Tay xách gói, lưng bà cống thẳng cu Con. Thăng Biền dắt cái Gia. Con bé mới đi chập chững bước một. Chắc chộc nữa, ra ngoài giữa cánh đồng vắng, bố nó phải cống nó đỡ mẹ. Nhưng giáo Hoạch mà cống con thì hỏng mất bộ quần áo hộp. Bao giờ thì thầy Hoạch cũng chững chạc như thường. Thầy đội khăn xếp nhiều tây, đeo đôi kính râm. Áo the cặp. Quần gấp đầu giường như là quần ông sớ. Đôi giày tây có cổ bước cộp cộp.

Bây giờ hãy còn sớm. Mặt trời chưa mọc. Phương đông, sau lũy tre, mây ửng đỏ như có đám cháy lớn. Cả bốn đứa học trò sắp đi thi Sơ học Yếu lược cũng đến nhà chào thầy. Lại cả bốn đứa đi tiền. Thầy giáo Hoạch xoa đầu từng đứa rồi nói ngậm ngùi:

— Ngày mai, các anh sang bên Nha học thầy Câu. Tôi đã nói với thầy rồi. Cố học chăm để thi đỗ, khỏi phụ công thầy. Bao giờ làng mở trường, thầy lại ra. Thôi thầy nói bấy nhiêu...

Cảm động, thầy ngập ngừng không nói được ra lời. Bốn đứa học trò mũi lòng, khóc òa. Rồi thăng Biền, cái Gia - và thăng cu Con - cùng nức nở theo. Cả đôi bên lũ trẻ khóc lóc như đàn chim rí kêu.

Bốn đứa học trò đứng ngơ ngẩn trông theo. Những đứa bé mờ mờ đi trước, rồi bóng thầy, bóng cô lẫn vào những vòm tre xanh om. Chúng nó lại mếu máo. Trên đường vào làng, người ta gặp bốn đứa trẻ vừa đi vừa khóc sụt sùi.

Từ đây, không ai biết gia đình nhà ông giáo Hoạch rồi ra làm sao. Chẳng lần nào ông giáo Hoạch lại vắng ra ngoài này nữa. Cái trường học trước là cái hành lang. Bây giờ, người ta làm chỗ cho thợ nề, thợ mộc che chắn ngủ đậu. Khi đình cất xong, người ta lấy chỗ ấy làm gian chứa đòn khiêng đám ma và cái vồng vong gỗ mộc^[9]. Làng không làm lại trường học nữa.

Chiều hôm ấy, giáo Câu sang Phú Gia. Mấy tháng nay, Câu đã biết cái tình cảnh khốn đốn của nhà giáo Hoạch. Từ khi vắng Kèn, đôi bạn đối với nhau lại càng gần gũi hơn. Có lẽ họ thấy lẻ loi quá. Giáo Răng thì không thể hợp tâm tính hai người rồi. Anh ta dạy chữ, lại dạy kèm cả võ. Làng Thượng, ai cũng phục thầy giáo Răng lắm. Nhà giáo văn giáo võ đủ vánh. Những đứa học trò bên Thượng, tự nhiên cũng sinh ra bướng và hỗn. Chúng hay kéo nhau sang đầu đồng đón học trò trường Nha gạ đấu võ. Cái giống trẻ con thích võ.

Câu sang bên Phú Gia, hỏi thăm mới biết Hoạch đã cùng vợ con mới dọn về quê sáng sớm hôm qua. Câu ngạc nhiên. Mặc dầu Câu vẫn biết trước sau thế nào Hoạch cũng phải đi. Anh đã gửi bốn đứa học trò sang trường Câu. Sao Hoạch không cho Câu biết, để Câu sang chơi một hôm. Hoặc giả Hoạch cũng muốn giấu chẳng? Ừ, mà giấu là phải. Một đoàn một lũ cha con vợ chồng loi thôi bông bế nhau như chạy nước lụt, đẹp đẽ gì phải nài người đón đưa. Xưa nay, Hoạch lại là tay sĩ diện, ưa cái mã bề ngoài. Chắc Hoạch nghĩ khổ trong lòng lắm.

Tự nhiên, Câu rung rung như muốn khóc.

Lủi thủi, Câu quay về.

Câu đi về, vòng lúi đồng qua làng Thượng, tạt sang cầu.

Ngày mùa hè dài dặc. Mặt trời mấp mé xuống cánh đồng mà còn lóe chói rực rỡ. Những tảng mây trắng nhuộm ánh nắng, đỏ khé. Mây từ từ từng đám trôi qua nền trời xanh. Gió reo rì rào trong ruộng

lúa. Đầu đây tiếng điều đô sáo đầu reo vo vo.

Câu bước nhẩn nha. Sao mà hai đầu gối mỏi, chỉ muốn khụy. Đầu gối mỏi với nỗi buồn tái tê trong lòng.

Vụt chốc, bóng tối xuống. Bấy giờ đã là nhá nhem. Phía tây, mờ mờ một vết mây đỏ xẫm. Cánh đồng vắng lặng tối. Bên đường chỉ chít những tấm hoa cỏ may, giải một nền chì chập chờn. Trong xóm trước mặt, vắng đưa lại những tiếng í ới bọn trẻ con tắm, đùa nhau ngoài ao. Và nhiều tiếng riu rít, tiếng chim kêu, chim hót, không phân biệt được. Đó là tiếng hoàng hôn đương vào cánh đồng, bao la. Mây mờ đi, tan lẫn với vùng trời bàng bạc xám.

Câu về đến đoạn đường rẽ ba. Một đàng lên phủ. Một lối vào trong làng. Theo đường vào làng, chỉ vài bước chân thì về đến đầu cầu. Đường vắng teo. Câu vẫn buồn rã rời, bải hoải đến rã cánh tay. Gió thổi kéo xõa mái tóc cánh gà của anh xuống hai bên tai. Hai vạt áo khách trắng bay lên phấp phật.

Một nỗi buồn mênh mông xâm chiếm lòng chàng. Trước hết, Câu nghĩ đến cái tương lai mờ mịt của mình. Mờ mịt, phải, mờ mịt quá. Bấy lâu, chàng đã sống bấp bênh, tạm bợ, một thân một mình, muốn ra sao thì ra. Một ngày kia, ngộ đèo thêm cái ách vợ con vào như giáo Hoành thì sao. Chao ơi! Bấy giờ thì còn khổ đến thế nào! Câu thở dài.

Nhưng chàng lại mỉm cười. Nụ cười nhỏ lại tắt ngay. Coi như một cái nhếch mép không phải một nụ cười. Bởi anh vừa cười vừa tự nhạo mình. Có bao giờ Câu dám nghĩ đến chuyện mơ màng vợ con! Nhất là từ khi mối tình của chàng và Miến lạt phai. Lạt phai vì những duyên có mỏng manh không đâu. Bấy giờ thì xa xôi quá rồi... xa quá rồi... Nỗi buồn thấm thía, chua chát của bóng dáng một mảnh tình. Rồi chàng lần lần nghĩ rằng giả chàng gặp Miến bây giờ. Ừ, chàng gặp Miến bây giờ, chàng sẽ nói rất nhiều. Chàng níu lấy Miến. Chàng hỏi tại làm sao cô lại quên nhau đến ngót một năm trời nay. Chàng cắt nghĩa cho Miến nghe những thế này... những thế này... Chàng nắm lấy bàn tay Miến. Hai người cùng im lặng nhìn nhau. Cứ đứng lặng như vậy, một lúc thật lâu.

Anh chàng không tưởng tượng được thêm gì nữa, sự thực lại trở về, càng buồn hơn lúc nãy. Điều xa cách đã xa cách quá rồi. Mà sao Câu vẫn nghe như mình vẫn tơ vương. Giá mà Câu gặp Miến bây giờ. Câu sẽ... Câu sẽ...

Những bước guốc của Câu lọc cọc trên đất đá lổn nhổn. Tiếng guốc trong vắng lặng cánh đồng. Trời tối mờ mờ, đàng trước không có ai, cái đầu cầu Phụng trắng trắng bắc ngang sông Lịch.

Câu chợt quay lại. Có bóng người đi đàng sau. Dáng cao cao tha thướt. Hình như sợ tối và vắng vẻ, người ấy đi nhanh, sắp kịp Câu. Đến lúc nghe phía sau lạt sạt bước, Câu quay lại. Câu nhìn trở cả hai mắt. Người ấy là cô Miến.

Phải, cô Miến. Miến chân đi đất, mặc áo dài nâu non thắt quả găng. Đôi ống quần xắn cao hênh hếch. Đầu cô không mang nón. Một tay xách lồng thông hai cây mía đỏ dài ngòng ngoèo. Cô đi đâu mà sao lại có sự gặp gỡ đường đột đến lạ lùng thế này?

Thoạt trông thấy Câu, hình như cô ngượng riu hai chân. Mà anh chàng tưởng như trời đã đen thẫm lại. Ôi, trời đổ thực. Hai mắt Câu chớp chớp, anh run như đương gậy lên con rét. Lưng áo, mồ hôi toát ra từ lúc nào. Dường như anh chỉ thở ra. Muốn nói nhưng nghẹn tắc cổ.

Miến đã đi kịp Câu. Nàng bước tránh sang một bên đường. Rồi nàng đi quá một chút. Vẫn chưa trấn tĩnh nổi, nhà giáo còn luống cuống lắm. Anh càng luống cuống hơn, khi Miến đã đi lên trước anh đến ba bốn bước. Anh cố nuốt nước bọt để nghĩ một câu. Một câu thôi, nếu không thì Miến đi khỏi. Về đến kia đã là đầu cầu. Quá vài bước nữa vào trong xóm rồi. Ở đây, một bên ruộng, một bên bãi sông. Không có ai. Ngại gì nữa. Câu lú lẩn đi mất rồi sao. Trước nhất, nhà giáo măm mòi lại. Có lẽ để lấy can đảm. Chẳng gì xa nhau đã lâu và lại xa vì giận dỗi, cũng ngượng lắm. Nhà giáo thốt ra một câu, anh gọi:

— Cô Miến!

Miến nhìn lại. Rồi Miến lại quay đi. Nhưng câu hỏi đã ra khỏi miệng.

— Lại cho tôi hỏi cái này, cô Miến!

—...

— Tôi hỏi...

Miến đứng và rồi Miến quay lại. Ôi chao, nào Câu biết hỏi câu gì bây giờ? Vừa rồi, nhà giáo chỉ gọi liều một câu. May quá, Miến lại cất lời trước. Miến nói:

— Bác lại còn hỏi tôi làm gì nữa!

Câu ngẩn ngơ:

— Ô hay, Miến giận tôi thực à?

— Nào tôi dám giận... bác!

— Sao Miến lại gọi tôi thế? Tôi có làm gì để cho Miến giận? Mấy tháng nay, tôi vẫn mong Miến đến chơi để tôi...

Câu nói được mấy câu như thế, hình như làm cho Miến đã bớt ngay giận. Miến đứng yên, hai tay vân vê lẫn tròn cây mía, Câu hỏi:

— Miến mua mía ở đâu thế?

— Mua ở trên chợ.

— Sao đi chợ tối thế?

— Không, đi qua chợ thì mua.

— Miến đi đâu về?

— Đưa chị cả Diễm ra bến tàu xuống Kê Chợ ra tàu Phòng.

— À.

Câu hiểu. Từ mấy hôm nay, vợ Diễm đem một đứa con về nhà ăn giỗ. Giỗ cụ sinh ra ông khản Tịnh. Vì không xin được phép nghỉ, Diễm để vợ về một mình. Đáng hấn chị Diễm đem con ra Hà Nội chơi với mấy chị em ngoài ấy, rồi mai mới xuống Hải Phòng. Miến ẵm cháu tiền chị ra bến xe rồi quay về, nhân tiện, vào chợ mua cây mía, xách lồng thong về đây.

Hai người đứng giữa đường. Con đường trắng ngoằn ngoèo mờ mờ trong bóng chiều. Lưỡng lự muốn đi, lại muốn đứng. Nhưng chẳng ai nói, cũng chẳng ai đi. Miến vẫn cúi mặt. Còn nhà giáo lại chưa biết nói thế nào. Đương lúc ấy, từ trong lối ngõ xóm ở ven bờ sông, vắng có tiếng đàn bà cãi nhau léo xéo đưa lại. Hai người giật mình.

Câu bảo:

— Miến đứng tránh vào bên một tí. Tôi muốn nói với Miến.

Miến vẫn đứng yên.

— Đi, Miến...

Câu giục lần nữa, nàng ngẩng mặt lên nhìn Câu rồi lại cúi xuống và nhẹ nhàng đi theo Câu. Hai người rẽ xuống ruộng, đứng vào sau một gò cỏ cao. Tuy Miến cúi mặt, nhưng Câu hình như trông thấy hai khóe mắt nàng lóng lánh. Chao ôi, Miến khóc. Câu bối rối quá. Câu luống cuống đi trước đến gò cỏ, chỗ đã khuất hẳn đường phía ngoài. Họ đứng quay mặt vào trong gò cỏ ầu xanh mờ.

Trên đầu gò, phơ phất làn hoa may. Câu nhìn lên. Một ngôi sao chiều sáng long lanh trên ngọn cỏ. Câu bứt vù vờ mấy lá cỏ ầu.

— Miến...

— Tôi xin lỗi Miến.

Miến nức nở khóc thành tiếng. Nước mắt chảy xuống hai bên má. Nàng lấy giải yếm che mặt, rồi Miến nói khẽ:

— Mấy tháng trời nay, tôi nghĩ ngợi mà buồn về cậu. Ai lại chơi bởi thế bao giờ. Cậu có yêu tôi đâu!

— Miến đừng nói thế. Thực quả tôi...

— Cậu còn mơ tưởng các con nhà trò.

— Tự dưng chúng nó dẫn xác đến, chứ tôi có biết gì.

— Cái nhà giáo Hoạch chẳng còn ở đây nữa mà rủ rê cậu. Nhà ấy đi tôi chẳng tiếc. Tôi chỉ thương

anh giáo Kên.

Câu lặng yên, sung sướng mà nghe người yêu nói về mấy người bạn của anh. Nàng đã đứng lại, nàng đã nói, thế là cơn hờn đã tan, chắc thế. Câu nói:

— Tôi đã có lời xin lỗi Miến rồi. Mồm miệng người ta hay thêu dệt ra lắm chuyện. Mà thực có gì đâu!

— Oan lắm đấy!

— Thôi mà.

Câu cầm tay Miến. Miến ngoái người đi. Bàn tay nàng vẫn nằm trong bàn tay chàng. Và miệng nàng múm mím. Hình như giọt nước mắt vẫn lăn nhẹ trên má. Giọt nước mắt ấy không còn ý nghĩa chi. Con gái chúa là mau nước mắt. Cái gì cũng khóc được thôi.

Câu nói:

— Miến đừng khóc nữa. Ông giảng ông ấy cười cho kia kìa.

Miến ngoảnh lại. Cuối cánh đồng vùng trăng tròn vành vạnh, nhô lên. Hôm nay mười sáu. Bảy giờ ngày cũng chưa hết hẳn. Mặt trăng tròn như chiếc mâm đồng, trắng nhạt. Tuy vậy, ánh trăng cũng đã lan sang sáng mặt đất. Bóng hai người ngã xuống mặt cỏ bên gò.

Miến nói:

— Tôi không hiểu cậu có thực lòng... yêu tôi không?

— Tôi lại còn biết nói thế nào nữa. Có ông giảng kia làm chứng cho. Lúc nào tôi cũng chỉ nghĩ đến sau này lấy được Miến.

Miến ngược nhìn trăng. Mặt trăng nghiêm trang đứng trên vòm trời bát ngát, thăm thẳm.

Miến nói:

— Tôi thực hết lòng với cậu. Sau này mà chả lấy được nhau thì chết chứ chả sống làm gì.

— Chỉ nói đại. Miến nói thế ông giảng nghe tiếng, ông ấy biết rồi.

— Ừ, mà ông giảng ông ấy đương nhìn chúng mình?

— Ông ấy còn nghe tiếng ta nói nữa. Ví bằng sau này chẳng lấy được nhau...

— ... Thì chết đi.

— Miến chỉ nói đại.

Câu nắm chặt cả bàn tay Miến... Câu quệt yêu vào má Miến, nói: “Từ giờ chừa nói đại nhá”. Má nàng cũng nóng rừ như bàn tay. Câu bâng khuâng như nằm mê bắt được cô tiên trên cung trăng sa xuống. Bấy lâu, giận Câu, cũng chỉ vì quá yêu mà thôi. Bấy giờ cơn hờn đã tan, như cái gió nồm man mát thoảng qua. Anh trăng láy vào trong mắt. Đôi mắt Miến ngời lên, bởi chút nước mắt ban nãy còn ánh lại bên khóe. Miến mím cười liếc Câu.

Trên cánh đồng bát ngát, ông trăng túm tùm với hai người.

Chương X

Rằm tháng Bảy. Mọi nhà đều ăn Tết rằm, người ta làm cỗ vào buổi trưa. Các khung cửi, lồng tơ đều nghỉ. Cơm nước xong, con trai con gái lũ lượt kéo nhau ra đường đi nhón nhơ. Con trai thì ra ngồi tều ngoài cửa đình. Con gái từng đám, đi lễ chùa, đi xem bói “thơ tiên” ở ấp Đông. Cảnh nhàn nhã một ngày Tết tháng Bảy, vui nhất đám trẻ con. Những đứa trẻ trường làng Nha cũng đều được nghỉ. Chúng chạy nhông khắp chốn.

Buổi chiều mười bốn, Câu gặp Miến. Lúc bảy giờ đã nhọ mặt người. Miến vào nhà bà Thiêm. Bà lão với cháu lúi húi trong bếp, đun nấu cỗ. Chuyện hai người thì thảo ngoài ngõ mấy câu, Câu đã nắm tay Miến.

Miến nói trước:

— Mai đi chơi nhá?

— Miến bảo đi đâu?

— Đi xem “thơ tiên”. Cậu đợi ở bụi tre đầu làng Thượng. Tôi bảo cậu cái này, tôi có cái này hay lắm kia.

Rồi Miến tắt tả ra, Câu vội chạy theo.

— Ấy!

— Gì thế?

— Thế mai độ mấy giờ?

— Ờ nhỉ. Tí nữa lú mất. Cứ bên này cậu ăn cỗ buổi trưa xong.

Quãng giữa trưa hôm sau nhà giáo đã tề chỉnh tươm tất. Ăn uống nháo nhào, còn thiết gì nữa. Từ dạo ấy, trên mặt Câu không mấy khi vắng miệng cười mồm mỉm. Lại cũng không hay đánh học trò nữa.

Anh chàng huýt sáo miệng, chum miệng huýt “huy huy”. Nhà giáo vừa chải tóc xong. Tóc đã mượt, anh còn ngả bên nọ, ngoẹo bên kia, miết nghiêng chiếc lược xuống cho tóc thực thẳng, thực bóng. Rồi anh nheo mắt. Giả cách mỉm một nụ cười tình. Chợt ngưng, quay lại. Nhưng đằng sau không có ai. Anh ngẩng lại anh. Cái đầu bóng nhoáng, bao nhiêu công phu mới chải được. Trong áo khách trắng bộp. Ngoài, áo trắng dài nguyên nếp gấp. Quần cũng mới đúng như vậy. Chân xỏ đôi guốc sơn nâu cánh rân. Tuy hai quai guốc hơi mốc, nhưng anh đã ngâm guốc xuống nước từ lúc nãy cho nó đen thẫm lại. Và, không đội mũ. Chải được cái đầu cừ thế, phải đi đầu trần cho diện. Vả lại đã sang tháng Bảy mát trời.

Bây giờ thì đủ lệ bộ rồi. Anh ngồi đợi cho đồng hồ điểm chuông mười hai giờ rưỡi. Cái đồng hồ để trong chiếc án thư mọt, khập khiễng một chân, chỗ ấy giáp cái giường tre. Dù án thư đổ, cũng không rơi được. Anh đã để cẩn thận. Cái đồng hồ như một đồ vật cần dùng và quý báu cả làng cũng chẳng ai có. Chiếc đồng hồ chằm chằm. Nó hình chữ nhật như hòn gạch chỉ mà đặt dựng đứng, có một cái quai xách. Đằng sau, hai cánh cửa khi mở nom thấy mấy móc bằng đồng vàng chóa. Bánh xe răng cưa dây cót tròn một cục. Lại lù lù một cuộn gai như vỏ gấc. Cái cuộn gai này để cho đồng hồ đánh đàn. Ngày đêm cứ mỗi nửa giờ tự động đồng hồ đánh đàn một hồi “từng từng tinh tang tàng từng tính...”. Hễ nghe thoảng tiếng đồng hồ gảy đàn, thằng Nén lại chạy đến, kê ngoặt miệng vào thành bàn, hai mắt thao láo, ngơ ngác nhìn. Nhiều lần bà Thiêm cũng đến nghe và lần nào cũng khen một câu: “Cái máy đồng hồ tài quá”.

Trong yên lặng, bỗng tiếng dây cót chạy sè sè cọt cọt. Rồi một hồi đàn đồng hồ vắng lên.

Đây, mười hai giờ rưỡi. Mười hai giờ rưỡi, chẳng gì cả, chẳng sao hết mà Câu cũng giật mình. Anh ngẩng lại một lần nữa, xem đã thực tề chỉnh chưa. Rồi đôi guốc lóc cóc, bước ra ngõ.

Nơi hẹn, đầu làng một bờ tre dài, rủ bóng xuống mặt đường. Mùa này, lá tre vàng lác đác rụng. Một bên, bãi rau muống và phía ngoài, dòng sông Lịch nhỏ bé uốn khúc chảy quanh co.

Giáo Câu tới khóm tre chỗ hẹn, đứng loanh quanh, rồi đi dạo bước một. Hai tay chấp sau lưng, như người hóng mát.

Cũng nhiều người đi chơi ngoài kia. Từng đám trẻ con mặc áo lụa tơ sống vàng khè, lưng áo in dấu son nhà chùa đỏ chóa, chạy ríu rít. Những cô con gái áo the, áo nâu non đồng lắm mới với những túm thắt lưng thiên thanh, hoa lý, hoa hiên, hoa đào, đi hóp thành từng bọn. Vẫn chưa thấy bóng Miến. Và Miến đi một mình hay là dắt thêm cháu Ném. Vì cô đã hẹn Câu. Chắc đợi nhau chỗ này cho gặp, rồi sẽ theo đường tắt sang ấp Đông. Con đường ấy vắng, có thể đi tay đôi được tự nhiên.

Từ trong lối xóm đi ra, dáng ai như cô Miến. Miến thực. Miến mặc áo vải rỗng không cài khuy, hai vạt áo trước thắt quả găng. Một tay cô dắt thằng Ném, miệng nhai trầu, phúng phính. Mặt mày hơn hỏ tươi như cái hoa.

Nhưng, cùng đi với cô, còn có hai cô bạn. Cô Khuyên và cô Lua. Cô Khuyên cũng mặc áo vải rỗng, thắt quả găng. Miến có giải yếm màu hoa đào, thắt lưng lụa bạch như Khuyên. Cô này, dù ngày Tết mà cũng hay quên, cứ mặc quần cao, hếch ống về đằng trước. Riêng cô Lua, ăn mặc hơi quê hơn hai bạn. Cô mặc áo the thâm, thắt lưng bao màu hoa lý. Ở một bên cạnh sườn, có chiếc chìa khóa đồng. Mỗi bước đi, chùm xà tích chạm nhau lách cách. Ba cô cùng đi guốc. Tiếng guốc nhộn lên như những nhịp cười ròn rã.

Lúc đi giáp mặt Câu, ba cô cùng kính cẩn chào:

— Lạy bác, bác giáo đi chơi ạ?

Nhà giáo ngượng ngịu:

— Vâng, các cô đi lễ.

Thằng Ném cũng lạy thầy, nhưng thầy không nghe tiếng. Ba cô đi khỏi. Những vạt áo bay phất phới. Nhà giáo lại bước lững thững. Một lát, một lát, lại đứng sững, ngó lại. Ba cô thấp thoáng, xa dần. Rồi nhà giáo cũng quay lại, từ từ đi theo. Nhưng ra đến đầu lũy tre, vẫn thấy ba cô và thằng cháu đi với nhau. Chẳng lẽ Câu lại theo nữa, theo sang ấp Đông. Không thể được.

Câu đứng nhìn theo hút ba người rồi chép miệng.

Câu bước xuống vệ đường, đi về phía gò cỏ hôm nọ. Ngồi đấy, bao giờ ba cô về, có thể trông thấy rõ ràng từ đằng xa. Lót hai chiếc guốc xuống cỏ, Câu ngẩn ngơ ngồi ngắm ra cánh đồng.

Chương XI

Thực tình, Miến định đi riêng, mà chỉ dắt thằng Ném, để khỏi ai chú ý. Sang tới đầu làng Thượng, Miến và Câu sẽ theo đường tắt lên ấp Đông. Rồi có vào lễ xem “thơ tiên” hay không thì định sau. Vì Miến muốn đưa cho người yêu “cái này” và muốn nói câu chuyện cần.

Nhưng mọi việc tính toán đều sai cả. Bởi vì Miến đã nói trước với ở nhà là rằm tháng Bảy đi xem “thơ tiên”. Thế là Khuyên và Lua đến rủ Miến đi. Là chị em trong xóm và cũng không biết từ chối thế nào, Miến đành cùng cháu Ném đi sang ấp Đông với hai cô bạn.

Lúc gặp Câu, Miến bắn khoăn quá. Song, chẳng lẽ dám thế nào. Câu chuyện yêu đương giấu diếm, ai biết, thì rồi âm ỉ khắp làng. Miến phải tảng lờ đi. Nàng cũng không dám quay lại xem nhà giáo đi theo hay là lủi lủi ra về. Tới lúc đi một quãng xa, mới ghé nhìn lại. Nhưng chỉ thấy bụi tre xanh xanh đầu làng Thượng. Nàng vẫn đi, nhưng trong lòng buồn buồn, thương nhà giáo mất công chờ đợi. Song cái buồn cũng chỉ thoáng qua. Những câu chuyện dí dỏm, ma mãnh của hai cô bạn làm cho Miến khuây đi. Rồi Miến lại bẻm mép chẳng kém Khuyên và Lua.

Chẳng bao chốc, đã tới ấp Đông.

Khắp cả vùng, đàn bà và con gái đồn ở ấp Đông có một cửa điện cô đồng cho thơ tiên hay lắm. Vào tháng Giêng hay là ngày Tết nhất thông thả, người rủ nhau đi xem đồng. Có khối người tận ngoài Kẽ Chợ cũng chịu khó hỏi thăm về tận nơi. Khi nào ở đây người ta nói “có người ở Kẽ Chợ cũng biết”, tất đã là một việc có tiếng tăm.

Đây cũng là một cửa điện như điện “cô” đồng Toàn bên Nha, điện “ông” đồng Mía bên Thượng. Nhưng thằng Toàn và bác Mía là những nhà đồng nghèo ít lộc, người đi lễ chỉ là những bà con loanh quanh lối xóm. Ở ấp Đông là một ông đồng, ông đồng Điều. Thánh đương cho ông đồng Điều ăn lộc, cửa điện luôn luôn có khách khứa dập dìu. Ông đồng Điều, gọi là ông, theo tên của nhà thánh, nhưng với dương gian, ông đồng là một thị mệ, đàn bà bắt đồng ông. Ngày còn trẻ, bà Điều cũng đi lang chạ, có nhiều chồng thiên hạ lắm. Đến khi đứng tuổi, không còn chồng nào, thì bà về làng nổi đồng ông. Ông đồng Điều mặc áo lụa điều, quần lĩnh hoa chanh. Cái khăn nhiễu tam giang quấn trên đầu, chõng búi tóc lên. Miệng ông đồng ăn trầu thuốc cắn chỉ cả hai môi, lúc nào cũng lại ngậm phập phèo mỗi thuốc lá quấn lầy. Ngày trước, điện đồng Điều chỉ cúng lễ xem bói bằng lá trầu không. Ít lâu nay, đồng Điều đón được một thầy bói sáng đoán số bằng thơ, gọi việc thánh là cho thơ tiên. Người ta càng năng đến lễ và xin thơ.

Ba cô gái làng Nha vào đến nhà đồng Điều đã có nhiều người đương lễ. Đồng Điều tong tả đi lại, nhai trầu bồm bẻm, nói nói, cười cười. Trên bàn thờ điện, khói hương thơm ngào ngạt. Người lễ lồm ngồm la liệt. Người đứng trong, kẻ đứng ngoài, cứ lễ lẫn vào lưng nhau.

Thấy ba cô gái đi vào, đồng Điều tất tưởi chạy ra. Các cô chào lúu nhúu, “Ông” đồng Điều nhỏ quét trầu rồi cười toe toét:

— Các cô vào lễ thánh.

Ba cô vào lễ. Các cô ngồi xuống chiếu, xếp nghiêng đầu gối, khép tà áo trước sau, rồi chắp hai tay, vái thật dẹo. Mỗi một lễ, khi cúi đầu, chống hai bàn tay xuống chiếu, mắt ngược lên lá màn điều nửa vất nửa buông. Ở trong, lấp ló một pho tượng nhỏ vàng chóa. Không biết bằng giấy trang kim hay bằng gì, chẳng ai dám trông kỹ. Lễ xong, các cô sang ngồi phản bên. Đồng Điều đã bung cơi trầu đến:

— Các cô xem quả thánh?

— Thừa vâng.

Một thằng bé chừng mười lăm, mười sáu chút khăn lượt, áo the dài, quần nâu, đi chân đất cầm quyển sổ con và cái bút chì. Đồng Điều hỏi, các cô trả lời câu gì thì biên ngay vào sổ. Thằng bé biên nhoay nhoáy, - Nó đã quen việc nhà đền nhà thánh.

- Cô nói họ, nói tên.
- Cháu họ Lê tên là Miến.
- Lê thị Miến. Bao nhiêu tuổi?
- Cháu mười chín.
- Cô cầu gì? Cầu tài, cầu duyên chứ? - Miến bẽn lễn, hai má ửng đỏ.

Thằng bé cứ biên lia lịa. Rồi đồng Điều hỏi các cô Khuyên, cô Lua cũng như hỏi Miến. Ba cô mỗi cô đưa ra năm xu tiền đặt que, rồi ngồi đợi thánh giáng thơ.

Trên điện, đèn nến nghi ngút. Bên phải cạnh chiếc mâm bằng đồng sơn đỏ bày ba nải chuối xanh, treo một dải phướn. Đầu trên, có một con chim tạc bằng gỗ, xòe hai cánh, mỏ quắp dải phướn. Trông không rõ hình thù con quạ, hay con vẹt. Người ta bảo đây là con hạc thần. Con hạc thần được buộc lưng trên xà nhà thế nào, cũng không ai trông được rõ. Vì ở đây lại có một cái mảnh màn che, khói hương, khói trầm lúc nào cũng bốc nghi ngút. Đầu dưới dải phướn cắm ngang một que hương.

Ngồi cạnh đây, một ông lão chít khăn lượt búi tóc, đeo kính, quần áo lụa điều cứ trông vào khói hương mà ê a đọc vanh vách ra thơ. Thánh giáng thơ vào que hương. Thánh sai hạc thần ngậm hương. Rồi khói hương viết ra một chữ của thánh mà người ta bảo chỉ có cái ông già bói sáng ngồi gật gù đó mới đọc được chữ thánh thôi.

Ông lão cầm từng mảnh giấy của thằng bé con đưa vào. Cứ lần lượt, ông đọc. Ông lại lấy gân cổ, cất giọng nghêu ngao như hát chèo. Ông hát xong mỗi câu, một bác đàn ông cũng khăn áo tề chỉnh ngồi ngoài nhà, hát lấy lại câu ấy. Bác này hát to tiếng gấp đôi ông lão áo lụa điều kia. Bác hát mới ghê, tiếng đã ông ổng, lại điểm thêm những “ê, a, ây, ây” hết như người kếp tuồng đương ra roi ngựa hát bài đường trường. Mọi người đều lặng yên nghe, trong khi thằng bé lại hí húi biên các câu ấy ra tờ giấy điều. Tờ giấy, đem phát cho mỗi người xem thơ.

Ba cô gái ngồi đợi đến lượt thánh giáng thơ. Ông lão đương đọc to. Bác kia cũng đương hát. Ngoài hiên, đồng Điều đương hỏi tên tuổi những người đến sau.

Chợt ông lão im bật. Có ba tiếng chuông thính lên. Đây là người ta báo hiệu khi thánh thăng. Nghĩa là trong điện ồn ào, tục tũu, thánh giận, thánh về. Cái bác ấy thôi hát, đứng lên quát:

— Các bà, các cô, ngồi im mà nghe thánh dạy. Sao lại nói chuyện bô bô lên thế!

Các bà, các cô ngồi đấy, ngơ ngác nhìn nhau. Rồi không ai dám nói nữa. Chỉ nghe ông lão đeo kính rì rầm khăn... xin thánh. Một lát, thánh lại trở về. Nghĩa là ông lão lại trông vào khói hương, đọc ra thơ. Cái bác ngồi ngoài lại hát lô lô. Thằng bé con lại chép hí hoáy. Chép xong tờ thơ của người nào, nó đưa cho người ấy. Mỗi người cúi xuống, giơ hai tay đón tờ thơ. Lại ngược lên bàn thờ, nâng tờ giấy, vái tạ ơn mấy vái.

Bỗng ông lão đeo kính nói thực to:

— Sô thơ tên Lê thị Miến.

Rồi ông cất giọng ngân nga:

— Này Lê thị Miến con ơi!

Bác ngồi ngoài hát lại:

— Này Lê thị Miến con ơi... ư...

Thằng bé cúi xuống viết, ông lão nâng cái kính trề xuống, nhìn làn khói hương, lại đọc:

— Năm nay con hai mươi tuổi trời.

Ơn trên cho được thành thời,

Này vì ơn trên cho được thành thời... í... ơ...

Cả hai người nói nhau đọc to nhiều câu nữa. Nhưng Miến và hai cô bạn, tuy nghe rõ, không hiểu người ta đọc những gì, bởi mấy cô ngượng quá. Cứ thấy người ta gọi réo tên cái cúng cơm ra, rồi lại rành rọt cả tuổi sai lung tung nữa, tuổi cô Miến lại nói tăng lên, các cô luống cuống nghe không rành. Đến lúc ra về, trên mái tóc mỗi cô gài một tờ giấy thơ gấp lại.

Về tới giữa cánh đồng vắng, ba cô cùng bảo thằng Ném đọc lại tờ thơ tiên cho các cô nghe. Trên bãi

cỏ, thẳng Ném ngồi giữa, ba cô xúm quanh. Chữ viết ngòeng ngoèo lèm nhèm lên tờ giấy hồng điều, nhưng Ném cũng đọc được rành. Tờ thơ của dì Miến rằng:

Này Lê thị Miến con ơi!

Năm nay con hai mươi tuổi trời.

Ơn trên cho được thành thời.

Làm ăn thông thả một đời hiền vinh.

Sang năm thì gặp quý nhân.

Đi trồng cây phúc, trời gần không xa.

Rồi Ném đọc hai tờ của Khuyên và Lua. Cũng na ná như vậy. Ba có ngồi đoán lẫn cho nhau.

— Chị Khuyên thì thánh dạy sang năm lấy chồng.

— Cái Lua cũng thế.

— Cái Miến này là sướng nhất. Một đời hiền vinh. Làm ăn thông thả. À, sang năm lại gặp quý nhân.

Chắc cũng lấy chồng nốt, ba đứa lấy chồng một hôm.

— Lấy chồng thì chỉ mua cái khố, ích gì!

— Này các cô ạ. Cái câu của cái Miến, nói lạy thánh, hợp quá. Đi trồng cây phúc, trời gần không xa.

Câu này ứng vào chỗ cái Miến sắp được ra Kẻ Chợ trông nhà cho bác Sủi nhà. Bác ấy ở cũ, mà đi trông nhà, là đi trồng cây phúc đấy.

— Thơ thánh nhỉ? Hôm nào chị Miến ra Kẻ Chợ?

— Ngày kia.

— Hôm nào về nhớ mua quà. Mà nhớ công cả anh nhân tình công tử bột Kẻ Chợ về cho chúng tớ xem mặt.

Miến phát vào lưng cô Lua:

— Chỉ được cái tán nhảm. Mà tờ thơ của tớ sai tuổi, không đúng rồi. Về thôi!

Ba cô tất tả về. Vừa đi vừa ríu rít nói chuyện thơ tiên, chuyện Kẻ Chợ và những chuyện trêu chọc nhảm nhí râm ran. Cu Ném bấu tay dì Miến nhếch nhái chạy theo.

Về đến gần đầu làng, sắp tới lũy tre, cô Khuyên trông ra phía gò ngoài đầu bãi bên dòng sông thấp thoáng bóng người mặc áo trắng.

— Ai như nhà giáo Câu?

Rồi Khuyên ghéch nhìn lại:

— Áo trắng dài là đích giáo Câu rồi.

— Sao chịu khó đợi ai thế nhỉ? Dáng ngồi đấy từ lúc chúng mình đi?

Lua nói:

— Anh ả có tính dờ người rồi.

Miến không nói gì, đôi mắt đăm đăm. Nhưng nghe hai cô bạn nói pha, Miến cũng cười nói góp:

— Dờ người thì cũng mặc người ta. Có bận đến cô nào không đấy?

Chương XII

Mãi tới lúc xâm xẩm, giáo Câu mới lúi thủi về đến nhà. Không biết làm gì, anh ra ngoài vườn, xem đàn gà lên chuồng.

Buổi chiều mùa thu, mặt trời đã khuất vào những làn mây mờ mờ từ lúc xế trưa. Bây giờ bóng tối đến dần dà, chiều và tối lẫn vào nhau, rồi không biết nhá nhem từ lúc nào. Độ quảng chàng vạng đỏ, gà nháo nhác tìm chuồng. Cái chuồng đan bằng tre, có mái rơm và bốn chân cao lênh khênh, đứng ở góc vườn, bên một cây khế còm.

Từ ban nãy, hai gà trống và một chị mái tơ đã nhảy lên, chui vào trong cửa. Một mẹ gà mái ấp, lên chuồng rồi còn thò mỏ ra kêu cục cục rầm rĩ gọi đàn con. Đàn gà nhép còn đứng dưới, líp nhíp cục cục gọi nhau lạo xạo.

Giáo Câu đã chịu khó đan cái cầu tre, uốn cầu vòng từ mặt đất lên lỗ cửa. Nhưng chẳng chú gà nào chịu leo. Chúng chỉ định nhảy, định bay. Bay lạch đạch, lạt sạt cánh, ngã huych xuống. Lại kêu, lại bay nữa. Mẹ đứng trên, càng kêu cục cục to hơn lên. Mãi sau, hai con men leo lên cầu, tự nhiên vào cửa tổ, chui tọt vào. Mấy con kia, loanh quanh chạy vài vòng, rồi cũng lên được. Chỉ còn một chú vẩn ngơ ngác đứng dưới.

Nhà giáo vờn con gà nhỏ, muốn bắt nó lên chuồng. Nhưng dòn, nó chạy. Nó chạy luẩn quẩn. Rồi nó chạy vào cầu, leo cuống quýt. Tình cờ, lọt vào cửa chuồng, rúc ngay dưới bụng mẹ. Mẹ chúng nằm ủ lũ con, chốc lại kêu lục cục, như mắng mỏ, như dỗ dành.

Nhà giáo gài chéo cái que chắn cửa. Ở trong, lũ gà con đụng nhau, kêu lích tích, nhép nhép, cứ riu rít như thê suốt đêm dưới bụng mẹ.

Nhà giáo đứng ngẩn, nghe ngóng vu vơ những tiếng gà kêu. Có tiếng chân bước lạt xạt đằng sau. Quay lại, thằng Ném đương lùi lũi ra. Nhà giáo cũng không để ý. Ném đến nói ấp úng:

— Thưa thầy...

— Gì?

— Thưa thầy, dì cháu gửi thầy cái này.

Nó đưa giáo Câu bọc giấy bằng cái phong thuốc Lào. Ném lại nói:

— Dì cháu bảo ngày kia dì cháu xuống Kẻ Chợ.

— Thế hả?

— Dì cháu xuống chơi với bá Sủi. Bá Sủi đẻ.

— Thế hả?

— Dì cháu bảo dì cháu ở dưới ấy lâu một tháng.

— Một tháng à?

— Vâng.

Nhà giáo không nói gì nữa. Mà thằng Ném cũng hết câu nói khoe về dì nó. Nó chạy ra ngã ba nô đùa với trẻ trong xóm. Đêm nay rằm sáng trăng.

Giáo Câu mở cái bọc giấy. Một sợi chỉ se bằng mấy dặm tơ vàng buộc ngang dọc bốn góc. Tờ giấy mở ra. Nhà giáo thấy một cái khăn mùi xoa trắng và một lọ nước hoa bọc giữa chiếc khăn. Khăn mùi xoa bằng vải trúc bâu trắng, rộng độ vừa hai bàn tay. Đưa lên mũi, thoảng trong khăn có mùi vải mới và nước hoa thơm thơm. Lọ nước hoa xinh xinh bằng hai ngón tay chụm lại. Màu nước vàng, ngoài lọ, dán mảnh giấy trang kim óng ánh. Cầm trong tay mấy thứ người yêu tặng, Câu bâng khuâng, chờ đợi cả người, quên cả chuyện Miến sắp ra Kẻ Chợ. Mãi, mới nghĩ thầm được một câu:

— À, nước hoa, khăn mặt tặng nhau.

Tôi ấy, giáo Câu đi nằm sớm. Anh mang cả cái khăn mặt và lọ nước hoa vào màn. Mân mê, xem mãi không biết chán... Rồi anh để lọ nước hoa trên ngực. Cái khăn mùi xoa thì đắp kín lên mặt. Giáo Câu

nằm lơ mơ. Cứ thế ngủ quên lúc nào, không biết.

Nhưng rồi hôm nào Miến xuống Kẻ Chợ, Câu cũng không biết. Bởi Câu cũng chẳng nhớ hôm nào là “hôm kia” nữa, mà đã mấy hôm kia rồi. Đến khi lâu lâu chẳng thấy Miến đi chợ qua, Câu mới giật mình.

Lại đâm ra hoảng hốt.

Một hôm, Câu đi ra Kẻ Chợ.

Một chuyến tàu điện, chẳng bao lâu đã xuống đến Bồ Hồ. Người đi tới tấp. Người đi lữ lượt. Người từng đàn dài lao nhao, ve ve như mắc cửi. Ngược lại xuôi, xuôi lại ngược. Đông ghềnh những người, ở những ngõ ngách nào mà tuôn ra nhiều người lắm thế này. Đôi chốc, từ đằng xa, đoàn tàu điện kéo đến. Chuông keng keng, máy âm âm đình tai. Người ngồi trên toa tàu thò cổ ra, nhìn hai bên phố phường. Người ta bảo đất Kẻ Chợ quanh năm như hội, đúng thực.

Trưa hôm ấy, bác hương sư làng Nha đi lẫn vào những đám người qua lại quãng Hàng Ngang, Hàng Đào, trông ra bốn bên hàng phố và nghĩ ngợi lẫn vẩn ngẩn như thế.

Từ hôm Miến ra Kẻ Chợ, đã là mấy mươi ngày rồi. Nghĩ mãi vẫn rối tung chẳng ra thế nào. Độ nọ, mấy tháng liền giận dỗi nhau mà không sót ruột mảy. Sao bây giờ anh bỗng chồn thế. Chẳng muốn nhớ rõ ràng ra nữa. Chỉ biết toàn những nhớ, những vui, những giận chồng chất một mình.

Mỗi chiều, ăn cơm xong, Câu ngồi nhìn mặt trời khuất xuống sau bờ tre, lại nhớ. Giáo Câu cũng chỉ qua Hà Nội có một lần ở quê lên. Trong trí nhớ của nhà giáo, cái chợ Đồng Xuân, tường thùng lỗ chỗ như tổ ong. Con gái ăn mặc quần áo tân thời, má phấn môi son ngồi sau cái tủ kính. Rồi đến một cái hồ nước xanh như nước luộc rau muống. Cái cầu gỗ đỏ đỏ uốn lưng cong. Lại nữa, Hà Nội bao nhiêu là trai thanh gái lịch. Người ta bảo lắm cô mặc quần trắng áo màu lịch sự lại đi móc túi làm kẻ cắp. Công tử bảnh bao thế kia mà đi cướp giật đây. Cái đất phồn hoa này nó nhớ nhăng thế. Song cũng chỉ là nghe người ta nói...

Nhà chú Sủi ở phố nào, Câu cũng không biết. Í tứ hỏi khéo bà Thiêm mấy lần, Câu mới biết được nhà của chị của Miến ở phố Mã Mây. Đi đằng Hàng Đào lại thì về bên tay trái. Ngoài cửa có cái tủ kính, bày mấy thứ bánh kháo, ấy là bà Thiêm nghe chuyện nhiều thì nhớ thế, bà Thiêm cũng chưa đến nhà vợ chồng chú Sủi bao giờ. Câu thì nhớ thế đã là định ninh đến nơi được, rồi chàng quyết ra Hà Nội.

Đi gặp người yêu cũng có khác, nhà giáo diện lắm. Cái mũ đánh phấn trưa hôm qua. Đôi giày đế kép vải trắng cũng được đánh mới. Tám quần vải ta gói đầu giường nếp cứng chẳng kém giặt là. Nhà giáo mặc áo the khuy xương trắng. Áo mới đấy, chẳng mấy khi mặc. Và giáo Câu lại đã chịu sang bên Thượng, mượn giáo Răng cái kính râm gọng trắng, mắt xanh. “Đeo cái kính râm này đi, mới là hơi đá lỏi ăn chơi. Hừ!”.

Bây giờ thì giáo Câu đương đi giữa phố Hàng Đào. Nhưng cái kính xanh, gọng trắng đã phải cất vào túi. Nhà giáo cũng muốn đeo nhưng đeo kính ấy, trông cái gì cũng ra màu xanh lơ. Mà ngộ nhớ phải thẳng du côn nó giựt mắt thì chết, kính để trên mắt thì nó cướp dễ quá.

Nhà giáo sợ. Nhà giáo bước thong thả, rình hỏi đường. Phải rình, vì hỏi ai cũng ngại. Câu định tâm hỏi cậu bé nào mặt mũi nhẹ nhõm, có vẻ học trò. Vả lại, hỏi thăm trẻ con, thì chắc là không ngượng. Một bọn mấy cậu bé vừa đi qua. Câu hỏi ghé một đứa đi sau.

— Tôi hỏi thăm phố Mã Mây?

— Ông đi ra chỗ phố Hàng Bạc kia kìa.

Theo lời tay chỉ, Câu ra phố Hàng Bạc. Nhưng cái biển phố đề toàn chữ Tây, chẳng biết có phải Hàng Bạc không. Lại một lần hỏi nữa, mới tới được đầu phố Mã Mây. Nhớ rồi. Đi từ đằng này đến, thì về phía bên tay trái. Ngoài cửa, cái tủ kính bày bánh kháo, chiếc tủ bày phong bánh kháo.

A, có lẽ kia. Đúng rồi. Thôi, đích rồi. Lỗ cửa hẹp. Một cái hòm sơn xanh, ba mặt kính thè lè ra ngoài. Trong hòm, có mấy phong bánh kháo. Trên nóc, một dây lọ thủy tinh đựng kẹo lạc kẹo sùu.

Câu đứng lại. Anh xúc cái cổ áo. Anh dặng hắng một tiếng lấy hơi. Anh quả quyết, đi qua. Và nhìn

vào trong nhà. Chao ôi! Vừa hay, cô Miên ngồi ngay đây. Nhưng cô quay mặt vào trong, cô không trông thấy Câu. Cô đang đùa với hai thằng bé con. Chắc là con bác Sủi. Chúng nó mặc quần áo Tàu, trông người béo tròn như cái hạt mít. Chúng dám trộm đi Miên một cái rồi chạy vào nhà trong, vừa chạy vừa cười ồn ả.

Anh đã đi qua. Anh đứng lại, thở phì phò như chạy một quãng. Anh xồn xang cảm động. Lâu quá bây giờ mới lại được trông thấy mặt nhau. Anh đứng đằng xa, trân trân nhìn lại cái cửa hiệu bánh, mà chưa nghĩ đến sự lộn trở lại. Anh khoan khoái. Anh lại nghĩ: “Đã ra đến đây, đứng lẩn vẩn thế này, lại dám ra ngại”. Ý đó giúp anh bước mạnh dạn. Anh lại đi sát vào tủ kính, toan ho một tiếng.

Miên đã trông thấy Câu, Miên mỉm cười. Câu thì cười ngớ ngàng. Rồi Câu lững thững đi ra đứng đầu phố, đợi. Một lát, Câu thấy Miên ra cửa, đứng cạnh cái tủ bánh, nhìn ngược lên. Nàng tìm Câu. Đứng đằng này, Câu cười. Miên quay vào, rồi trở ra, đi về phía Câu.

Ra Kê Chợ có khác, Miên mặc áo dài - tấm áo the nâu cài khuy - lẹp kẹp đôi guốc.

— Cậu xuống bao giờ thế?

— Vừa đến đây.

— Làm thế nào biết được nhà?

— Biết đường thì biết nhà, ở đâu mà chẳng tìm được. Ai lại đi lâu thế!

— Còn phải ở lâu nữa.

— Sao thế?

— Chị ở cử, rồi ốm. Không ai trông hàng. Đây, cứ phải ngồi nhòm nhòm một mình cả ngày.

— Đi chơi một tí được không?

— Ai trông hàng cho mà đi. Cậu ở đây cả ngày chứ?

— Hôm nay chủ nhật được nghỉ.

— Thế độ bốn giờ cậu lại. May ra đi được. Chết, đứng lâu quá. Bốn giờ nhé!

Chương XIII

Câu còn chưa kịp đáp, Miến đã vội vã chạy về. Đến cửa, nàng quay lại, cười. Câu cũng cười ngơ ngẩn. Rồi anh đi lên phố Hàng Đào. Trong đầu, nghĩ ngợi loăng quăng. Chẳng lẽ đã công trình ra tận đây, lại không được đi với Miến hay sao. Câu nhớ mãi cái bóng trắng chiều hôm xưa. Đến bây giờ, chốc nữa. Chốc nữa, Câu lại sắp đi với Miến một buổi chiều tương tự. Mà chiều nay, được đi với nhau giữa phố phường chẳng có ai quen thuộc. Câu về thế nào được! Trời, Câu về làm sao được!

Câu vào một hiệu phở phố Cầu Gỗ bên bến tàu điện Hà Đông.

Câu xuống Bờ Hồ, lên đứng hóng mát trên cầu. Anh bỏ mũ. Gió thổi lồng lộng vào trong tóc. Mới vào quãng hơn một giờ. Anh chàng đi quanh sang bên kia hồ, tìm một cái ghế. Anh ngồi lâu lắm, Câu đi nhòm những cửa hàng có đồng hồ mãi mới thấy chiếc kim ngắn xế bên con số bốn. Gần bốn giờ!

Câu đi lên phố, dạo qua. Miến nhìn ngay thấy Câu và Miến cười. Câu ra đứng đợi trên đầu phố, hí hửng. Miến đến, bảo:

— Một lát nữa nhá. Tôi đang giở tay.

Nàng lại chạy nháo về. Không kịp hỏi xem Miến giở tay làm gì. Lại một lúc nữa. Nhưng một lúc phỗng chừng cũng chiều chiều rồi.

Rồi chiều đã ra ý xuống, hơi tối. Phố xá nhuộm vẻ huyền ảo hoàng hôn. Một chút nắng nhọt nhạt trên đầu những mảnh tường. Nhưng tất cả đều ẩn một dáng vội vã, hối hả trước lúc lên đèn. Câu vẫn đứng yên.

“Một lúc nữa” lâu quá. Câu ngóng về phía cửa. Vừa lúc Miến tắt tả đi ra.

— Khổ quá. Cậu chờ tí nữa vậy. Tôi phải dọn cơm cho chị ấy ăn. Gái đẻ cơm khem, phải ăn riêng mà.

Lại đợi. Lúc đầu cũng không sốt ruột mấy. Vì Miến đã vừa ra. Câu thoáng thấy má nàng trắng trắng, hồng hồng “A, học một tăn thời. Bôi kem, đánh phấn!”. Những ngọn đèn điện ngoài đường đã bùng lên. Đường phố ra một vẻ mặt khác.

Bây giờ tay đôi đã đi song song ngoài phố. Miến nói cho Câu nghe về sự chậm trễ:

— Dọn cơm cho chị ấy xong, phải cho cháu ăn. Thế là đến bữa rồi, tôi cũng phải ăn nhân thể. Nhà đông người, những ba thợ làm bánh nhà chú Sủi. Ăn xong lại dọn hàng, đóng cửa. Mọi khi mở khuya nửa đấy. Tôi nói dối đi có việc đằng này một máy. Chết, tôi thế này thì rồi cậu về Nha làm sao?

— Tôi ngủ dưới này.

— Ngủ nhà ai?

— Bạn.

— Cậu...

— Ăn cái này.

Câu nhìn xuống. Từ nãy, Câu vẫn thấy Miến thu thu cái gói trong bọc áo. Cô Miến có gói kẹo lạc. Nàng lấy trong lọ đi một ít. Cho người yêu ném cái quà Kẻ Chợ!

Miến khoe:

— Tôi ăn các thứ này cả ngày. Ăn nhiều đến phát ngấy. Cậu cầm lấy, bỏ vào túi ăn dần.

Phố Hàng Đào, Hàng Ngang sáng choang đủ thứ màu xanh đỏ. Ban đêm, quang cảnh khác hẳn. Những tủ kính bày hàng lồng ánh điện như động tiên.

Miến bảo:

— Đi chơi tối ở đây cũng vui bằng mấy đi xem hội to nhất vùng ta. Tôi mới có mấy chị em bạn, Tôi hay rủ nhau đi chơi đây.

— Con gái mà cũng đi chơi tối à?

— Ở tỉnh thành phải thế chứ. Tối mà sùm sụp cái mũ trắng như cậu là cổ hủ đấy.

Câu ngưng, muốn rút ngay cái mũ đi. Anh im, không đáp. Và anh nhìn Miên. Ở tỉnh thành phải thế. Nó quen chứ. Phải, Miên đã ra đây dễ thương đã được một tháng - trước Miên cũng ra luôn, nhưng chưa chuyến nào ở lâu - chuyến này Miên đã khéo học đôi lối phường phố. Cái áo the nâu đóng kín khuy ngực, áo dài cài khuy. Khăn vấn lẫn và đầu ngôi rẽ lệch. Rồi má xoa phấn, môi thì bôi son. Có lẽ bóng tối Câu chưa trông thấy, nhưng Câu đoán thế. Lại ăn nói cũng mới mẻ ghê.

— Ta đi dạo một vòng bờ hồ.

Câu trông người ta đi tay đôi tự nhiên như không.

— Cậu có chuyện gì nói thì nói đi.

Câu chẳng có chuyện gì để nói. Hay chỉ là những chuyện vắn vơ. Mấy bữa nay trời bà Thiêm đau lưng không quay được tơ. Thằng Nêm ngày nào cũng mong dì Miên chóng đem quà Kẽ Chợ về. Hôm phiên tơ, nhà giáo gặp cô Khuyên, cô Lua đi chợ.

Hai người bước vào lối cỏ ven hồ. Lúc Câu cũng muốn cầm tay Miên. Nhưng đường cái cứ chỗ tối, chỗ sáng, anh lại không dám. Mỗi lần gặp những tay đôi dắt tay nhau thản nhiên, nhưng anh vẫn thấy mình ngưng. Nghĩa là Câu ta khù khờ, lại nói rất những chuyện chấp nôi vu vơ. Dưới hồ, sóng nước óng ánh sáng. Phía bên kia, đèn các phố chỉ chít hơn sao sa. Chẳng mấy chốc, vui chân đã đi được mấy vòng hồ rồi không biết.

— Khuya đấy. Tôi về nhé.

— Mới tám giờ chứ mấy?

— Tám giờ ? Hai mươi giấc tốt, hăm một nửa đêm, hăm một thì trăng mới lên cao thế kia. Mười một giờ là ít.

Trên nóc phố, lơ lửng ông trăng vàng rượi, to như chiếc chiêng đồng. Phía dưới, những hình mái nhà nhấp nhô đen xám cắt thành những nét gãy lên nền trời dát li ti trên mái nhà, không ai để ý. Chợt nhớ ông trăng hôm nào, Câu nói:

— Miên nhỉ, ông trăng ở đây không sáng.

— Đèn điện của người ta sáng gấp nghìn ông trăng ấy chứ. Đêm nào chả thế. Thôi cậu về đi. Chết, mai kịp dạy không?

— Chẳng cần. Tôi đưa Miên về rồi tôi về cũng được.

Đường phố vắng. Ánh đèn đỏ đồng đọc ở gần những chiếc xe kéo, xa gần như những con đom đóm bay. Thỉnh thoảng, trong góc phố vang lên câu rao hàng đêm lạ tai. Về đến cửa, Miên cầm tay Câu, hai mắt long lanh:

— Cậu về nhé.

Rồi nàng gọi cửa. Câu quay đi, sang đứng khuất dưới cột đèn điện bên bờ hè. Cửa mở. Một chú khách, đầu tròn như quả dừa, cời trần trụi trọc, thò cổ ra. Không biết có phải chú Sủi chồng của chị Miên đấy không. Chú to béo như ông hộ pháp. Hai cái vú xị xuống như đôi vú người đàn bà nạ dòng. Cảnh cửa hé, Miên lọt vào. Chú khách giơ bàn tay hộ pháp khép cái cánh gỗ lại.

Câu chưng hửng, đi về.

Nhưng về đâu bây giờ? Lúc này, nói với khuếch khoác cho xong chuyện đây thôi. Cũng như Câu chưa nói được với Miên chuyện gì vào chuyện gì. Bao giờ cũng thế, nghĩ lại, anh lại tiếc rẻ như còn những chuyện gì mà chưa nói nốt. Rồi đi một mình, anh lại nhớ ra bao nhiêu chuyện mà lúc này quên.

Nhưng Câu buồn buồn, buồn từ lúc trông thấy chú khách Sủi ra mở cửa. Không hiểu tại sao, khi yêu nhau, những ý nghĩ về nhau, biến đổi nhanh chóng. Tâm sự vui, buồn mong manh như sợi tơ rớt.

Đêm đã về khuya. Đêm tháng tám, có sương muối. Hai vai áo the của Câu đã ẩm, lạnh ngắt. Không nghĩ, anh cứ đi. Từ giờ đến mai, bao giờ về đến Nha thì về.

Một mình một bóng lủi thui. Trên đầu, có ông trăng đi theo.

Chương XIV

— **N**hà ai đám thứ gì mà đốt bánh pháo dài thế?

— Cưới con gái ông chánh Đặng.

— Lấy ai?

— Lấy cái nhà giáo Răng.

— À...

— Khéo không có mà nó đã có một mớ vợ ở nơi khác rồi.

— Chẳng lo con bò trắng răng!

— Dáng hăn đôi bên cũng có thể nào rồi.

— Hình như có thể. Anh ả chị ả, tay đôi đã dan díu từ lâu, khiếp lắm.

— Thời buổi bây giờ con gái đoảng cả.

Rồi người ta bàn tán lan man về con gái thời bây giờ. Những câu chuyện vặt, chuyện đi đường của mấy người vùng ấy, khi đi qua ngoài lũy tre làng Thượng, nghe tiếng pháo nổ râm ran trong làng. Hôm ấy, cưới cô Tổ con gái ông chánh Đặng. Đúng như lời thiên hạ nhỏ to. Cô Tổ lấy thầy giáo Răng. Ông bà chánh Đặng lo lắng ngay cho vui vẻ cả. Ai cũng biết chuyện ra sao rồi. Người ta gọi là cưới che mắt thế gian. Bơ vợ, sướng cái anh giáo Răng!

Từ ngày đến Yên Thượng, Răng trọ ngay ở nhà ông chánh Đặng. Ông chánh cũng coi là thường. Nhưng ông chánh đã vụng tính. Ông có con gái lớn, cho người lạ ở khác nào cho rơm gần mỗi lửa. Giáo Răng ở nhà ông chánh. Thôi thì bao nhiêu sổ sách, đơn từ, giấy má, bài bỏ ông chánh đều giao cho thầy giáo đỡ được công việc. Ông chánh không tính đến, anh chàng Răng bẻm mép, cô Tổ lẩn lóc ngay. Có một lần kia, ông chánh bắt được đêm hôm rõ ràng thế nào ấy. Ông chánh toan đuổi Răng đi. Nhưng chưa đuổi, Răng đã dùng dùng đi ngay. Cô Tổ lẩn ra khăn gói theo. Ông biết thế là ông đã tóm phải con dao đằng lưỡi. Ông thu xếp, điều đình với Răng. Ông cho không Răng cô con gái.

Ông nói với mọi người:

— Tôi cho thầy ấy một đứa con gái đấy. Tìm được rẻ hiền là phúc. Tôi chỉ cầu người hiền thôi.

Nhiều người khen ông chánh về chỗ ông thẳng tính. Nhưng nhiều người bảo ông sợ nhọ mặt, phải làm ra trò về ấy.

Đám cưới linh đình. Ăn uống rả rích mấy ngày. Hôm nay, chú rể Răng mời khách chú rể. Tất cả những ông hương sư ở trong vùng. Và giáo Răng ra Kẻ Chợ mời cả chục bè bạn. Một dãy xe kéo ở trên tỉnh, trên phú đồ sắp hàng ở cổng làng. Chưa bao giờ có nhiều xe kéo vào đậu trước cổng cái của làng như thế. Bà con làng nước lũ lượt đến làm giúp, ăn cỗ rông rã, lại đánh tổ tôm, xóc đĩa cả đêm.

Khách khứa xa gần đủ cả, dù ai cũng chửi vụng ông chánh đủ điều:

— Cái lão ăn tơ ỉa tóc. Phải một miếng thế này, đứt từng khúc ruột. Vứt đi hàng trăm bạc, chứ chẳng chơi.

— Hai cái lông mày con Tổ dựng ngược lên rồi.

— Chỉ ba bốn tháng nữa thì nằm ỏ thôi.

Giáo Câu cũng đi ăn cỗ. Chẳng quen thuộc ai, ăn xong anh về ngay. Điệu bộ một ông khách vừa ở đám ra. Mặt đỏ gay như mặt gà chọi. Áo the, tụt trễ một khuy cổ. Cái khăn xếp không đội lên đầu, mà lại trông lọng vào một bên cánh tay. Nhấp có lưng chén mà đã choáng váng. Nhà giáo này tửu lượng xoàng.

Về nhà, Câu nằm dài xuống phản, không kịp cởi áo. Anh nghĩ vẫn vợ về tay giáo Răng. Anh cho là giáo Răng đã gặp được bước may. Phải, Răng may thực Câu đương tưởng tượng cái cảnh của Răng là Câu, là Miến. Chao ơi!

Cơ khổ, đường tình của Câu lận đận làm sao. Miến vẫn chưa ở ngoài Kẻ Chợ về. Cũng không biết

rồi ra thế nào.

Câu cũng chưa ra phổ thêm được lần nào. Câu đương để dành tiền. Chàng muốn hôm nào ra Kê Chợ chụp một cái ảnh. Để tặng Miến. Và để đổi lại với chiếc mùi xoa, lọ nước hoa của Miến đã cho.

Trong khi ấy Miến vẫn nần nã ở ngoài phố, Câu tự dưng nóng ruột quá. Câu chẳng muốn Miến ở Kê Chợ. Câu nhớ đến cái đêm đi ở bờ hồ, Câu đội cái mũ trắng, Miến bảo cái mũ trắng hủ lậu. Câu lại buồn thiu.

Một hôm, Câu đương đứng trong lớp, nhận được một lá thư ở nhà dây thép trên phủ gửi xuống. Bóc xem, là thư của Kền ngoài Uông gửi về.

“Uông Bí le 30 Mars 193...”

Ngô huynh ơi!

Từ ngày tôi rời Yên Thượng, hôm nay mới có thư về ngô huynh. Chắc nhiều khi ngô huynh đã nghĩ trách tôi. Nhưng thực không phải tôi cố ý. Chỉ vì tôi muốn giữ gìn cho ngô huynh đây. Để bao giờ anh em ta gặp nhau, tôi sẽ nói chuyện để ngô huynh biết rõ ràng.

Ngô huynh ơi! Người ta ở đời, cũng nhiều bước gian truân, mà cũng nhiều phen sóng gió. Nghĩ như cái ngày anh em ta sum họp thì ai đâu ngờ rằng rồi sẽ có khi phải bó buộc chia tay không một lời từ biệt. Tôi tuy ở xa, nhưng cũng được biết Hoạch không còn tại đây. Thế là chỉ còn có một mình ngô huynh ở lại. Than ôi! Kền tôi đã vắng, ai người nói câu tâm sự, Hoạch cũng đi rồi, bạn đâu còn khách tri âm.

Lại nói từ ngày tôi ra đi. Tôi xuống dưới này nhờ người quen xin được vào sở mỏ làm. Thế là nghiễm nhiên đã thay nghề gõ đầu trẻ ra nghề bút chì lọ mực chép sổ. Lương lậu thì được khá hơn cái ngày ở Yên Thượng. Thế mới hay, có ra đến ngoài, mới biết cái cánh anh em ta thiếu thốn nghèo đói quá. Thế mà... Nhưng thôi nói không tiện. Lại để khi nào gặp ngô huynh, sẽ nói chuyện nhiều cùng ngô huynh.

Ngô huynh ơi! Chẳng hay từ bấy đến giờ, cận trạng của ngô huynh ra sao? Ngô huynh trả lời cho tôi mấy câu tường tận. Tôi mong. Phần tôi, sức khỏe vẫn như thường.

Kính ngô huynh khang an.

Kền bái"

Trống tan học.

Trẻ con trường này, chỉ được cái đánh trống là thạo nhất hạng. Bởi chúng đã ham tập luyện mỗi dịp làng vào đám. Thòm... thòm... Từng tiếng... từng tiếng. Cái đầu dùi nện bâng bâng trên mặt trống, nhịp nhàng. Không ai để ý cái trống vô tình mà những trống tan học vào học, trống ra chơi còn để báo hiệu cho mọi nhà trong xóm biết hiệu mà ra khung cửi, mà sắp cơm nguội nước rau luộc - bữa thợ ăn buổi tối trước khi dệt cửi lên đèn.

Hồi trống vừa dứt, học trò nhao nhao chào thầy. Rồi ôm sách lên ngực, chúng chen, huých nhau, chạy ào ào, hỗn độn lú lút như một đàn vịt. Chúng tản vào các ngõ xóm. Trong nháy mắt sân trường vắng tanh. Chỉ còn sót lại mấy mảnh nắng chéch trên gò cỏ ấu non rươi. Thầy giáo Câu đương cầm trong tay cái thư của thầy giáo Kền. Câu đương nghĩ ngợi nhiều lắm, chỉ có một mình thầy giáo Câu.

Tháng Hai năm ấy, làng Nha mở hội. Thực ra chỉ là hội lệ như mọi năm.

Hàng năm tháng Hai, vẫn vào đám. Thịt một con bò làm việc làng. Rồi năm nào phong lưu thì gọi phường về chèo hát ngoài sân đình. Bằng không, chỉ có nhà tơ hát hầu thánh hát cửa đình.

Năm nay, làng vừa trừ tiền đảo lại lớp ngôi nóc. Mua thêm ít ngôi mới vào. Vừa xong các việc, vào dịp đám tháng Hai... Cũng vào đám như thường lệ, nhưng to hơn một chút gọi là làng Nha hội khánh thành đình.

Làng mượn phường chèo hát cả hai buổi, buổi ngày buổi tối. Và có thêm mấy trò nữa. Còn đấu võ tây, võ ta việc đấu võ, làng nhờ ông giáo Răng bên Thượng. Giáo Răng thích mê, được dịp khoe tài cho các làng xem. Nhưng ông chánh Đặng lại không bằng lòng. Bởi ông không ưa mấy ông hương hội bên Nha. Lại bởi sang năm làng Thượng cũng có hội khánh thành cái tam quan. Ông muốn chàng rể lập

đài đầu võ bên làng Thượng trước.

Việc đầu võ làng Nha không thành, song chỉ riêng cả ngày cả tối chèo hát, hội làng Nha cũng đã vui chán. Nô nức các nơi kéo đến xem. Trong làng, khung cửi nào cũng nghỉ. Ăn uống vui chơi như ngày Tết Cả. Trường học cũng được nghỉ cả một tuần.

Đám hội đương đông.

Trong đình các cụ vừa vào cuộc lễ giữa đám tế. Lố nhố những tấm áo thụng xanh đã bạc phếch. Áo thụng xanh mặc còn khá, còn những cụ chỉ mặc manh áo the vá, chân đi đôi guốc đẽo bằng gộc tre. Không sao. Đủ lễ lạt là được.

Hương... bái... Quán tẩy sở... Tiếng hô rầm rĩ lẫn tiếng trống lùng tùng, tiếng kèn toe toe. Nhưng chỉ có mấy ông đứng tuổi, sắp vào hàng lên linh lên lão cùng mấy anh trai làng, chịu khó đứng xem. Ý để học cái lễ lối tế lễ của các cụ để sau này còn noi theo. Bao nhiêu người đổ xô cả ra sân.

Ngoài sân, phường chèo đương diễn ban ngày. Rạp chèo dựng ở cuối sân, cạnh góc đa. Bốn chiếc cọc tre cao, đóng bốn góc như cái chuồng lợn. Bên trên, che ba lá cốt. Ở tầng giữa, gióng tre, gióng gỗ bắc khít nhau, kê thành một tấm ván rộng, dưới gầm, trẻ con như chuột chui qua dễ dàng. Sân khấu cũng chia làm đôi có một sợi thừng căng ngang. Trên thừng, vắt một mớ quần áo xanh đỏ lấm láp đã cũ của phường.

Dưới kia, đông ghê người lên. Trẻ con thì không thể lên chân. Người lớn đứng ngẩng mặt. Nhiều anh tinh quái, leo lên cây nhãn, ngồi chòm chòm trên hai bên cột trụ và bức tường hoa. Tiếng ồn ào la hét, tiếng chửi bới và trẻ con khóc át cả tiếng hát trên rạp. Tuy vậy, người ta vẫn mê mải. Hàng năm mới được ngày thông thả, lại có chèo hát, tội gì mà chẳng ra xem.

Trên sân khấu, cũng lố nhố những người. Ở bốn bên, mỗi cột có một thằng oắt con, ngồi châu hẫu. Chúng đã leo lên đấy để xem cho được thực gần. Và mé bên tay trái một dàn đàn sáo trống con, trống com, đàn, nhị...

Tuy là cả phường, mỗi người mỗi việc, nhưng những anh đánh trống, kéo nhị cũng hát theo với các người ra vai.

Những anh đánh trống, kéo nhị cũng hát ồm ồm hát láy lại nửa câu. Sân khấu hẹp chỉ bằng chiếc chiếu. Đào kép trong buồng trò ra, chui qua mấy tấm áo xanh đỏ chằng trên chiếc thừng, đứng nháp nhẩm.

Bấy giờ đương diễn trò Kiều. Cảnh này là cảnh cô Kiều nằm mơ thấy nàng Đạm Tiên hiện lên cùng đi thanh minh tảo mộ với chị em Kiều ban ngày. Hiện đương là ban ngày, nhưng người ta giả cách là đương đêm. Cô Kiều mặc áo the ngồi trên cái hòm gỗ, một tay cầm quạt che mặt. Cô đương ngủ. Chợt từ trong buồng trò, một người trùm cái áo lụa điều lên đầu, ra chạy quanh một vòng rồi lại chệnh choạng chạy vào. Đây là hồn ả Đạm Tiên. Trong khi, mấy người ban âm nhạc đàn sáo lại khua trống ầm ĩ. Cô Kiều buông quạt, ngơ ngác. Ra lối vừa tỉnh dậy, cô Kiều đứng lên. Cô xòe quạt. Cô rún chân bên phải, mắt liếc bên phải. Cô rún chân bên trái, quạt cũng nghiêng bên trái và đôi mắt cũng liếc sang bên trái. Cái quạt uốn éo, đảo một vòng, cô Kiều hát:

— Ôi thương ơi! Ôi hỡi thương ơi!...

Những người ngồi xung quanh cả những người đằng sau rạp cũng rầm rĩ hát võ nước theo và kéo nhị một câu ấy ới thương ơi!... Bung bung bập bùng... cò cu... cò cu... Vui quá.

Nhà giáo Câu và nhà giáo Răng cũng đứng trên thềm đình, xem chèo. Đứng lâu đã mỏi chân, hai người rủ nhau đi loanh quanh. Dưới cửa đình, có mấy quán bán nước. Con trai con gái các làng kéo đến xem hội, đi từng đám, từng bọn.

Ban ngày, hát chèo không vui bằng tối, chỉ được cái đông.

Hai nhà giáo vừa đi vừa tán chuyện về đám chèo. Nghe đằng bờ ao làng, nhiều tiếng người reo à à.

— Chơi bắt vịt chẳng?

— Có nhẽ đấy.

Họ rảo bước lại. Cuộc vui đương ồn ào. Nhưng không phải đuổi vịt. Mà là trò bịt mắt bắt vịt bày ra từ sáng sớm ngoài ao làng. Có bốn con vịt, các tay lặn nhanh đã lừa bắt được cả. Chỗ này là trò chơi

cột mỡ, đông người xem chẳng kém đám chèo trên sân đình. Vòng trong vòng ngoài, nghìn nghịt bên bờ ao. Ở giữa chôn một cái cột xoan đã bóc vỏ nhãn thín. Người ta đã bơi vào nhiều mỡ và nước xà phòng nhờn. Trên đầu cột, treo lủng lẳng các thứ giải thưởng. Hai chiếc quạt Tàu, bên cạnh hai lọ nước hoa, hai gói giấy đỏ, trong đựng ba hào bạc. Năm sáu người leo, phần nhiều là những trai làng nghịch ngợm. Có những người làng khác thấy ngứa mắt, cũng cời phăng áo, hăm hờ nhảy ra. Nhưng chỉ được mấy cái tuổi, lại trôi tuột xuống. Trơn quá. Mỗi lần có người bị ngã ngựa ra bãi xung quanh lại reo hò loạn xạ. Trẻ con thích quá, vỗ tay, nhảy cẫng lên. Người ta càng cố leo. Nhưng vẫn không ăn thua. Cuộc vui kéo dài...

Hai nhà giáo lên cửa đình vào xem tề. Vừa đi qua quãng tường đầu đình, gặp một toán cô gái. Có một cô tân thời đi cùng với đám cô Lua, cô Khuyên. Câu choáng người. Đó là cô Miến. Chao ôi! Cô Miến ăn mặc quần áo tân thời kiểu người Kẻ Chợ.

Cô ở trong đình đi ra. Hai tay cô bung cái tráp sơn đỏ, sơn then - tráp đựng vàng hương, đem ra đình lễ. Đầu cô chít khăn nhung, vẫn lẩn vành dây kiểu phùng phổ. Một bên mái tóc, gài một chùm hoa mộc trắng ngà. Tắm áo satanh đen nhuyễn, óng ánh. Ở mỗi bước đi, cái quần lĩnh Sà-goòng bóng loáng ăn với áo satanh trơn, óng ánh xao động nhịp nhàng. Chân cô đi đôi dép Nhật Bản, cũng sơn đen bóng, đế thì bằng kép trắng như lụa. Chưa bao giờ Miến tân thời thế này cho nên trông Miến khác hẳn.

Mà sao trông Miến cao cao quá, trắng quá. Cơm gạo và nước máy Kẻ Chợ có khác. Cô bước đi lả lướt, rõ ra lối đi của các tiểu thư ông ả ăn trắng mặc trơn.

Gặp Câu, Miến thoáng nhìn qua rồi, đi tự nhiên, như không biết nhau bao giờ. Giữa lúc ấy, một bà lão bước đến. Miến chào bà lão. Bà lão kêu lên:

— Úi chao ôi! Tưởng ai, hóa ra cái Miến. Cô tân thời làng ta, năm nay cho bà ăn cỗ đấy chứ?

Miến cười. Nhưng Câu đã thoáng nghe được mấy tiếng chào hỏi người làng của Miến. Cái giọng Miến sữa, Hà Nội đặc.

Giáo Răng hỏi giáo Câu:

— Con nào thế?

— Cô Miến.

— Con nhà xừ khán Tịnh phỏng?

— Ừ. Sao anh biết?

— Tớ là thổ công mấy làng này sao lại không biết. Con bé trông khâu quá. Ở đây lâu thế mà toa không tán được nó. Đàng ấy rõ quých quá. Không nói phét, chẳng phải tay moa ...

Câu dờ dẩn cả người. Mặt anh hoa hoa. Đầu anh bỗng vầng vát.

Răng nhìn Câu, hỏi:

— Toa làm sao thế?

— Không. Có sao đâu.

— Mặt tái đi đấy.

— Tôi hơi nhức đầu.

Về đến nhà, Câu nằm thẳng cẳng như người chết rồi. Nhưng óc Câu cũng vẫn nghe bà Thiêm nói chuyện. Bà Thiêm vừa đi ăn cỗ đàng nhà ông khán Tịnh về. Cũng như mọi nhà, làng có đám thì nhà ai cũng thấp hương làm cỗ. Cái tính bà Thiêm chẳng để bụng được việc gì, câu gì có thể nào cũng khoe ngay, không sót một chuyện.

— Cái Miến nó làm thức ăn Kẻ Chợ ngon thần tình, cậu giáo ạ. Nó học lối cao lâu của khách người ta xào nấu. Con bé năm nay trông cao quá. Lại ăn mặc tân thời, người càng vồng lên. Cái Miến sắp lấy chồng đấy cậu giáo ạ.

Câu nhòm dậy:

— Lấy ai thế, hả bà?

— À lại cái món họ hàng nhà mấy chú khách ấy. Lấy em chú Sủi. Cho ăn hỏi rồi lại cho cưới ngay. Số con bé mà sướng. Chị lấy anh. Bây giờ em lại lấy em. Con chị dắt con em đi. Thế cũng phải. Đời

bây giờ cứ no cơm ấm cật là được, phải không cậu giáo?

Miền lấy em chú Sủi, Câu nhớ lại cái buổi tối, khe cửa mở hé. Cái chú khách cời trần đầu trọc, béo đến có mấp ở gáy. Chú khách thò đầu, bàn tay hộ pháp mở cửa cho Miền. Đây là chú Sủi hay đây là em chú Sủi, Câu nào biết là ai. Câu chỉ biết Câu địch sao lại anh em nhà chú Sủi. Câu địch làm sao, Câu như con kiến, Câu thấy ruột đau quặn. Bà Thiêm vẫn kể chuyện đều đều:

— Này, cậu giáo. Khách người ta cưới xin hay đào đắp. Dẫn lễ thì đem đến mấy bò bánh bích quy, cậu giáo ạ. Cậu giáo ngủ đấy hả?

Câu không trả lời. Bà lão tưởng Câu ngủ. Nhưng, Câu nằm quay mặt vào vách, hai mắt Câu vẫn mở rảo trong.

Mấy hôm sau, đương buổi Câu dạy học. Miền đi qua ngoài kia, Miền về Kê Chợ. Vẫn bộ cánh là lượt hôm làng có hội. Chỉ khác hôm nay Miền vấn tóc trần, để đầu ngôi rẽ lệch. Nàng bước lên cầu Phượng. Bóng nàng khuất sang mé thành cầu. Rồi lấp sau mấy bụi dứa dại, lá mọc từng đám, gai dứa nhọn khía lửa tủa.

Nàng không đội nón, nàng không nghiêng nón nhìn nhìn vào trường. Làm như chẳng bao giờ người ta biết ở mé đường bên kia, ngay đầu cầu Phượng, có trường học làng Nha, có thầy giáo Câu hôm nào cũng ý tứ đứng nhìn hóng ra. Đàn bà nhẹ dạ dễ nhớ, dễ quên. Thôi, lần này thì quên hẳn rồi. Mảnh tình sông tan với tiếng gió vườn tre, với nước chảy đầu cầu.

Chương XV

Một buổi chiều tan học, tiếng trống tong tong nổi lên, rồi xung quanh lại im ắng.

Ráp cái phen cửa rồi giáo Câu, tay cắp mấy quyển vở tay xách cái đồng hồ vuông, lừ lừ đi về. Tiếng guốc lê rã rời trên con đường gạch lũng củng. Nắng xiên khoai vàng héo. Nắng này vào những buổi chiều tháng Ba, ông già bà cả hay sinh ra nhức đầu, đau lưng. Không trở trời theo nắng quái, nhưng nhà giáo cũng khó chịu vì nắng tấp vào một bên mặt. Mấy quyển vở được giơ lên che. Mặt nhà giáo xịu xuống, chảy thười ra, nhăn nhó. Có vẻ ốm, có vẻ buồn, cơn buồn ám ảnh từ lâu. Chiều nay, đầu nặng trĩu, về nhà, anh cởi áo dài, nằm xuống giường. Anh ngỡ mình mỏi quá, sắp chết mất.

Bà Thiêm ở ngoài ao vào, nói: “Cậu giáo chưa ra xơi cơm à? Cậu giáo ra xơi cơm”. Câu lừ khừ ngồi dậy, đi ra. Mâm cơm để ngoài hiên, dưới giàn mướp hương. Cái lồng bàn mở hé, mấy con nhặng xanh vo ve bay tọt ra. Trên chiếc mâm gỗ mộc, lồng chổng bát nước rau to nhất. Thứ đến bát chiết yêu rau muống, một đĩa cà pháo đầu mùa, trắng nhợt. Cái bát đàn đựng tương lớn nhón những hạt đậu còn nguyên một nửa.

Câu xúc cơm chan nước rau luộc, lùa vội mấy miếng. Anh cố ăn, như ăn lấy lệ. Tuy chỉ và qua loa, ra vẻ chán cơm, nhưng anh cũng hết được ba vục bát. Dọn mâm cho cậu giáo, bà Thiêm nói: “Mấy bữa rày cậu ăn kém thế?”. Rồi bà lại nghĩ và trả lời lấy: “Tháng Ba nắng mới, ai cũng dừng dừng cơm nước cậu giáo ạ”.

Bây giờ thì nhà giáo đã đương dạo bước một ngoài đồng làng. Cơm xong, mở đến tập vở học trò, định mở ra chấm, ngán ngừ lại thôi. Anh thấy háo đi tản bộ như mọi khi. Vào buổi chiều đi lơ mơ ngoài cánh đồng cũng là một thói quen. Tự dưng nhà giáo trở lại cái hứng nhàn hạ, đi gật gù, hai tay chấp sau lưng, nghĩ ngợi vẩn vơ.

Con đường oằn oại truồi ngang cánh đồng. Trước mắt, làng Phú Gia đằng kia mờ trong sương. Bát ngát khắp nơi, bóng tối dịu dàng. Bất chợt, một ngôi sao lên lấp láy. Câu cúi đầu, thông thả đi như đếm bước.

Khi trời tối, Câu uể oải từ từ quay về.

Tưởng như chiêm bao thấy bóng người. Hôm nay mười rằm. Bỗng Câu đứng lại, ngược nhìn. Một vầng trăng lên sừng sững trên đầu khoanh tre, mặt trắng tròn xoe. Bây giờ còn sớm, trăng chỉ có hình mà chưa có ánh. Những cành tre non, gió đu đưa, quét đi quét lại qua mặt ông trăng nhợt nhạt như mặt người ốm ngã nước. Mà ông trăng lại lửng lơ như cái diều tròn bằng giấy bản của trẻ con thả chơi, những buổi chiều có gió dưới.

Trông trăng, Câu chẳng tưởng tượng xa gần gì nhưng ít lâu nay, hề nhìn trăng anh lại buồn. Anh nhớ như mỗi lần thò tay vào túi, thấy cái mùi-xoa và lọ nước hoa chưa bao giờ mở nút thì anh ngậm ngùi. Những thứ của Miên. Anh nhớ hôm nào... Anh nhớ buổi chiều hôm nào... Ở bên gò cỏ ấu cao đằng kia. Hai người cầm tay nhau. Cuối cánh đồng, ông trăng tròn nhô lên và cười. Miên đã nói với anh những câu gì gần bó lắm. Miên lại khóc. Những giọt nước mắt đầm đìa xuống má. Bây giờ, đôi khác, cái gì cũng đôi khác từ ngày ra Kẻ Chợ. Vậy mà sao còn có cái ông trăng này. Ông trăng đến mười rằm lại tròn như bát nước đầy. Thôi, Miên cũng đã bảo ông trăng ở ngoài ấy cũng chẳng sáng bằng đèn điện.

— Ủ, giá người ta còn ở lại đây, cũng khó lòng mà mình đã lấy nổi người ta. Ông trăng chẳng sáng bằng đèn điện, mình nghèo quá. Mình đã chẳng lo cho ai sung sướng được thì mặc ai. Mà sao mình lại chịu chết ở đây mai? Ngày trước có khi ta đã định đi bay nhảy làm ăn ở Sà-goòng kia mà.

Nhớ đến có lần xưa kia định đi Sà-goòng, Câu thấy lòng nao nao. Rồi lại tơ tưởng nhớ. Nhớ xa, nhớ gần. Những ngày anh em sum họp rồi sau tan tác. Câu nhìn lên trăng, anh lấy làm lạ, sao mình lại dễ ứa nước mắt vậy. Cơ chừng anh tủi thân với ông trăng.

Mấy quyển vở đã chấm xong. Tối nay, lười lỉnh, nhà giáo cầm bút, cứ gặt bừa bãi. Rồi hoa bút lên,

nét mực đỏ ngoặc ra những con số điểm đỏ hoe. Song rồi giáo Câu gấp từng vò, để xuống mặt giường. Anh lấy ra một tờ giấy trắng. Chấm mấy lần mực, bần thần nhìn ngọn đèn hoa kỳ có những con muỗi cỏ bay lảng xảng vòng quanh.

Đến lúc bóng trăng đã lợt qua giàn mướp hương, cơ chừng vào nửa đêm, anh viết xong được một lá thư.

“Hạ Nha le...

Bác Kền ơi!

Tôi nhận được lá thư của bác từ hôm đầu tháng. Mấy lần đã toan trả lời, nhưng vì công việc không lúc nào nhàn. Hôm nay mới có thì giờ, cầm bút viết mấy hàng này.

Từ ngày anh đi, làng xóm vẫn không có gì thay đổi. Bên anh, anh đi, giáo Răng đến, thì lại có vẻ tấp nập. Răng vừa dạy học, lại vừa dạy võ mấy nhà.

Răng mới lấy cô Tổ, con nhà chánh Đặng, anh chẳng lạ gì. Câu chuyện rắc rối, giá anh còn ở đây, tất lại làm được mấy bài thơ hay. Còn bên Hoạch, làng bỏ trường hoang cho cỏ mọc chắc không mở trường nữa rồi.

Tôi hỏi thăm về đường kinh tế quần bách nheo nhóc, vợ chồng Hoạch lại cãi nhau, đánh nhau luôn.

Từ ngày anh đi, về phần tôi, cũng chẳng khác khi anh ở đây. Nhờ trời, anh ra ngoài ấy, làm ăn được ung dung như thế, thực là may mắn lắm. Chứ như tôi ở đất này, chẳng nói thì anh cũng đã biết mà nói thì chỉ thêm buồn khổ mà thôi. Đồng tiền phân bạc chẳng là bao, mà vào miệng cũng chẳng đủ. Khi anh em ta cùng nhau ly biệt mỗi người một ngã, một mình tôi ở lại, buồn quá. Giáo Răng thì không hợp tính. Chẳng sao còn như thuở xưa anh em ta. Ngày lại ngày, tôi về một mình đối ngọn đèn xanh. Huống chi tôi lại có chuyện tâm sự đau đớn khôn xiết tả, để khi gặp anh, xin hầu chuyện anh nghe.

Bởi vậy, tôi muốn có một điều nhờ anh rằng anh xem ở ngoài Uông có công việc gì, sức tôi có thể làm, kham khổ cũng không sao, anh xin cho tôi rồi anh đánh giấy ngay cho tôi biết. Tôi không muốn ở đây một ngày nào nữa. Mong anh nghĩ tình bạn cũ mà để tâm giúp tôi, ơn ấy thực to tày bể.

Chúc anh mạnh khỏe, khang an.

Câu"

Câu đọc đi đọc lại ba bốn lượt bức thư. Anh xé một tờ giấy gấp làm chiếc phong bì. Vừa làm, nhà giáo vừa nghĩ đến cái kết quả tốt đẹp của bức thư. Năm bữa nửa tháng, có thư đáp “tôi đã tìm được việc cho anh rồi”. Ấy thế là Câu bỏ đất này, đi ngay.

Đi. Tưởng tượng khiến Câu nhìn ra công việc đương thu xếp.

Của cải nhà giáo có những gì. Thực là một nhà giáo khổ. To nhất có cái hòm gỗ mộc. Ở trong có vài cái quần áo, nhà giáo không bao giờ phải dùng tới khóa.

— Có một cái đồng hồ trầm cầm đánh đàn. Một đàn gà, ba mái, một trống, mấy con gà con. Bán ngần ấy thứ có thể cũng được trên mười đồng bạc. Với tám đồng bạc đã để dành được vị chi ngót nghét hai chục. Đi tàu bè từ đây ra Uông Bí, chắc là cũng ung dung chán.

Bây giờ thì nhà giáo Câu tưởng tượng sang đến cái đoạn vui. Ấy là, vài năm sau khi nhà giáo đã nghiệm nhiên thành một tay thư ký sở mở ngoài Uông chẳng hạn. Một ngày kia, được nghỉ Tết, nhà giáo về Hạ Nha chơi. Thôi thì oách hết chỗ nói. Một bộ tây tuyết-xo mỡ gà thực chiến. Chân dận đôi giày dôn màu da cam có cổ. Cổ tay đeo đồng hồ. Đầu để trần chải lật, trơn mượt. Anh ung dung dắt cái xe đạp vào làng Nha, đến chơi nhà bà Thiêm. Gót giày nện cá sấu, lách cách giòn tan. Chà chà, ông giáo Câu bây giờ bảnh quá, bảnh quá.

Nghe có người nói chuyện lại như thế, cô Miến áp vạt áo lên mặt, ứa nước mắt.

Câu him mắt, tưởng tượng nữa.

Nhưng đến đây thì không nghĩ thêm được điều gì khác hơn. Chấm hết dòng vắn vơ, anh mỉm cười với cái hoa đèn đỏ thắm. Ngoài kia, trăng đã xế. Chiếc phong bì vuông cũng vừa gấp xong.

Dầu Tiếng - Bến Ray - Tháng Chạp 1942.



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[1] Tiếng Pháp nghĩa là: Xin chào tạm biệt!

[2] Dịch nghĩa: Ngọc không mài, không thành. Ngậm máu phun người, trước tiên bản miệng.

[3] Tiếng Pháp: (un point à la ligne) một chấm, xuống dòng.

[4] Bông dua (Bonjour) chào

[5] Xừ là từ tiếng Monsieur gọi tắt

[6] Toa – moa (mày tao) tiếng Pháp, cách xưng hô với bạn bè thân thuộc.

[7] Vu (Vous) Ông hoặc Bà

[8] Moa Trần Văn Răng dít Cao Sơn các vi dít đây (Tôi là Trần văn Răng biệt danh là Cao Sơn, danh thiếp của tôi đây).

[9] Những việc về lương các hương sư trường làng tác giả kể trong chương này đều đã xảy ra trước khi nghị định các quan đầu tỉnh cho lương hương sư lấy vào thuế thân hàng năm như “phụ thu lạm bổ ” do trên tỉnh chủ trương.